

11758107 (6)

Q Y.

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM



7

7.1979

CHĂM LO CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VÀ KIỆN TOÀN, CÙNG CỐ TỔ CHỨC ĐẢNG



HỮNG năm qua, thi hành nghị quyết 195 của Bộ chính trị Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ-Chí-Minh, chỉ thị 192 của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng và các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương về xây dựng Đảng, các cấp ủy đã cố những cố gắng trong việc phát triển Đảng và sàng lọc đội ngũ đảng viên, củng cố, kiện toàn các tổ chức Đảng.

Về công tác phát triển Đảng, từ năm 1970 đến nay, các tổ chức Đảng đã kết nạp nhiều đảng viên mới vào Đảng. Công tác phát triển Đảng đã chú trọng hơn trước về chất lượng. Hầu hết những người được kết nạp đã phát huy được vai trò và tác dụng của đảng viên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó. Việc mở rộng đội ngũ đảng viên đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và kiện toàn các tổ chức cơ sở của Đảng. Mặt khác, việc đưa vào Đảng sinh lực mới bao gồm những người trẻ, ưu tú trong phong trào cách mạng của quần chúng, những người có trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, đã góp phần thiết thực vào việc nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng.

Nói riêng ở miền Nam, sau bốn năm giải phóng, đến nay các đảng bộ miền Nam đã có những tiến bộ trong công tác phát triển Đảng. Chín mươi tám phần trăm tổng số các xã, phường đã có tổ chức

Đảng; phần lớn các ấp đã có đảng viên. Nhiều tổ chức cơ sở Đảng đang phát huy tác dụng lãnh đạo đối với sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Những năm gần đây, việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng cũng đã được nhiều cấp ủy chủ ý và được đẩy mạnh hơn. Tiếp theo việc thi hành chỉ thị 192, các cấp ủy Đảng đã đi vào chỉ đạo thực hiện thông tri 22 của Ban bí thư Trung ương Đảng kết hợp với việc thực hiện nghị quyết 228 của Bộ chính trị; các tỉnh miền Nam còn kết hợp với việc làm trong sạch nội bộ Đảng. Đến nay, hầu hết cơ sở Đảng ở các tỉnh đồng bằng và trung du miền Bắc đã thực hiện thông tri 22, trong đó phần lớn số cơ sở đã giải quyết về cơ bản việc đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên.

Qua giáo dục và rèn luyện trong công tác thực tiễn và qua việc thực hiện thông tri 22 của Trung ương, nhìn chung các đảng viên đã nâng cao một bước lập trường, quan điểm giai cấp công nhân, vai trò và trách nhiệm của mình, nhận rõ tình hình mới, nhiệm vụ mới, thấy rõ bản chất phản động và những âm mưu thâm độc của tập đoàn cầm quyền phản động Trung-quốc đối với nước ta, nâng cao ý chí phấn đấu cách mạng, tinh thần cảnh giác, sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ. Phần lớn đảng viên đã có những biểu hiện tốt trong chiến đấu, sản xuất và công tác. Gần một nửa số đảng viên yếu kém để lại giáo dục đã có chuyển biến tốt.

Tuy nhiên, trong việc phát triển Đảng cũng như trong việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, bên cạnh những tiến bộ, những kết quả đã đạt được, chúng ta cũng có những khuyết điểm, lệch lạc. Chỉ thị 72 của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường công tác phát triển Đảng và kiện toàn, củng cố tổ chức Đảng, đã chỉ rõ: «Có tình trạng trì trệ trong công tác phát triển và củng cố, nâng cao chất lượng của Đảng ở nhiều đảng bộ địa phương. Nhiều tổ chức cơ sở Đảng trong nhiều năm không chủ ý chọn lọc, bồi dưỡng, giáo dục những người tích cực trong phong trào cách mạng để kết nạp họ vào Đảng; không kiên quyết đấu tranh chống các mặt tiêu cực trong Đảng và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng».

Trong 10 năm qua, có rất nhiều tổ chức cơ sở Đảng không kết nạp người vào Đảng. Ở một số địa phương, có tới trên dưới 70% số tổ chức cơ sở Đảng không làm công tác phát triển Đảng. Ngay những nơi có phong trào quần chúng khá, những xí nghiệp tập trung đông công nhân, quần chúng đã được rèn luyện, thử thách, cũng không kết nạp người vào Đảng hoặc chỉ kết nạp với một tỷ lệ không đáng kể.

Tình trạng trì trệ trong công tác phát triển Đảng đã ảnh hưởng không tốt đến nhiều mặt công tác. Tổ chức Đảng chưa được xây dựng đều khắp ở các cơ sở để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. Đến nay, còn rất nhiều ấp, xí nghiệp, đơn vị vũ trang, trường học..., nhất là ở miền Nam, miền núi chưa có chi bộ Đảng hoặc chưa có đảng viên. Những nơi có cơ sở Đảng thì lực lượng đảng viên cũng rất mỏng.

Trong nhiều năm công tác phát triển Đảng không được chú ý đúng mức, cho nên hiện nay tuổi đời bình quân của đảng viên quá cao, tinh năng động và tinh kế thừa của đội ngũ Đảng bị hạn chế. Ở nhiều đảng bộ, tuổi đời bình quân của đảng viên hiện nay là 40 – 42 tuổi; ở một số đảng bộ tuổi đời bình quân của đảng viên còn cao hơn nữa. Do thiếu đảng viên trẻ, ở nhiều tổ chức Đảng đã xuất hiện khó khăn trong việc phân công phụ trách cũng như trong việc lựa chọn, xây dựng đội ngũ cốt cán thay thế những đồng chí tuổi cao, sức yếu. Ở những nơi không có hoặc có quá ít đảng viên, việc tuyên truyền, giáo dục về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và việc chấp hành đường lối, chính sách đó có những hạn chế, thậm chí những lệch lạc. Nhiều người đã được rèn luyện, thử thách nhiều năm và đã tỏ ra xứng đáng vẫn không được kết nạp vào Đảng.

Việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng làm chậm, kéo quá dài. Nhiều nơi có khuynh hướng làm lướt, không nghiêm túc, không bảo đảm yêu cầu chỉ đạo của Trung ương. Nhiều nơi chỉ tiến hành một mặt việc đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, không coi trọng đúng mức việc nâng cao chất lượng đảng viên.

Có những khuyết điểm nói trên trước hết là do nhiều cấp ủy Đảng, nhiều tổ chức Đảng chưa quan tâm đến công tác xây dựng Đảng. Nhiều đồng chí chưa thấy hết ý nghĩa quan trọng của việc phát triển Đảng cũng như việc sàng lọc đội ngũ đảng viên, chưa thấy rõ mối quan hệ mật thiết giữa phát triển Đảng với củng cố Đảng, giữa kiện toàn, củng cố tổ chức Đảng với việc đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng; chưa thật sự quan tâm chỉ đạo các mặt công tác ấy một cách cụ thể và chặt chẽ. Trong công tác phát triển Đảng, nhiều đồng chí vừa thiếu trách nhiệm vừa có những nhận thức không đúng về tiêu chuẩn kết nạp người vào Đảng. Trong việc sàng lọc đội ngũ đảng viên, vừa có hiện tượng thiếu trách nhiệm vừa có hiện tượng hữu khuynh, né tránh, thiếu kiên quyết. Có quyết tâm khắc phục những khuyết điểm ấy, chúng ta mới có thể đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn cách mạng hiện nay.



Vấn đề phát triển Đảng, củng cố tổ chức Đảng được đặt ra một cách khẩn trương xuất phát từ những yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của Đảng trong giai đoạn mới. Chúng ta đều biết, ngày nay Đảng ta là Đảng lãnh đạo chính quyền trong cả nước, Đảng ta đang đứng trước những yêu cầu hết sức to lớn, nặng nề của nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đề tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, bảo đảm cho Đảng có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử ấy, một nhân tố quan trọng có ý nghĩa quyết định là phải xây dựng cho được một đội ngũ đảng viên mạnh về chất lượng, đủ về số lượng, phải xây dựng cho được các tổ chức Đảng vững mạnh và trong sạch ở tất cả các cơ sở.

Vì vậy, mục tiêu của công tác phát triển Đảng và kiện toàn tổ chức Đảng trong thời gian tới là tích cực phấn đấu để đến hết năm 1980, tất cả các cơ sở đều có chi bộ Đảng trong sạch và vững mạnh như đã xác định trong nghị quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng.

Để đạt được mục tiêu ấy, chúng ta phải đồng thời khẩn trương làm tốt cả hai mặt: tăng cường công tác phát triển Đảng và sớm hoàn thành việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Trước hết, cần thấy rõ sự cần thiết phải tăng cường công tác phát triển Đảng đáp ứng cả hai yêu cầu về chất lượng và số lượng. Trong công tác phát triển Đảng, yêu cầu bảo đảm về chất lượng bao giờ cũng là vấn đề có tính nguyên tắc. Có bảo đảm yêu cầu về chất lượng mới chú ý thu hút vào Đảng những người ưu tú, tiên tiến, xứng đáng với danh hiệu đảng viên cộng sản, một lòng một dạ kiên quyết phấn đấu suốt đời cho những mục tiêu cao cả của Đảng. Nếu kết nạp vào Đảng những người không đúng tiêu chuẩn thì không những họ không phát huy được vai trò, tác dụng của đảng viên mà có thể còn gây ra những hậu quả phức tạp.

Song, mặt khác cần nhận rõ sức mạnh hoàn chỉnh của Đảng được tạo nên bởi cả hai yếu tố chất lượng và số lượng. Phải có một số lượng đảng viên nhất định thì mới có điều kiện để xây dựng tổ chức Đảng một cách đều khắp ở mọi cơ sở, mới tạo nên sức mạnh chiến đấu của Đảng và mới tăng cường được vai trò lãnh đạo của Đảng trong toàn bộ đời sống xã hội. Vì vậy, cùng với việc coi trọng chất lượng, cần coi trọng cả số lượng. Vấn đề này càng có ý nghĩa quan trọng đối với miền Nam, miền núi là những nơi đang có ít đảng viên, nhiều cơ sở chưa có tổ chức Đảng hoặc chưa có đảng viên.

Để tăng cường công tác phát triển Đảng, đi đôi với việc giáo dục, nâng cao trách nhiệm của các tổ chức Đảng và đảng viên, cần đầu

tranh khắc phục khuynh hướng hẹp hòi, biệt phái. Khuynh hướng này biểu hiện trước hết ở chỗ «tuyệt đối hóa» tiêu chuẩn, đi tới chỗ thấy ai cũng không xứng đáng, không đủ tiêu chuẩn để được kết nạp. Mặt khác, nó biểu hiện ở chỗ, trong một số đảng viên có sự so đo, tính toán cá nhân, không muốn giới thiệu, không muốn kết nạp người tốt vào Đảng, vì sợ người ta có «quyền lợi chính trị» như mình hoặc sẽ lấn bộ hơn mình.

Vừa qua, bên cạnh tình trạng trì trệ, không quan tâm phát triển Đảng, cũng có tình trạng kết nạp vào Đảng những người không đủ tiêu chuẩn, thậm chí ở một số đảng bộ, việc kết nạp sai tiêu chuẩn chiếm tỷ lệ khá cao. Ngay ở những đảng bộ có khuynh hướng hẹp hòi cũng có không ít trường hợp kết nạp sai do không nắm vững tiêu chuẩn hoặc do thiếu thẩm tra kỹ lưỡng, do không dựa vào quần chúng tiên tiến hoặc do một số đảng viên có động cơ cá nhân, báo cáo dối trá với tổ chức. Vì vậy, cùng với việc khắc phục khuynh hướng hẹp hòi, biệt phái, cần đấu tranh khắc phục khuynh hướng kết nạp thiếu thận trọng, hạ thấp tiêu chuẩn, đưa những người không đủ tiêu chuẩn vào Đảng. Nghiêm khắc phê phán và ngăn chặn những hiện tượng muốn lôi kéo những người thân thuộc, họ hàng vào Đảng, không coi trọng cả tiêu chuẩn và thủ tục nhưng lại dè dặt, gây khó khăn cho việc kết nạp vào Đảng những người xứng đáng. Đồng thời, luôn luôn linh hoạt đề phòng những phần tử cơ hội, những phần tử phản động tìm cách chui vào Đảng.

Đề bảo đảm chất lượng trong công tác phát triển Đảng, yêu cầu quan trọng đầu tiên là nắm vững tiêu chuẩn kết nạp người vào Đảng. Chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng đã chỉ rõ: «Các cấp, nhất là các đảng ủy cơ sở, các huyện ủy phải hướng dẫn cho các chi bộ dựa vào ý kiến của quần chúng cách mạng mà phát hiện, soát xét những đối tượng cần bồi dưỡng để phát triển Đảng một cách tích cực và vững chắc, gồm những người lý lịch rõ ràng, không phạm tiêu chuẩn về lịch sử chính trị đã được Ban bí thư quy định, qua rèn luyện, thử thách đã tỏ ra có tinh thần đấu tranh cách mạng kiên quyết và bền bỉ, có khả năng hoàn thành nhiệm vụ, tin tưởng tuyệt đối ở Đảng, ở chế độ, được quần chúng tin yêu» (chúng tôi nhân mạnh — BT). Chúng ta cần nắm vững tiêu chuẩn ấy để lựa chọn người kết nạp vào Đảng. Đồng thời, tùy theo hoàn cảnh cụ thể của mình, các đảng ủy cơ sở hoặc huyện ủy cần có kế hoạch bồi dưỡng cho những đối tượng ấy về lý luận cộng sản chủ nghĩa, về đường lối và nhiệm vụ cách mạng, về tư cách và nhiệm vụ đảng viên để nâng cao giác ngộ chính trị cho họ, và trên cơ sở đó kết nạp những

người có đủ điều kiện theo đúng thủ tục đã quy định trong Điều lệ Đảng.

Đề tăng cường công tác phát triển Đảng, điều hết sức quan trọng là phải có quy hoạch, kế hoạch và biện pháp phát triển Đảng một cách cụ thể. Các cấp ủy Đảng cần xem xét lại đội ngũ đảng viên của mình cả về chất lượng, số lượng, về sự phân bố đảng viên, đồng thời đi sâu nghiên cứu nắm vững tình hình cụ thể ở địa phương mình mà xây dựng quy hoạch, kế hoạch và biện pháp phát triển Đảng một cách tích cực và vững chắc, đáp ứng những yêu cầu đề ra trong chỉ thị của Ban bí thư.

Hiện nay, số đảng viên xuất thân từ thành phần công nhân, số đảng viên nữ và đảng viên là người dân tộc thiểu số mới chiếm tỷ lệ thấp trong Đảng (công nhân: 8,8% ; người dân tộc thiểu số: 9,6% ; phụ nữ: 17%). Ở các cơ sở, số đảng viên là công nhân trực tiếp sản xuất, là nhân viên trực tiếp bán hàng, phục vụ... mới chiếm tỷ lệ không đáng kể, nhiều cơ sở chưa có đảng viên. Vì vậy, trong khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển Đảng, các cấp ủy cần chú trọng phát triển Đảng trong thành phần công nhân, phụ nữ, người dân tộc thiểu số và ở các tổ chức trực tiếp sản xuất, phục vụ, chiến đấu...

Tuổi đời bình quân của đảng viên hiện nay quá cao. Các cấp ủy Đảng cần có kế hoạch chỉ đạo sao cho số người được kết nạp vào Đảng phần lớn là những thanh niên ưu tú nhất, đề hạ thấp tuổi đời bình quân của đảng viên, tạo nên sức chiến đấu mới cho các tổ chức Đảng và tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kế cận. Song cần chú ý rằng, trong thời gian qua, do nhiều nơi không coi trọng công tác phát triển Đảng, cho nên nhiều người ưu tú đã được rèn luyện, thử thách mà không được kết nạp vào Đảng và hiện nay những người ấy không còn ở lứa tuổi thanh niên nữa. Vì vậy, các tổ chức Đảng cần chú trọng xem xét đề kết nạp những người xứng đáng trong số đó vào Đảng.

Tổ chức Đảng ở cơ sở là nơi trực tiếp làm công tác phát triển Đảng. Mọi ưu điểm, khuyết điểm về phát triển Đảng chủ yếu diễn ra ở cơ sở. Vì vậy, các cấp ủy tỉnh và huyện cần tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện cho các đảng ủy, chi ủy nắm vững mục tiêu, yêu cầu của công tác phát triển Đảng và cả nghiệp vụ công tác phát triển Đảng, để các đồng chí ấy có thể chỉ đạo công tác phát triển Đảng ở cơ sở một cách đúng đắn. Mặt khác, cần tăng cường việc kiểm tra công tác phát triển Đảng, kiểm tra cả những nơi kết nạp, những người mới được kết nạp và những nơi không kết nạp người vào Đảng để kịp thời phát hiện, uốn nắn những khuyết điểm, lệch lạc và giúp đỡ cơ sở giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

Theo kinh nghiệm của nhiều tổ chức Đảng, để làm tốt công tác phát triển Đảng, cần chú ý làm tốt những việc sau đây:

— Liên tục phát động phong trào thi đua và các phong trào cách mạng khác của quần chúng, đưa quần chúng vào hành động cách mạng để rèn luyện, thử thách; thông qua các phong trào đó mà phát hiện và đi sâu nắm vững những người tiên tiến, xuất sắc. Phổ biến rộng rãi tiêu chuẩn kết nạp người vào Đảng để quần chúng có phương hướng phấn đấu, rèn luyện.

— Phân loại quần chúng, nắm vững những mặt mạnh, mặt yếu của quần chúng để có kế hoạch chuẩn bị phát triển Đảng một cách tích cực và cụ thể. Đối với những người xứng đáng nhất thì tích cực bồi dưỡng để sớm có đủ điều kiện kết nạp. Đối với những người có triển vọng thì vừa bồi dưỡng vừa giúp họ phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm và nhược điểm. Từng thời gian, xem xét, đánh giá sự tiến bộ của quần chúng; những người đã tích cực phấn đấu, đủ tiêu chuẩn, xứng đáng, thì kết nạp vào Đảng; những người chưa đủ tiêu chuẩn kết nạp thì có kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ một cách thiết thực. Trong việc phân loại, đánh giá quần chúng, cần có thái độ khách quan, đúng đắn, tránh tình trạng « yêu nên tốt, ghét nên xấu », đánh giá cao và kết nạp những người biết làm vừa lòng lãnh đạo, thành kiến với những người dám đấu tranh thẳng thắn. Hết sức coi trọng việc giúp đỡ những người phấn đấu vào Đảng xác định được động cơ vào Đảng một cách đúng đắn. Phê phán và ngăn chặn những hiện tượng xu nịnh, luồn lọt để được vào Đảng.

— Động viên các đoàn thể quần chúng, nhất là Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, tích cực tham gia công tác phát triển Đảng bằng cách giới thiệu với tổ chức Đảng những người ưu tú của đoàn thể mình để tổ chức Đảng lựa chọn. Để việc giới thiệu được chính xác, tổ chức Đảng cần giáo dục cho đảng viên và quần chúng nắm vững những điều kiện và tiêu chuẩn kết nạp người vào Đảng.

— Có tổ chức chuyên trách về công tác phát triển Đảng giúp cấp ủy những việc cần thiết như: lập dự kiến kế hoạch phát triển Đảng, nghiên cứu đối tượng kết nạp, xác minh lý lịch, lập hồ sơ kết nạp, bảo đảm các thủ tục kết nạp, v.v. Những người tham gia bộ phận chuyên trách cần được bồi dưỡng kỹ những yêu cầu về công tác phát triển Đảng và nghiệp vụ công tác phát triển Đảng.

— Từng thời gian có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, phân tích một cách sâu sắc tình hình và tìm ra nguyên nhân cụ thể để tiếp tục phát triển Đảng một cách tích cực và vững chắc. Hiện nay, việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm cần dựa trên cơ sở thực hiện mục tiêu

và những yêu cầu về phát triển Đảng đã nêu trong chỉ thị của Ban bí thư.

Đề bảo đảm mục tiêu do Trung ương quy định, đi đôi với việc tăng cường công tác phát triển Đảng, chúng ta cần làm tốt và sớm hoàn thành việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Cũng như việc kết nạp người vào Đảng, việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng vốn là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của các tổ chức Đảng, một yêu cầu thuộc về quy luật của công tác xây dựng Đảng. Thực tiễn cho thấy, một điều kiện không thể thiếu để củng cố, kiện toàn tổ chức Đảng là kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Nhiều tổ chức trước đây vốn là yếu kém, nay đã vươn lên thành đảng bộ, chi bộ khá, có phong trào quần chúng mạnh, đạt được những thành tựu đáng phấn khởi trong mọi mặt công tác, — một nguyên nhân quan trọng là do đã kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên.

Yêu cầu của việc đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng là tiếp tục thi hành thông tri 22 của Ban bí thư, đề hoàn thành vào cuối năm 1979, nhằm vào ba loại đối tượng mà Nghị quyết 10 của Trung ương đã chỉ rõ. Cụ thể là:

« Những người rõ ràng phạm tiêu chuẩn về chính trị. Những phần tử tiếp tay cho kẻ thù chống lại cách mạng.

« Những người có hành động vô tổ chức, vô kỷ luật, gây bè phái nghiêm trọng. Những cán bộ có chức có quyền mà đã thoái hóa, biến chất. Những phần tử ăn cắp, hối lộ, trù dập người tốt, ức hiếp quần chúng, không chấp hành chính sách của Đảng.

« Những người giác ngộ chính trị quá thấp đã qua giáo dục nhiều lần mà không tiến bộ, không thiết tha ở trong Đảng ».

Trong tình hình hiện nay, còn phải kịp thời thanh thải ra khỏi Đảng những người đã mất ý chí chiến đấu, bỏ nhiệm vụ, thoái hóa, biến chất.

Đối với những người cần đưa ra khỏi Đảng, nên tùy theo tính chất của từng trường hợp mà áp dụng các hình thức đưa ra một cách thích hợp. Những trường hợp phạm sai lầm nghiêm trọng thì khai trừ ra khỏi Đảng. Đối với các trường hợp khác, nhất là số giác ngộ thấp thì nên áp dụng rộng rãi hình thức khuyến ra khỏi Đảng hoặc không công nhận là đảng viên, xóa tên trong danh sách đảng viên.

Đối với những trường hợp đảng viên chưa phát huy được vai trò của mình do giác ngộ còn thấp hoặc vì những lý do khách quan khác thì cần tìm ra nguyên nhân cụ thể, có biện pháp tích cực đề tăng cường giáo dục, dìu dắt cụ thể, phân công thích hợp, định thời gian phấn đấu để họ thật sự có tiến bộ, xứng đáng là đảng viên. Các cấp ủy cần mở những lớp bồi dưỡng ngắn ngày để nâng cao giác ngộ và tinh tích cực của số đảng viên này; có thể kết hợp với bồi dưỡng văn hóa, chuyên môn tùy theo yêu cầu cụ thể đối với họ. Các đảng ủy, chi ủy cần phân công các đồng chí trong cấp ủy hoặc đảng viên tốt dìu dắt, giúp đỡ họ trong công tác. Những người đã được giúp đỡ, tạo điều kiện phấn đấu vươn lên, nếu hết thời gian quy định mà không có chuyển biến tốt thì khuyến họ xin ra Đảng hoặc cho ra khỏi Đảng.

Đối với các đảng viên có nhiều khó khăn về gia đình thì chỉ bộ xem xét, phân công hợp lý và giúp đỡ trong công tác. Nếu đã được phân công hợp lý mà vẫn không tích cực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, thì phải xem xét về tư cách đảng viên. Đối với đảng viên gái trong thời kỳ sinh đẻ, đảng viên bị ốm đau thì xét cho nghỉ công tác một thời gian nhất định. Đối với các đảng viên già yếu, không còn khả năng hoạt động thì đề các đồng chí ấy nghỉ hẳn công tác, giảm bớt sinh hoạt, nhưng vẫn phải giữ gìn phẩm chất cách mạng, giáo dục, động viên gia đình chấp hành đúng các chính sách và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước. Nếu đã được giáo dục, giúp đỡ mà những đảng viên ấy vẫn không giữ gìn phẩm chất, thực chất không còn xứng đáng là đảng viên, thì đưa họ ra khỏi Đảng.

Chúng ta cần làm tốt các việc trên đây để khi phát triển Đảng, số đảng viên còn lại đều là những người có đủ tư cách đảng viên, những chiến sĩ cách mạng một lòng một dạ kiên quyết phấn đấu cho sự nghiệp của Đảng, tích cực làm tròn nhiệm vụ được giao và được quần chúng yêu mến, tin nhiệm.

Cũng như công tác phát triển Đảng, việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng là do các tổ chức cơ sở Đảng trực tiếp tiến hành. Vì vậy, đi đôi với việc giáo dục nâng cao trách nhiệm của các tổ chức Đảng và đảng viên, các cấp ủy cấp trên cần bồi dưỡng cho các đảng ủy, chi ủy cơ sở nắm vững yêu cầu, có kế hoạch tiến hành khăn trương và đúng đắn, đồng thời chú ý theo dõi, kiểm tra các cơ sở để uốn nắn những lệch lạc trong khi tiến hành việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Vừa qua, ở một số cơ sở, có hiện tượng vì thành kiến, thù ghét những người thắng thầu đấu tranh, phê bình, mà gạt bỏ đảng viên tốt ra khỏi Đảng. Đó là một sự vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc sinh hoạt Đảng. Cần xử lý thật nghiêm khắc và ngăn chặn kịp thời những việc làm sai trái

ấy. Kinh nghiệm cho thấy, để làm tốt việc đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, cần khắc phục những nhận thức không đúng như bàng quan, thiếu trách nhiệm, nề nang, ngại va chạm, sợ gây ra xáo trộn trong tổ chức Đảng.

Đề kiện toàn, củng cố tổ chức Đảng, không những chúng ta phải làm tốt việc phát triển Đảng và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng mà còn phải **thường xuyên coi trọng việc đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong Đảng**, trước hết là trong các cấp ủy Đảng. Có đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong nội bộ Đảng mới bảo đảm cho đảng viên phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu. Đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong Đảng còn là biện pháp quan trọng để kịp thời giáo dục đảng viên, ngăn chặn họ khỏi đi tới chỗ hư hỏng không thể cứu vớt được.

Trước mắt, các cấp ủy Đảng, các tổ chức Đảng cần tổ chức tốt việc tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy và trong các đảng viên theo 10 điểm đã nêu trong chỉ thị của Ban bí thư.

Đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình lần này là một đợt sinh hoạt nhằm khắc phục các mặt tiêu cực trong Đảng và trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, thúc đẩy việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị trước mắt của Đảng, đồng thời cũng là một đợt sinh hoạt đặc biệt để kiểm tra tư cách cán bộ, đảng viên và chuẩn bị cho việc phát triển Đảng.

Mỗi cấp ủy viên, mỗi đảng viên dựa vào chỉ thị của Ban bí thư, kiểm điểm một cách sâu sắc những ưu điểm, khuyết điểm của mình, và tập thể góp ý kiến thêm. Cần biểu dương đầy đủ những ưu điểm và phê phán nghiêm khắc những khuyết điểm với thái độ đồng chí chân thành. Kết hợp việc tự phê bình và phê bình trong Đảng với việc góp ý kiến phê bình của quần chúng. Trên cơ sở làm tốt việc tự phê bình trong Đảng, các đảng viên ở cơ sở công khai tự phê bình trước quần chúng và tiếp nhận sự phê bình của họ.

Việc tự phê bình và phê bình phải đi đôi với việc sửa chữa khuyết điểm. Ví dụ: những đảng viên lãn chiếm ruộng đất công, tham ô, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, tài sản của nhân dân, v.v. phải trả lại ngay cho tập thể, cho Nhà nước và nhân dân; những đảng viên chưa chấp hành chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa, chưa làm nghĩa vụ công dân, nghĩa vụ bán lương thực cho Nhà nước, phải có biện pháp sửa chữa ngay, v.v. Đối với những trường hợp phạm sai lầm nghiêm trọng thì tùy theo tính chất của

sai lầm và thái độ tiếp thụ phê bình và sửa chữa mà xử trí thích đáng.

Đồng thời, về mặt tổ chức, mỗi cơ quan, đơn vị cần rút kinh nghiệm để có biện pháp sửa chữa về tổ chức và quản lý, khắc phục bằng được một số mặt trì trệ lâu ở địa phương mình, ngành mình và cơ sở mình.

Không những chúng ta cần tập trung làm tốt đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình này mà còn phải thực hiện nghiêm túc chế độ quy định trong chỉ thị của Ban bí thư là: từ nay ba tháng một lần, các cấp ủy và đảng bộ cơ sở phải tự phê bình và phê bình về công tác xây dựng Đảng và về nội dung 10 điểm đã nêu trong chỉ thị của Ban bí thư và cứ sáu tháng một lần, các chi ủy hoặc chi bộ liền hành nhận xét đảng viên, vừa biểu dương mặt tốt, vừa phê phán mặt không tốt, và có thái độ thích đáng đối với những trường hợp không làm công tác xây dựng Đảng hoặc làm sai chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

Tăng cường công tác phát triển Đảng, sớm hoàn thành việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng và tích cực đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong Đảng, đó là những công tác quan trọng trước mắt của chúng ta để kiện toàn và xây dựng các tổ chức Đảng trong sạch và vững mạnh, bảo đảm cho mỗi tổ chức Đảng thật sự là một hạt nhân lãnh đạo, một pháo đài chiến đấu ở cơ sở.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ TỔ-HỮU

TRƯỜNG ĐOÀN VIỆT-NAM Ở HỘI NGHỊ
CÁC BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG HỢP TẠI
BÉC-LIN TỪ NGÀY 3 ĐẾN 5-7-1979



HƯA các đồng chí
thân mến,

Đoàn đại biểu Việt-nam rất vui mừng được tham dự cuộc họp quan trọng này để cùng các đồng chí đánh giá tình hình thế giới hiện nay, trên cơ sở đó vạch ra phương hướng và những nhiệm vụ cụ thể của công tác tư tưởng và công tác đối ngoại của các đảng chúng ta.

Trong bài phát biểu này, Đoàn Việt-nam xin trình bày với các đồng chí ba vấn đề:

1 — Một số nhận định về tình hình thế giới hiện nay;

2 — Chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn và cuộc xâm lược Việt-nam của nhà cầm quyền Trung-quốc;

3 — Một số đề nghị về hoạt động của các đảng chúng ta trên lĩnh vực công tác tư tưởng và công tác đối ngoại.

Thưa các đồng chí,

Sau khi đế quốc Mỹ bị thất bại ở Đông-dương, trên thế giới diễn ra nhiều sự kiện rất quan trọng. Tình hình chuyển biến rất nhanh chóng và cũng rất phức tạp. Thực tiễn cách mạng đặt ra nhiều vấn đề, đòi hỏi phải được giải đáp: so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới và ở từng khu vực; khả năng giữ vững hòa bình, làm dịu tình hình quốc tế; khả năng phát triển của phong trào cách mạng các nước; bản chất của bọn cầm quyền Bắc-kinh, sự cầu kết của chúng với chủ nghĩa đế quốc; chiến lược và sách lược của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế; chiến lược và sách lược của những người cộng sản, v.v. Đảng chúng ta đối với nhiều vấn đề trên đây, qua những cuộc gặp gỡ giữa những người lãnh đạo và qua nhiều cuộc hội nghị, giữa nhiều đảng chúng

ta đã có sự nhất trí cao. Nhưng tình hình quốc tế không ngừng biến đổi: cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế ngày càng phát triển, sự phản kích của bọn đế quốc và các lực lượng phản động càng thêm quyết liệt và xảo quyệt, nhiều vấn đề mới được đặt ra, nhiều kinh nghiệm mới đòi hỏi được tổng kết. Vì vậy, chúng tôi rất hoan nghênh việc tổ chức hội nghị thường kỳ các Bí thư Trung ương của đảng để đánh giá tình hình thế giới, trên cơ sở đó đề ra những biện pháp cùng nhau phối hợp thực hiện.

Đảng chúng tôi cho rằng *đặc điểm cơ bản nhất của tình hình thế giới hiện nay là sức mạnh tổng hợp của các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình đã lớn hơn hẳn sức mạnh của chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng phản động khác trên thế giới. Mặc dù bọn đế quốc ra sức phá hoại, phản kích, và mặc dù, có sự phản bội của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, ba trào lưu cách mạng của thời đại tiếp tục ở thế tiến công.* Đương nhiên cuộc tiến công ấy không phải lúc nào cũng theo đường thẳng.

Nhìn vào các nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta thấy nổi lên mấy điểm sau đây:

Một là, trong một thời gian ngắn, kể từ khi đế quốc Mỹ bị thua ở Đông-dương đến nay, sau Việt-nam và Lào, đã có thêm

nhiều nước ở các khu vực đi theo con đường xã hội chủ nghĩa: Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích, Ê-ti-ô-pi-a, Nam Y-ê-men, Áp-ga-ni-xtan, Cam-pu-chia, với số dân khoảng 100 triệu người. Đó là một bước nhảy vọt lớn trên con đường phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Hai là, trong thời gian qua, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác đã đạt được những thành tựu thật to lớn và toàn diện. Trên lĩnh vực kinh tế, những thành tựu mà chúng ta đạt được không chỉ về mặt tốc độ phát triển mà cả về mặt chất lượng, không chỉ về mặt phát triển lực lượng sản xuất mà cả về mặt củng cố và mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Chúng ta không che giấu những khó khăn, những thiếu sót. Nhưng thử hỏi ở đâu có được sự phát triển kinh tế ổn định, vững chắc và nhanh chóng, ở đâu có được quyền dân chủ chân chính, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, ở đâu có được đời sống tinh thần lành mạnh và phong phú, đời sống vật chất ngày càng tốt đẹp, ở đâu có được quyền con người với đúng nghĩa của nó như ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Ba là, bằng sức mạnh của mình, và bằng đường lối, chính sách đối ngoại đúng đắn, các nước xã hội chủ nghĩa, trước hết là Liên-xô, đã phát huy vai trò thành tri của

hòa bình và cách mạng thế giới. Thắng lợi của cách mạng Ăng-gô-la, Ê-li-ô-pi-a, Mô-dăm-bích, Nam Y-ê-men, Ap-ga-ni-xtan, Cam-pu-chia, thắng lợi của nhân dân Việt-nam đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc, và những thắng lợi trong cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình là những bằng chứng rõ rệt nhất, nói lên ảnh hưởng và tác dụng to lớn và tích cực của các nước xã hội chủ nghĩa đối với cách mạng các nước và hòa bình thế giới.

Trong lúc cộng đồng xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển lớn mạnh, thì điều tai hại là những người lãnh đạo Bắc-kinh tiếp tục đi con đường phản bội, hướng đất nước Trung-quốc ngày nay đi chệch quỹ đạo xã hội chủ nghĩa, điên cuồng thi hành chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn.

Được cõ vũ bởi tấm gương sáng về mặt xã hội và được sự ủng hộ và giúp đỡ tích cực của các nước xã hội chủ nghĩa, *phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc* cũng phát triển dồn dập, sôi nổi, mạnh mẽ. Hơn bốn năm qua, khoảng 20 nước lớn nhỏ đã giành được độc lập với mức độ khác nhau.

Vấn đề quan trọng là ý nghĩa và tầm vóc của những thắng lợi đó. Thắng lợi của nhân dân Ăng-gô-la, Ê-li-ô-pi-a, Mô-dăm-bích là thắng lợi dân tộc dân chủ triệt để nhất ở châu Phi, đưa chủ nghĩa xã hội đến lục địa này. Thắng lợi

của nhân dân Cam-pu-chia đập tan tập đoàn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry, đánh sập một căn cứ bành trướng của bọn phản động Bắc-kinh, tạo điều kiện đưa đất nước Cam-pu-chia đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi của cách mạng Ap-ga-ni-xtan làm tan rã chế độ phong kiến phản động hàng nghìn năm ở vùng Nam Á, cấm ngọn cờ xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở vùng này. Cuộc nổi dậy của nhân dân I-ran không những đánh tan chế độ phát xít vô cùng tàn bạo, mà còn làm đổ sập một căn cứ khổng lồ của đế quốc Mỹ, v.v.

Một đặc điểm rất quan trọng của phong trào dân tộc là, nhiều dân tộc sau khi giành được độc lập đã xác định cho mình *con đường đi lên chủ nghĩa xã hội*. Tình hình đó chứng tỏ rằng trong thời đại ngày nay, *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ngày càng gắn liền với nhau*. Điều này cũng dễ hiểu, bởi vì thực chất của phong trào giải phóng dân tộc là sự nổi dậy của quần chúng công nông, họ không những có yêu cầu giải phóng dân tộc, mà còn có yêu cầu giải phóng về mặt xã hội; những chính khách nhìn xa trông rộng trong các dân tộc sống gần bó với quần chúng lao động, ngày càng hiểu rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới là con đường duy nhất bảo đảm cho các dân tộc vĩnh viễn thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, giành và giữ vững được quyền độc lập thật sự của mình.

Chúng ta rất vui mừng là cuộc đấu tranh của các dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, các chế độ độc tài, đặc biệt là cuộc đấu tranh của nhân dân Pa-le-xtin, Ni-ca-ra-goa, Dim-ba-bu-ê, Na-mi-bi-a v.v. ngày càng mở rộng, ngày càng được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa và cả loài người tiến bộ. Cuộc đấu tranh ấy sớm muộn nhất định sẽ giành được thắng lợi.

Đương nhiên, chúng ta không quên rằng, trong các nước độc lập dân tộc và phong trào không liên kết, đang tồn tại nhiều xu hướng khác nhau, thậm chí đối lập nhau. Bên cạnh xu hướng cách mạng, tích cực chống đế quốc, còn có xu hướng cải lương, và cả xu hướng phản động muốn đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa đế quốc, chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Những kẻ đang ủng hộ và khuyến khích xu hướng phản động trong phong trào không liên kết, phá hoại và chia rẽ phong trào không liên kết, không chỉ là bọn đế quốc, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh, mà còn cả lực lượng khác nằm ngay trong phong trào không liên kết. Họ đang ra sức hướng phong trào không liên kết đi chệch mục tiêu chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân; họ nêu chủ trương phong trào không liên kết «đứng giữa hai khối», thực chất là tách phong trào không liên kết khỏi các nước xã hội chủ nghĩa, những nước ủng hộ tích cực

nhất cho phong trào độc lập dân tộc.

Cùng với sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa cũng có những bước phát triển mới. Quy mô các cuộc bãi công rộng lớn hơn, số công nhân tham gia bãi công nhiều hơn trước. 51 triệu người bãi công năm 1977 so với 19 triệu bãi công năm 1965 ở các nước tư bản phát triển là một chứng minh rất rõ rệt. Tình hình trên đây gắn liền với mức độ trầm trọng của khủng hoảng kinh tế, của lạm phát, của nạn thất nghiệp trong hệ thống tư bản chủ nghĩa những năm gần đây. Giai cấp tư sản đã dùng đủ các biện pháp kể cả biện pháp đàn áp, nhưng cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động không xẹp xuống mà ngày càng phát triển. Việc lật đổ ách thống trị phát xít trong các nước Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha, những cuộc bãi công với quy mô lớn, kéo dài hàng tháng trời, ảnh hưởng của nhiều đảng cộng sản ở một số nước tư bản chủ nghĩa tăng lên càng chứng minh nhận định trên đây.

Đương nhiên thắng lợi hay thất bại của phong trào cách mạng trong các nước này — như nhiều đảng anh em ở các nước ấy đã khẳng định — phụ thuộc một cách quyết định vào việc các đảng cách mạng của giai cấp công nhân ở các nước đó có nắm vững và vận dụng đúng đắn những nguyên lý

cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình hay không, có tổ chức và huy động được đông đảo quần chúng đi vào con đường cách mạng hay không, có nắm vững và kết hợp đúng đắn ngọn cờ dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội hay không và trong tư tưởng và hành động, họ có đoàn kết gắn bó với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa bằng tinh thần quốc tế vô sản hay không.

Sự phát triển mạnh mẽ của ba trào lưu cách mạng trên thế giới gắn liền với sự lớn mạnh của *phong trào cộng sản quốc tế*, mà những nét nổi bật là: sự phát triển của các đảng cộng sản cả về số lượng và chất lượng; sự xuất hiện của nhiều đảng mác xít — lênin nít mới; sự nhất trí hầu như hoàn toàn của tuyệt đại bộ phận các đảng trong phong trào cộng sản trong vấn đề ủng hộ Việt-nam chống sự xâm lược của bọn bành trướng Bắc-kinh; sự phá sản thảm hại của bọn Mao-ít trên thế giới, v.v. Đương nhiên trong xu thế chung tốt đẹp như vậy, phong trào cộng sản quốc tế cũng gặp những khó khăn không nhỏ do những hoạt động phá hoại của tập đoàn phản động Bắc-kinh, sự nảy nở những khuynh hướng cơ hội, dân tộc chủ nghĩa v.v. gây nên.

Dựa vào sự phát triển của ba dòng thác cách mạng của thời đại, đặc biệt là dựa vào sức mạnh vô địch và chính sách đúng đắn

của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới nhằm bảo vệ hòa bình và làm dịu tình hình quốc tế cũng đạt được kết quả to lớn. Ngày nay *khả năng bảo vệ hòa bình thế giới đã trở nên rất hiện thực*, mặc dù nó đang vấp phải sự chống đối quyết liệt của các giới đế quốc hiếu chiến và những người cầm quyền Bắc-kinh. Chúng tôi rất tán thành chủ trương của các đảng anh em tăng cường cuộc đấu tranh cho hòa bình, cho việc làm dịu tình hình quốc tế bằng cách chống chạy đua vũ trang, chống âm mưu gây chiến, chống những sự xâm lược và can thiệp vũ trang của bọn đế quốc và phản động quốc tế. Chúng tôi rất hoan nghênh lời tuyên bố của đồng chí L.I. Brê-giơ-nép: « Không ai có thể thờ ơ khi ở một phần nào đó trên thế giới, người ta mưu toan dùng sức mạnh thay cho pháp luật, dùng sự thù địch và độc đoán thay cho quan hệ láng giềng tốt. Hòa bình là tài sản chung, cho nên những cố gắng tập thể của các nhà nước vì lợi ích của hòa bình và sự hợp tác hòa bình trung thực là cần thiết vô cùng. Chúng tôi có chủ trương tự kiểm chế, thái độ co giãn nhắc. Nhưng chúng tôi cũng kiên quyết giáng trả sự xâm lược, nếu như điều đó là cần thiết ».

Sự kiện nổi bật được toàn thế giới đặc biệt chú ý giữa thang 6 vừa qua là cuộc gặp gỡ giữa đồng chí L.I. Brê-giơ-nép và tổng thống

Mỹ ở Viên và việc ký kết hiệp ước hạn chế vũ khí tiến công chiến lược giai đoạn hai. Chúng tôi rất hoan nghênh việc ký kết hiệp ước đó và coi đó là bước tiến quan trọng trong cuộc đấu tranh tiến tới giải trừ quân bị và cùng tồn tại hòa bình. Việc ký kết hiệp ước cho thấy rõ sự thay đổi trong so sánh lực lượng ngày càng có lợi cho hòa bình và cách mạng, thể suy yếu không gì cứu vãn nổi của chủ nghĩa đế quốc và các thể lực phản động, xâm lược, hiếu chiến, làm thất bại một bước quan trọng âm mưu của chúng cấu kết với nhau nhằm chống phá các lực lượng hòa bình và cách mạng trên thế giới

Rõ ràng, *trong thời đại ngày nay, các mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội gần bó khăng khít với nhau, không thể tách rời*. Không có và không thể có mâu thuẫn thật sự giữa các mục tiêu đấu tranh bảo vệ hòa bình và đấu tranh cách mạng. Trong điều kiện đế quốc Mỹ và đồng minh của nó nắm trong tay những vũ khí giết người hàng loạt. Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã không ngừng củng cố khả năng quốc phòng của mình, và có những biện pháp đối phó thích đáng với những âm mưu và hành động gây chiến của bọn đế quốc, đó là thái độ trách nhiệm rất cần thiết, bảo đảm cho loài người tránh được nguy cơ của một cuộc chiến tranh nhiệt

hạch. Nhưng như kinh nghiệm cho thấy, ngay trong lúc đấu tranh để bảo vệ hòa bình, làm dịu tình hình quốc tế, các nước xã hội chủ nghĩa chúng ta vẫn có thể và cần phải có sự giúp đỡ tích cực đối với phong trào cách mạng của nhân dân các nước, và chính sự giúp đỡ tích cực ấy cũng là biện pháp có hiệu quả để bảo vệ hòa bình và làm dịu tình hình quốc tế.

Trong lúc phong trào cách mạng và hòa bình trên thế giới ngày càng lớn mạnh thì hệ thống đế quốc chủ nghĩa ngày càng lún sâu vào khủng hoảng toàn diện không phương cứu chữa. Chúng đang phải đương đầu với cuộc tiến công dồn dập và rộng khắp từ nhiều phía của các lực lượng cách mạng và hòa bình. Trận địa của chủ nghĩa đế quốc đã bị đẩy lùi ở nhiều nơi, nhiều bộ phận thuộc quyền thống trị của chủ nghĩa đế quốc, tương chừng kiên cố, cũng bị đánh đổ.

Trong sự suy yếu chung của chủ nghĩa đế quốc, nổi bật lên sự suy yếu của đế quốc Mỹ. Mỹ không còn giữ được địa vị thống trị thế giới tư bản như trước kia. Tây Âu và Nhật-bản nổi lên thành những lực lượng cạnh tranh gay gắt với Mỹ. Trong thế suy yếu toàn diện đó, Mỹ phải điều chỉnh chiến lược toàn cầu của mình. Chúng vẫn coi sức mạnh quân sự là cơ sở hàng đầu để thực hiện mục tiêu chiến lược của chúng. Mỹ ra sức củng cố liên minh đế

quốc Mỹ – Tây Âu – Nhật : cố tránh đề xảy ra một «Việt-nam thứ hai», coi trọng chính sách tiến hành «chiến tranh qua tay người khác»; tiếp tục đẩy mạnh chính sách thực dân mới, v.v.

Điều cần nhấn mạnh là trong thế bị động đối phó với cuộc tiến công của các lực lượng cách mạng và hòa bình trong những năm gần đây, chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là đế quốc Mỹ, đã đẩy mạnh việc *câu kết với bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh*, coi đó là một công cụ chủ yếu để chống phá các nước xã hội chủ nghĩa, chống phá cách mạng và hòa bình trên thế giới.

Chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ rõ ràng vẫn là kẻ thù cơ bản, lâu dài của hệ thống xã hội chủ nghĩa, của các lực lượng độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình trên thế giới.

Thưa các đồng chí,

Từ lâu, *tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh* đã đi vào con đường phản bội. Chúng là kẻ phản bội lớn nhất trong lịch sử phong trào cách mạng thế giới. Chúng đã phản bội chủ nghĩa Mác – Lê-nin, phản bội sự nghiệp cách mạng của nhân dân Trung-quốc, phản bội sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Việc *bọn phản động Bắc-kinh* ngày càng bộc lộ sự phản bội và phản động chính là một biểu hiện của so sánh lực lượng hiện nay : cách mạng mạnh lên và ở thế tiến

công, đế quốc và bọn phản động suy yếu và gặp nhiều thất bại. Mâu thuẫn nằm bên trong chính sách của bọn phản động Bắc-kinh là : một mặt chúng ngày càng trắng trợn phản cách mạng, một mặt chúng vẫn bám lấy chiêu bài «chủ nghĩa xã hội», «chủ nghĩa Mác – Lê-nin». Tội ác của chúng không sao kể hết được : chúng đã làm biến chất Đảng cộng sản Trung-quốc vốn là đội tiên phong của giai cấp công nhân, biến nền chuyên chính vô sản đã được xây dựng thành nền chuyên chính quan liêu quân phiệt, biến đội quân giải phóng nhân dân Trung-quốc vốn là đội quân cách mạng thành công cụ để xâm lược và tranh giành quyền lực với nhau ; chúng đã phá hoại vô cùng nghiêm trọng những thành quả xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Trung-quốc đã giành được trong những năm 50, hướng nhân dân Trung-quốc đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa.

Nếu ai còn nghi ngờ, hãy dùng con mắt khách quan xem xét hành động của họ chứ không phải nghe họ nói. Chúng ta hãy nêu ra một vài sự thật : cuộc «đại cách mạng văn hóa vô sản», mà họ tuyên truyền là «cuộc cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử», thực chất là cuộc đảo chính phản cách mạng, cuộc đấu tranh giành quyền lực trong nội bộ giới cầm quyền Bắc-kinh, đã phá sạch toàn bộ cơ cấu chính trị xã hội chủ nghĩa của Trung-quốc, đưa nền kinh tế Trung-quốc đến bờ vực

thảm. phá hoại nhiều giá trị văn hóa, đẩy nhân dân Trung-quốc vào cuộc sống vô cùng khốn khổ trong cuộc đấu tố liên miên hàng chục năm trời, tiêu diệt mấy triệu con người. « Chế độ xã hội chủ nghĩa » do Pôn Pốt – lêng Xa-ry xây dựng ở Cam-pu-chi-a, một chế độ phỏng theo mô hình của Bắc-kinh, « hàng-xuất khẩu » của cách mạng văn hóa, đã tiêu diệt 3 triệu người, xóa sạch tất cả những cái gì là văn hóa, tiêu diệt tất cả những cái gì là cuộc sống của con người. Chưa hết, muốn thấy tận mắt chủ nghĩa bành trướng của Trung-quốc, hãy xem cuộc xâm lược Việt-nam của chúng với tất cả những gì là tàn bạo, dã man mà chúng đã học được của các giai cấp bóc lột qua các thời đại : giết sạch, đốt sạch, phá sạch. Chúng là cách mạng hay phản cách mạng ? Hãy xem chúng liên minh với ai, chúng chống ai ? Không cần phải bình luận về điều này nữa. Vì chúng đã công khai tuyên bố và thực tế chúng đã cấu kết với chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ và tất cả những lực lượng hiếu chiến, phản động, thối nát để chống Liên-xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa, chống ba trào lưu cách mạng của thời đại. Chúng tự hào là « NATO phương Đông », mong muốn được là hội viên của khối Bắc Đại-tây-dương.

Tất cả những việc làm của chúng từ « đại nhảy vọt », « cách mạng văn hóa » đến « bốn hiện đại hóa », v.v. không phải là ngẫu nhiên. Chúng là những kẻ

theo chủ nghĩa dân tộc phản động, chủ nghĩa bành trướng, chủ nghĩa bá quyền nước lớn. Mục tiêu cơ bản và lâu dài của bọn phản động cầm quyền Trung-quốc là tiến tới làm bá chủ thế giới. Chúng cho rằng :

— Cơ sở vật chất để thực hiện tham vọng ấy là « bốn hiện đại hóa » với một tỷ người ;

— Đường lối đối ngoại của chúng là liên minh với chủ nghĩa đế quốc và tất cả các lực lượng phản động nhằm chống Liên-xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa, chống ba trào lưu cách mạng của thời đại, chống hòa bình ;

— Thủ đoạn của chúng là khích động « thiên hạ đại loạn » để chúng « đục nước béo cò », khích động chiến tranh Xô—Mỹ theo mưu lược truyền thống của giai cấp phong kiến địa chủ Trung-quốc là « tọa sơn quan hổ đấu ».

Đó là những nét chủ yếu trong chiến lược quốc tế phản cách mạng của tập đoàn phản động Bắc-kinh.

Để thực hiện mục tiêu làm bá chủ thế giới, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh chọn *Đông Nam Á làm trọng điểm bành trướng* trước mắt của chúng. Bởi vì :

Đông Nam Á có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, là giao điểm của nhiều đường giao thông quốc tế, có đường hàng hải huyết mạch từ Đông sang Tây.

Đông Nam Á là nơi có tài nguyên phong phú, có nhiều

nguyên liệu rất quan trọng, có đất đai màu mỡ.

Những thất bại của chủ nghĩa đế quốc ở vùng này, nhất là ở Đông-dương, đã làm cho tập đoàn phản động Bắc-kinh hy vọng có điều kiện thực hiện giấc mộng nam tiến của các triều đại phong kiến trước kia.

Chúng còn cho rằng việc thực hiện chủ nghĩa bành trướng ở đây có nhiều thuận lợi: Trung-quốc ở sát nách các nước Đông Nam Á, ở các nước này chúng có hai công cụ lợi hại là 20 triệu Hoa kiều và các tổ chức do chúng lập ra và khống chế.

Hơn nữa, hiện nay chúng chưa đủ sức để thực hiện chủ nghĩa bành trướng ra những nơi khác: lên phía bắc chúng đụng phải Liên-xô, ra biển gặp phải Nhật-bản, sang phía tây — nam gặp phải Ấn-độ.

Chúng hy vọng khống chế được các nước Đông Nam Á với 300 triệu dân, và cộng với 1 000 triệu dân Trung-quốc, chúng có thể đe dọa, khống chế vùng Nam Á với gần 1 000 triệu dân, từ đó tiến lên chinh phục thế giới.

Để thực hiện mưu đồ làm bá chủ Đông Nam Á, bọn phản động Trung-quốc đã dùng nhiều thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt và tàn bạo, kể cả những thủ đoạn mà chủ nghĩa đế quốc đã thực hiện ở vùng này. Ở đây chúng tôi chỉ nêu lên một số thủ đoạn đặc thù của chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh.

Một là, giới cầm quyền Trung-quốc sử dụng lực lượng Hoa kiều gồm 20 triệu dân ở các nước Đông Nam Á, đặc biệt là sử dụng bọn tư sản mại bản Hoa kiều, sử dụng các tổ chức do chúng khống chế làm công cụ phục vụ cho đường lối của Bắc-kinh. Chúng dùng lực lượng này như đội quân thứ 5. Chúng điều khiển các tổ chức trên đây, lúc thì hoạt động vũ trang, lúc thì thương lượng với chính quyền của nước mà Hoa kiều cư trú, tùy theo yêu cầu của Bắc-kinh: mặc cả với Mỹ, gây sức ép với chính quyền các nước, và khi có điều kiện thì lật đổ.

Hai là, chúng thực hiện chính sách cổ truyền vừa kéo vừa đánh. Chúng dùng viện trợ kinh tế, tài chính, quân sự để lôi kéo các nước Đông Nam Á vào quỹ đạo của chúng. Khi không lôi kéo được thì chúng không từ một thủ đoạn nào, từ cắt viện trợ, xâm lấn biên giới, điều khiển các tổ chức mà chúng nắm được để gây rối, bạo loạn, đến việc đem quân xâm lược một cách trắng trợn. Cũng cần vạch rõ một thủ đoạn nguy hiểm của bọn cầm quyền Bắc-kinh là «giúp đỡ» các nước xây dựng đường sá, thực chất là chuẩn bị điều kiện cho việc xâm lược các nước mà chúng «giúp đỡ». Việt-nam và Lào đã có bài học sâu sắc về sự «giúp đỡ» này.

Ba là, để che đậy mưu đồ bá quyền của chúng, chúng ra sức

xuyên tạc chính sách hòa bình hợp tác và hữu nghị của Liên-xô, Việt-nam; nêu lên cái gọi là « đại bá », « tiểu bá » để làm cho các nước Đông Nam Á sợ Liên-xô, sợ Việt-nam, mặt khác tìm mọi cách để lôi kéo tổ chức ASEAN hòng cô lập và làm suy yếu Việt-nam, thôn tính Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia.

Bốn là, từ chỗ lớn tiếng hô hét chống đế quốc Mỹ nhằm che đậy mưu toan thỏa hiệp liên minh với Mỹ, chúng di đến chỗ câu kết với đế quốc Mỹ, bợ đỡ đế quốc Mỹ, yêu cầu đế quốc Mỹ duy trì lực lượng ở Đông Nam Á để chống cách mạng, chống Việt-nam, chống Liên-xô, cầu xin chủ nghĩa đế quốc chia bớt ảnh hưởng cho Trung-quốc ở khu vực này, hoặc lấp « chỗ trống » mà đế quốc Mỹ đã để lại sau khi phải rút lui.

Thưa các đồng chí,

Trong chiến lược bành trướng của chúng ở Đông Nam Á, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh tập trung mũi nhọn vào Việt-nam, mưu nắm Việt-nam để nắm toàn bộ bán đảo Đông-dương, làm bàn đạp đi xuống Đông Nam châu Á. Chính sách của chúng trong 30 năm qua đối với Việt-nam nhằm ba mục đích: dùng Việt-nam để phá thế bao vây của đế quốc Mỹ; dùng Việt-nam làm con bài mua bán và thỏa hiệp với đế quốc Mỹ; lôi kéo Việt-nam vào quỹ đạo của chúng để chống Liên-xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Chúng đang ra sức chối cãi. Chúng nêu ra rất nhiều luận điệu: nào Trung-quốc giúp đỡ Việt-nam một cách « vô tư », nào Việt-nam « vong ơn bội nghĩa », Trung-quốc « không cần một tấc đất của Việt-nam » v.v. Nhưng sự thật lịch sử không thể xóa bỏ được. Chúng không thể nào trả lời được hàng trăm câu hỏi mà nhân dân Việt-nam và nhân dân thế giới đặt ra cho chúng: Vì sao sau khi ký hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, những người lãnh đạo Trung-quốc khuyên miền Nam Việt-nam « trường kỳ mai phục chờ thời cơ »? Vì sao chúng phản đối cuộc nổi dậy của nhân dân miền Nam Việt-nam hồi 1959 — 1960? Vì sao họ nêu ý kiến với Đảng lao động Việt-nam triệu tập hội nghị 11 đảng, thực chất là lập một quốc tế cộng sản mới do Đảng cộng sản Trung-quốc cầm đầu để chống Liên-xô, chống phong trào cộng sản quốc tế? Vì sao họ ép Việt-nam không nhận viện trợ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác? Vì sao khi Mỹ ném bom miền Bắc Việt-nam (8-1964) những người lãnh đạo Trung-quốc tuyên bố: « Người không đụng đến ta thì ta không đụng đến người »? Vì sao những người lãnh đạo Trung-quốc phản đối đề nghị của Việt-nam thành lập Mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt-nam chống Mỹ, cứu nước, trong đó có Liên-xô, Trung-quốc? Vì sao sau khi Lon Non lật đổ Xi-ha-núc, lúc đầu họ lại không ủng

hộ Xi-ha-núc? Vì sao họ chủ trương hợp năm nước, sáu bên đề « chống Nhật-bản » trong lúc nhân dân hai miền Việt-nam, nhân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia đang phải tập trung cuộc chiến đấu vào kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm là chủ nghĩa đế quốc Mỹ xâm lược? Vì sao trong thông cáo Thượng-hải, họ chủ trương duy trì chế độ Nguyễn-Văn-Thiệu ở miền Nam Việt-nam? Vì sao khi nhân dân Việt-nam giải phóng miền Nam, cả thế giới vui mừng mà riêng họ không vui? v.v.

Thưa các đồng chí,

Khi thấy rõ ràng không thể kéo được Việt-nam đi theo con đường phản cách mạng, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh càng tích cực tiến hành những hành động thù địch chống Việt-nam nhất là từ khi miền Nam Việt-nam được giải phóng. Mưu đồ thôn tính Việt-nam của chúng lúc này thật thâm độc: dùng bọn Pôn Pốt – lêng Xa-ry gây chiến tranh ở phía tây – nam, đem quân đe dọa, xâm lấn, uy hiếp phía bắc, sử dụng bọn tay sai trong Hoa kiều và bọn tay sai của đế quốc còn lại ở Việt-nam chuẩn bị gây bạo loạn, cản viện trợ nhằm làm rối loạn nền kinh tế Việt-nam.

Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam của bọn phản động Trung-quốc bắt đầu ngày 17-2-1979, chỉ là đỉnh cao của những hành động chống Việt-nam. Qua

cuộc chiến tranh này, chúng tôi rút ra một số kết luận:

Một là, đây là cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn, chứ không phải là một « hành động trừng phạt đề tự vệ có hạn chế về không gian và thời gian » như luận điệu bịp bợm của nhà cầm quyền Trung-quốc. Tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược này, chúng nhằm năm mục tiêu: tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân chủ lực Việt-nam, kéo lực lượng vũ trang của Việt-nam ở Cam-pu-chia về miền Bắc, nhằm tạo điều kiện cho tàn quân Pôn Pốt – lêng Xa-ry đẩy mạnh hoạt động; làm suy yếu Đảng và Nhà nước chúng tôi, tạo cơ hội cho bọn phản cách mạng trong nước chúng tôi nổi dậy, lập chính quyền phản động, trước hết là ở các tỉnh biên giới; phá hoại các cơ sở kinh tế của Việt-nam, cản trở sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Việt-nam; gỡ thế diện sau thất bại cay đắng ở Cam-pu-chia, điều võ giương oai với các nước Đông Nam Á, lấy đó làm món quà dâng chủ nghĩa đế quốc, mong đổi lấy kỹ thuật của bọn đế quốc để thực hiện bốn hiện đại hóa: thâm độ phản ứng của Liên-xô, của thế giới, và nếu tiến quân thuận lợi chúng sẽ mở rộng chiến tranh, tiến lên thôn tính Việt-nam.

Bọn phản động Trung-quốc đã thất bại thảm hại, không đạt được mục tiêu nào, ngoài việc tàn phá những cơ sở kinh tế, văn hóa và giết hại dân thường một cách rất

đã man ở các tỉnh biên giới của Việt-nam. Đây là thất bại rất to lớn của bọn phản động Trung-quốc, có hậu quả rất nặng nề: làm cho cuộc đấu tranh giành quyền lực trong nội bộ giới cầm quyền Bắc-kinh gay gắt thêm: ảnh hưởng trực tiếp đến chương trình bốn hiện đại hóa vốn đã gặp nhiều khó khăn trong thực hiện, lại gặp khó khăn thêm vì chi phí cho chiến tranh; chúng càng bị cô lập hơn bao giờ hết trên thế giới v.v. Thất bại của tập đoàn phản động Bắc-kinh cũng là thất bại của sự câu kết Trung — Mỹ — Nhật nhằm làm suy yếu Việt-nam và kiểm chế cách mạng ở Đông Nam Á. Đây là thắng lợi rất to lớn của nhân dân Việt-nam, đồng thời là thắng lợi của các nước xã hội chủ nghĩa, của loài người tiến bộ. Sở dĩ có được thắng lợi to lớn trên đây là do cuộc đấu tranh kiên cường của nhân dân Việt-nam, sự giúp đỡ kiên quyết, kịp thời, mạnh mẽ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, sự đồng tình và ủng hộ quốc tế rộng rãi, sự phản đối của nhân dân Trung-quốc đối với cuộc chiến tranh phi nghĩa của nhà cầm quyền Bắc-kinh. Nhân dịp này, thay mặt Đảng cộng sản và nhân dân Việt-nam, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, cảm ơn phong trào cộng sản quốc tế, cảm ơn hữu bạn khắp năm châu đã tích cực ủng hộ và giúp đỡ Việt-nam chống sự xâm lược của bọn

phản động Bắc-kinh.

Hai là, cuộc chiến tranh xâm lược này đã phơi bày khá đầy đủ bản chất của giới cầm quyền Trung-quốc: phản bội, phản cách mạng, xâm lược, hiếu chiến, bành trướng. Hành động của chúng rất dã man tàn bạo. Chúng đã kết hợp sự man rợ của Tần-Thủy-Hoàng với sự tàn ác của bọn phát xít Hít-le, đế quốc Mỹ. Chúng thực hiện triệt để chính sách: giết sạch, phá sạch, đốt sạch, biến những khu vực chúng buộc phải rút đi thành những khu vực hoang tàn. Sự bóc lột của bản chất này đã làm cho đông đảo nhân dân thế giới hiểu rõ hơn bộ mặt giả danh cách mạng của những người lãnh đạo Bắc-kinh. Chưa bao giờ tập đoàn phản động Bắc-kinh bị thế giới công phần lên án và bị cô lập như ngày nay.

Qua chiến thắng oanh liệt của Việt-nam đối với cuộc chiến tranh xâm lược của Trung-quốc, chúng tôi thấy rất rõ ràng: đất chúng rộng, người chúng nhiều, quân chúng đông nhưng chúng không mạnh; tham vọng quá lớn nhưng thế và lực của chúng có nhiều chỗ yếu; mặt khác, chúng tôi cũng thấy rõ chúng là một nước lớn, có tiềm lực nhất định, lại ở sát Việt-nam, chúng có thể gây cho chúng tôi những khó khăn nhất định. Nhưng với đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn, với thế trận đã bày sẵn của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, với phương châm « tiêu diệt địch

di dòi với bảo vệ nhân dân, bảo vệ đất nước», với sự giúp đỡ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, với sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng, chúng tôi tin tưởng rằng: nhân dân Việt-nam không những có thể đánh thắng 60 vạn quân Trung-quốc mà nhất định sẽ thắng hàng triệu quân Trung-quốc xâm lược nếu chúng liều lĩnh mở cuộc phiêu lưu quân sự mới.

Ba là, đứng trước hành động xâm lược của bọn phản động Bắc-kinh, toàn thể loài người tiến bộ đã nhanh chóng tập hợp thành mặt trận nhân dân thế giới mà nòng cốt là các nước xã hội chủ nghĩa, ủng hộ Việt-nam chống Trung-quốc xâm lược. Có thể nói đó là sự phản ứng rất nhanh chóng, kịp thời, sôi nổi, mạnh mẽ và sâu rộng khắp thế giới với những hình thức rất phong phú, mạnh mẽ, thiết thực, đầy hiệu lực. Đó là một sự tập hợp mới của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Làn sóng ủng hộ Việt-nam chống Trung-quốc xâm lược đã át đi tiếng nói lừa bịp của bọn phản động Bắc-kinh, làm câm họng không ít những cái loa của chủ nghĩa đế quốc, và thức tỉnh phần nào những người còn mơ hồ về bản chất của giới cầm quyền Bắc-kinh. Trong phong trào thế giới ủng hộ Việt-nam chống Trung-quốc xâm lược, sự ủng hộ kiên quyết, kịp thời và mạnh mẽ của Liên-xô và

các nước xã hội chủ nghĩa khác nhằm đáp ứng những yêu cầu của Việt-nam về tinh thần, vật chất, kỹ thuật và phối hợp chặt chẽ cuộc đấu tranh trên phạm vi thế giới, có tầm quan trọng đặc biệt.

Bốn là, sau thất bại nặng nề vừa qua, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh vẫn không hề từ bỏ ý đồ thôn tính Việt-nam. Chúng tiếp tục thực hiện âm mưu ấy bằng cách: trong lúc buộc phải tiến hành thương lượng, chúng vẫn tiếp tục chuẩn bị chiến tranh với quy mô lớn hơn; khiêu khích vũ trang, lấn chiếm ở biên giới kết hợp với gây bạo loạn trong nội địa. Chúng luôn luôn làm cho biên giới phía bắc của chúng tôi ở trong trạng thái căng thẳng, làm cho Việt-nam không được yên ổn, khó xây dựng kinh tế, đồng thời chúng tích cực chuẩn bị, nếu thuận lợi thì chúng tấn công về quân sự để thôn tính Việt-nam. Nếu chúng phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam lần nữa thì quy mô chiến tranh có thể lớn hơn, hướng tiến công có thể mở rộng hơn với nhiều thủ đoạn hơn. Vì vậy nhân dân Việt-nam phải cảnh giác. Cả nước Việt-nam phải sẵn sàng. Đó cũng là bài học 4000 năm lịch sử của nhân dân Việt-nam chống bọn phong kiến phương bắc.

Năm là, mưu đồ chống Việt-nam của bọn phản động Bắc-kinh gắn chặt với mưu đồ thôn tính Cam-pu-chia và Lào. Trong sáu tháng qua, chúng đã chịu ba thất

bại rất cay đắng: chế độ diệt chủng của bọn Pôn Pốt — lèng Xa-ry, tay sai của bọn bành trướng Bắc-kinh, đã bị cách mạng lật đổ; tàn quân của chúng, niềm hy vọng đen tối của Bắc-kinh, về cơ bản đã bị tiêu diệt; âm mưu gây bạo loạn và lật đổ do bọn phản động Bắc-kinh xúi giục chống lại chính quyền dân chủ nhân dân Lào, nhằm biến Lào thành một « Cam-pu-chia dân chủ » thứ hai đã bị vạch trần. Quân và dân Việt-nam đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của hơn 60 vạn quân Trung-quốc. Thắng lợi của nhân dân Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia đã làm thay đổi đột ngột, nhanh chóng và sâu sắc lực lượng so sánh ở Đông Nam Á và châu Á. Qua cuộc đọ đầu lịch sử này, thế và lực của cách mạng ba nước Việt-nam Lào, Cam-pu-chia mạnh hẳn lên so với bất kỳ thời kỳ lịch sử nào trước đây.

Thưa các đồng chí,

Nhân dân Việt-nam đã trải qua những cuộc chiến tranh rất gian khổ và lâu dài. Những người tuổi như chúng tôi phải sống hơn nửa đời người trong chiến tranh. Nhiều gia đình có từ hai đến ba thế hệ trực tiếp cầm súng đánh giặc. Có biết bao người phụ nữ tuổi trên 60 đã nhiều lần tiễn những người thân của mình lên đường chiến đấu: tiễn chồng lên đường đánh Pháp, tiễn con lên đường chống Mỹ, tiễn cháu lên

đường chống chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh. Cho nên hơn ai hết, nhân dân Việt-nam rất tha thiết với hòa bình. Sau khi giải phóng miền Nam, cả dân tộc Việt-nam lao vào công cuộc xây dựng hòa bình, biến cả nước thành một công trường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng « cây muốn lặng, gió chẳng dừng ». Chỉ có bốn năm sau ngày miền Nam Việt-nam được giải phóng, bọn cầm quyền Trung-quốc đã tổ chức hai cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam. Vì vậy nhân dân Việt-nam lại buộc phải cầm súng bảo vệ Tổ quốc mình. Khẩu hiệu của chúng tôi vẫn còn là: « Không có gì quý hơn độc lập, tự do ».

Nhiệm vụ chiến lược của nhân dân Việt-nam hiện nay là vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ đó liên quan chặt chẽ với nhau: có xây dựng chủ nghĩa xã hội, có phát triển kinh tế, nhân dân Việt-nam mới có lực lượng đề bảo vệ Tổ quốc; mặt khác, có cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, thì khi kẻ thù tiến công, chúng tôi mới bảo vệ được những thành quả cách mạng đã giành được.

Trong cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh, chúng tôi tin tưởng vững chắc vào thắng lợi của mình. Niềm tin ấy dựa trên cơ sở sức mạnh của dân tộc Việt-nam, sức mạnh của khối đoàn kết nhân dân ba nước Đông-dương, sức mạnh của Liên-

xô, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, sức mạnh của ba đồng thạc cách mạng của thời đại. Niềm tin ấy không những bắt nguồn từ sức mạnh của hiện tại, mà còn có nguồn gốc sâu xa của lịch sử 4 000 năm của dân tộc Việt-nam. Trong 20 thế kỷ, nhân dân Việt-nam đã đánh thắng hơn 10 cuộc chiến tranh xâm lược lớn của bọn phong kiến phương bắc, và trong lịch sử hiện đại đã giành được chính quyền từ tay bọn phát xít Nhật, đã đánh thắng hai tên đế quốc lớn là Pháp và Mỹ, và trong cuộc đụng dẫu vừa qua, đã đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng Trung-quốc.

Thưa các đồng chí,

Do sự xuất hiện của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc Trung-quốc và sự câu kết của nó với chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng phản động khác, cho nên trên thế giới đang diễn ra sự sắp xếp mới giữa lực lượng cách mạng và lực lượng phản cách mạng: một bên là các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào độc lập dân tộc, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa, các lực lượng đấu tranh cho hòa bình; và một bên là chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc Trung-quốc và các thế lực phản động khác do đế quốc Mỹ cầm đầu.

Trước tình hình đó, chúng tôi cho rằng các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới có nhiệm vụ kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc do đế quốc Mỹ cầm đầu và các thế lực phản động mà bọn theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc Trung-quốc, đồng minh của Mỹ là thế lực phản động quốc tế lớn nhất.

Sự sắp xếp mới các lực lượng cách mạng và phản cách mạng trên thế giới ngày nay, đòi hỏi và cho phép chúng ta xúc tiến việc thành lập Mặt trận nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc do đế quốc Mỹ cầm đầu và bọn phản động Bắc-kinh, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Cuộc sống chứng tỏ rằng, trong tình hình hiện nay, không thể đấu tranh thắng lợi chống chủ nghĩa đế quốc, nếu không đồng thời chống bọn phản động Bắc-kinh là những kẻ đã nhập bọn với chủ nghĩa đế quốc và trở thành đồng minh của chúng.

Cũng do sự xuất hiện của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc Trung-quốc, cho nên nhiệm vụ cấp bách của nhân dân các nước ở Đông Nam Á là phải đấu tranh chống chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc Trung-quốc và các thế lực đế quốc đang tranh giành quyền lợi và ảnh hưởng ở khu vực này, nhằm mục tiêu trước mắt là tạo nên một khu vực hòa bình, độc lập, tự do, trung lập, ổn định và phồn vinh. Tại nơi nóng

bông này của thế giới, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh đã xử sự như một *kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm* của nhân dân tất cả các nước trong khu vực. Thái độ xảo quyệt của bọn phản động Bắc-kinh hòng lôi kéo các nước ASEAN chống các nước Đông-dương chỉ có thể lừa bịp nhất thời một số chính khách nào đó, chứ không thể đánh lừa được những người thức thời có tầm suy nghĩ chín chắn. Chúng ta tin rằng, nhân dân và chính phủ các nước Đông Nam Á sẽ ngày càng thấy rõ âm mưu bành trướng của bọn phản động Bắc-kinh đối với họ và ngày càng kiên quyết chống lại chúng.

Riêng đối với Việt-nam, do cuộc xâm lược vừa qua của bọn cầm quyền Trung-quốc, đã hình thành trên thực tế một mặt trận thống nhất của nhân dân thế giới ủng hộ Việt-nam chống sự xâm lược của bọn phản động Trung-quốc. Chúng tôi đề nghị các nước xã hội chủ nghĩa anh em, tất cả các đảng cộng sản và công nhân cùng các lực lượng cách mạng và hòa bình trên thế giới sẽ ngày càng tăng cường và mở rộng mặt trận ấy bằng những hình thức thích hợp.

Thưa các đồng chí,

Đề thúc đẩy sự nghiệp cách mạng và hòa bình tiến lên hơn nữa, các nước chúng ta cần triển khai cuộc đấu tranh *chống bọn đế quốc và phản động Bắc-kinh* trên nhiều lĩnh vực. Trong cuộc

đấu tranh ấy, chúng ta sẽ phải khắc phục nhiều khó khăn, chống trả nhiều sự chống đối và phản kích của kẻ thù, trong đó có những hoạt động tuyên truyền xuyên tạc của chúng. Đồng thời trong nội bộ hàng ngũ phong trào cộng sản quốc tế, đang tồn tại đây đó những khuynh hướng không lành mạnh, rất có hại cho cách mạng, có lợi cho kẻ thù. Bởi vậy, trên đà thắng lợi của cách mạng hiện nay, cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng và lý luận của chúng ta chẳng những không hề giảm nhẹ mà trái lại càng cần thiết và quan trọng hơn.

Năm vầng phương hướng phục vụ những nhiệm vụ chủ yếu hiện nay là : *vừa bảo vệ hòa bình thế giới, tiếp tục làm dịu tình hình quốc tế, vừa đẩy mạnh ba trào lưu cách mạng của thời đại*. Chúng tôi nghĩ rằng, cuộc đấu tranh tư tưởng của chúng ta hiện nay cần tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ mà hội nghị ở Bu-da-pét lần trước đã đề ra, đồng thời có bổ sung những khía cạnh mới do tình hình mới đặt ra, đặc biệt là những khía cạnh có liên quan đến sự phối hợp giữa bọn đế quốc và bọn phản động Bắc-kinh trong việc phá hoại cách mạng và hòa bình thế giới.

Trong cuộc đấu tranh tư tưởng với kẻ thù, chúng ta cần giữ vững *thế tiến công*, bởi vì cuộc sống ngày càng chứng tỏ tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản rất lỗi thời và phản động.

Chúng ta cần nêu cao trước toàn thể giới *những thắng lợi toàn diện của các nước xã hội chủ nghĩa*, chỉ rõ cho mọi người thấy chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải quyết được những vấn đề cơ bản của tiến bộ xã hội, tạo điều kiện để phát triển con người một cách toàn diện; mới bảo đảm những điều kiện thực tế để thực hiện đầy đủ tự do dân chủ và quyền con người; mới bảo đảm thực hiện tốt đẹp các yêu cầu về độc lập, chủ quyền và bình đẳng giữa tất cả các nước, hơn nữa còn góp phần tăng cường tình hữu nghị và sự giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc. Bằng những tài liệu cụ thể và sinh động, chúng ta tiếp tục lên án chủ nghĩa tư bản đã gây nên những tội lỗi đối với con người, chỉ rõ chủ nghĩa tư bản kìm hãm sự tiến bộ xã hội, là nguồn gốc của tình cảnh thiếu thốn và những đau khổ của nhân dân; nó chà đạp lên quyền con người ở nước mình, đồng thời bóc lột, áp bức tước đoạt tự do của các dân tộc khác.

Phải làm cho nhân dân thế giới phân biệt rõ chủ nghĩa xã hội thật và chủ nghĩa xã hội giả: đặc biệt, cần vạch trần cái gọi là « chủ nghĩa xã hội » của tập đoàn phản động Bắc-kinh và những người theo chúng, « chủ nghĩa xã hội » của bọn Pôn Pốt – Iêng Xa-ry, phỏng theo mô hình « chủ nghĩa xã hội Bắc-kinh ». Chính bọn tư sản đang dùng những bằng chứng đen tối này để bôi nhọ chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta cần kiên quyết *chống lại chiến dịch « quyền con người »* do bọn đế quốc phát động. Chúng tôi nghĩ rằng trên vấn đề này, chúng ta hoàn toàn có thể đưa cuộc đấu tranh sang trận địa của kẻ thù, bằng cách không chỉ phản kích mà còn tiến công thẳng vào chế độ chính trị xấu xa của chủ nghĩa tư bản. Rõ ràng, về mặt này chủ nghĩa xã hội của chúng ta có những ưu thế không thể chối cãi được so với chủ nghĩa tư bản.

Chúng ta cần tăng cường công tác tuyên truyền *ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh* chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân mới và cũ, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, vi độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Cần vạch trần những hành động phản bội và phá hoại phong trào độc lập dân tộc của bọn bành trướng Bắc-kinh, vạch trần sự liên minh và ủng hộ của chúng đối với những chế độ thối nát, đặc biệt là chế độ Pi-nô-chê, chế độ Pôn Pốt – Iêng Xa-ry. Cũng cần phê phán đúng mức khuynh hướng phản động trong một vài nước độc lập dân tộc, khuynh hướng đưa đất nước họ trở lại quỹ đạo của chủ nghĩa đế quốc, trở thành công cụ của chủ nghĩa đế quốc chống lại các dân tộc khác. Các cơ quan tuyên truyền của chúng ta cần giành vị trí thích đáng cho việc tuyên truyền ủng hộ cuộc đấu tranh của phong trào các nước không liên

kết chống chính sách xâm lược và lũng đoạn của chủ nghĩa đế quốc, của bọn bành trướng Bắc-kinh. Việc phê phán những kẻ đang tiếp tay cho chủ nghĩa đế quốc và bọn bành trướng Bắc-kinh nhằm chia rẽ và hướng phong trào không liên kết đi chệch mục tiêu đã định, xa rời các nước xã hội chủ nghĩa, là việc làm cấp thiết không thể thiếu được trong điều kiện hiện nay.

Việc tuyên truyền ủng hộ *sự nghiệp chính nghĩa của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa* phải chiếm vị trí quan trọng trong hoạt động tuyên truyền đối ngoại của các nước xã hội chủ nghĩa. Bằng những tài liệu sinh động và có tính thuyết phục, chúng ta cổ vũ cho phong trào ấy trong việc xây dựng mặt trận thống nhất rộng rãi của các lực lượng lao động và dân chủ chia mũi nhọn đấu tranh vào bọn tư bản lũng đoạn trong nước và nước ngoài, giành quyền dân sinh, dân chủ và tiến bộ xã hội, bảo vệ độc lập dân tộc và bảo vệ hòa bình thế giới, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn cho chủ nghĩa xã hội. Cổ vũ cho phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động theo phương hướng trên đây cũng có nghĩa là cổ vũ phong trào ấy đoàn kết chặt chẽ với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa, đoàn kết chặt chẽ với phong trào độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế.

Chúng ta cần gương cao hơn bao giờ hết ngọn cờ *bảo vệ hòa bình, làm dịu tình hình quốc tế*. Bằng cách vu khống chủ nghĩa xã hội « đe dọa hòa bình », bọn đế quốc và các « nhà tư tưởng » của chúng muốn biện hộ cho cuộc chạy đua vũ trang điên cuồng của chúng. Luận điệu « Liên-xô đe dọa Tây Âu », « đe dọa thế giới » chỉ rõ rằng, mũi nhọn công kích của chúng bao giờ cũng chia vào Tổ quốc của Lê-nin vĩ đại. Ở đây chúng ta lại thấy có một sự hòa nhịp giữa bọn đế quốc và bọn phản động Bắc-kinh. Chúng ta cần tiếp tục vạch trần tội ác gây chiến, xâm lược của những kẻ thù nguy hiểm ấy, nêu cao chính sách và hoạt động đối ngoại đúng đắn của các nước xã hội chủ nghĩa *vi hòa bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc*; đặc biệt khẳng định trước nhân dân tất cả các nước vai trò cực kỳ to lớn của Liên-xô trong cuộc đấu tranh cho việc làm dịu tình hình quốc tế, bảo vệ hòa bình thế giới.

Tóm lại, mục tiêu cơ bản của những hoạt động tư tưởng của chúng ta là góp phần tích cực vào việc thuyết phục, động viên, tổ chức nhân dân thế giới trong cuộc đấu tranh *vi chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới*. Muốn đạt mục tiêu ấy, chúng ta phải đấu tranh kiên quyết chống lại những luận điệu phản động, xuyên tạc của chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ và bọn phản động

trong giới cầm quyền Bắc-kinh; phải phê phán những luận điệu chia rẽ, xuyên tạc chống các nước xã hội chủ nghĩa, chống lại phong trào giải phóng dân tộc, chống lại phong trào không liên kết theo hướng tiến bộ, phải phê phán những kẻ cố tình bành vực bọn phản động Bắc-kinh và chế độ diệt chủng Pôn Pốt – Iêng Xa-ry; phê phán có lý có tình những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong phong trào cộng sản quốc tế, đề bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, đề tăng cường khối đoàn kết giữa các nước xã hội chủ nghĩa và các đảng cộng sản và công nhân, hạt nhân của phong trào cách mạng thế giới, đề củng cố và mở rộng sự đoàn kết giữa ba dòng thác cách mạng của thời đại.

Chất lượng và hiệu quả của công tác tư tưởng của chúng ta phụ thuộc một phần quan trọng vào sự hợp tác trong công tác nghiên cứu lý luận giữa các nước xã hội chủ nghĩa. Đoàn Việt-nam rất tán thành chương trình hợp tác nghiên cứu giữa các cơ quan lý luận của các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã được đề ra. Trong tình hình mới, chúng tôi đề nghị bổ sung những đề tài mới liên quan đến những đặc điểm mới của tình hình thế giới. Ví dụ: Sự liên minh giữa chủ nghĩa đế

quốc và bọn bành trướng Bắc-kinh, sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ sau chiến tranh Việt-nam, chiến lược làm bá chủ thế giới và bá chủ Đông Nam Á của giới cầm quyền Bắc-kinh, chế độ Pôn Pốt – Iêng Xa-ry v.v. Các cơ quan lý luận của chúng tôi xin đóng góp hết sức mình vào việc nghiên cứu các đề tài trên của chúng ta.

Thưa các đồng chí thân mến.

Ở trên chúng tôi đã vấn tắt nêu lên một số vấn đề về tầm quan trọng, về phương hướng, nhiệm vụ và nội dung cuộc đấu tranh tư tưởng và công tác tuyên truyền đối ngoại của chúng ta. Chúng tôi nghĩ rằng, làm tốt những vấn đề ấy sẽ có ích cho hoạt động đối ngoại của các đảng chúng ta, nhằm tập hợp đông đảo nhân dân thế giới đấu tranh cho thắng lợi của các mục tiêu cao cả của thời đại: hòa bình, độc lập dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Chúng tôi rất hoan nghênh việc các đảng chúng ta tăng cường công tác tư tưởng và phối hợp chặt chẽ với nhau về mặt này để nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh tư tưởng, làm cho công tác tư tưởng của chúng ta có sức thuyết phục mạnh hơn.

Xin cảm ơn các đồng chí.

SỨC CÒ VŨ CỦA MỘT ĐIỀN HÌNH

Trung tướng LÊ-QUANG-HÒA

MẤY năm gần đây, bộ đội quân khu 4 đã có nhiều cố gắng thực hiện nhiệm vụ sản xuất chiến đấu và chiến đấu, đồng thời tham gia sản xuất, tự túc một phần lương thực, thực phẩm, giảm chi phí cho Nhà nước. Một yêu cầu chung được đặt ra là bộ đội ta phải vừa chiến đấu giỏi, vừa sản xuất tốt. Và thực tế đã chứng tỏ bộ đội ta không chỉ chiến đấu giỏi, mà còn có thể sản xuất tốt. Đoàn 200 ở quân khu 4 là một trong những điền hình tốt.

Đoàn 200 là một đơn vị thu dung, điều dưỡng, giáo dục, phân công giao nhiệm vụ cho thương binh, bệnh binh, giải quyết chính sách cho cán bộ nghỉ hưu. Đoàn đã vượt cả 4 chỉ tiêu sản xuất lương thực, thực phẩm trong kế hoạch đã đề ra. Mỗi cán bộ, chiến sĩ bình quân đạt 270 kg lương thực quy gạo (trong đó dành cho tự túc 6 tháng 126 kg, đẻ giống 5 kg, dành tiết kiệm 12 kg, dành cho chăn nuôi tập trung của Quân khu 75 kg); mỗi người 22 kg thịt (vượt 28%), 240 kg rau (không kể dành cho chăn nuôi) và cả đồ, lạc, vừng (vượt 89%). Ngoài ra, Đoàn 200 còn đảm nhận xây dựng 1 trại chăn nuôi chuyên sản xuất lợn nái hậu bị, cung cấp cho các đơn vị trong quân khu. Yêu cầu của quy mô đàn lợn đến năm 1980 là 255 con nái,

hàng năm xuất chuồng 1500 lợn con, trong đó có 700 — 800 nái hậu bị. Chỉ qua 1 năm vừa học, vừa làm, Đoàn đã xây dựng được 3119m² công trình kiến thiết cơ bản của trại lợn: dền nay Đoàn đã có 131 lợn nái hậu bị và kiểm định, 5 đực giống tốt và đã có lợn giống xuất chuồng.

Toàn quân khu đang phát động học tập, đua kịp và vượt Đoàn 200 trên mặt trận sản xuất lương thực, thực phẩm. Các đơn vị bộ đội trong quân khu đang rút ra những bài học cụ thể nhưng có giá trị phổ biến của Đoàn 200. Những bài học đó rất thiết thực và cấp bách đối với quân khu 4, vì nó giải quyết được những vấn đề rất cơ bản và đem lại niềm tin cho các đơn vị. Nếu hiểu đúng, đặt đúng vị trí của sản xuất lương thực, thực phẩm và có quyết tâm cao, có biện pháp tích cực, tỉ mỉ, cụ thể như Đoàn 200, thì nhất định thực hiện được các chỉ tiêu sản xuất lương thực, thực phẩm, tự túc từng bước lương thực, thực phẩm trong các đơn vị bộ đội.

Hiểu đúng ý nghĩa, đặt đúng vị trí của sản xuất lương thực, thực phẩm với trách nhiệm chính trị sâu sắc và ý thức tự giác, say sưa.

Lúc đầu đặt ra yêu cầu sản xuất tự túc từng bước lương thực, thực

phẩm. Đoàn 200 cũng như nhiều đơn vị bộ đội khác không phải không có những băn khoăn. Công việc khẩn trương, khối lượng lớn, tình hình đông nhiều. Đất đai và thời gian dầu? Nhân lực đã sắp xếp chặt chẽ, lấy dầu ra lao động? Chiến đấu và chuẩn bị chiến đấu khẩn trương như vậy, làm sao sản xuất tự túc được?

Quan điểm của Ban thường vụ đảng ủy và Bộ tư lệnh quân khu 4 trong vấn đề này là phải bám sát Nghị quyết hội nghị lần thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng, nhận thức rõ tầm quan trọng của mặt trận nông nghiệp đối với tình hình thực tế của quân khu. Đối với cả nước, mặt trận sản xuất nông nghiệp đã quan trọng, thì riêng đối với quân khu 4, nông nghiệp lại càng có vị trí đặc biệt quan trọng. Ban thường vụ đảng ủy và Bộ tư lệnh quân khu luôn luôn xác định rằng: trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nếu các nơi khác đi, thì quân khu 4 phải chạy. Nếu các nơi khác chạy một, thì quân khu 4 phải vọt lên với tốc độ gấp hai, gấp ba mới kịp. Bởi vì, quân khu 4 là một trong những địa bàn có tiềm năng lớn nhưng chưa được khai thác bao nhiêu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề nhất, nên đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Mỗi kg lương thực, thực phẩm tăng thêm trên mảnh đất quân khu 4 đều mang ý nghĩa sâu sắc.

Đoàn 200 thấm nhuần những quan điểm cơ bản nói trên, đã đưa nhiệm vụ sản xuất lương thực, thực phẩm vào nội dung, tiêu chuẩn xem xét đánh giá trình độ giác ngộ và sự thực hiện của mỗi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ đối với hai nhiệm vụ chính trị cơ bản của quân đội. Đoàn 200 xác định rõ mối quan hệ giữa sản xuất lương thực, thực phẩm với điều dưỡng thương binh, bệnh binh như sau: *Điều dưỡng thương binh, bệnh binh tốt trên cơ sở sản xuất tự túc tốt. Sản*

xuất tự túc tốt để phục vụ điều dưỡng thương binh, bệnh binh tốt. Muốn có bữa ăn tốt, đời sống tốt, mọi người phải sản xuất tốt.

Những năm trước, Đoàn 200 là nơi đã có chủ trương tích cực như quyết tâm sản xuất đủ rau ăn chợ thương binh, bệnh binh, cải tiến cách thu mua, vận chuyển, chăn nuôi, hạ giá thịt lợn từ 3,5 đồng xuống 2,6 đồng để phục vụ tốt thương binh, bệnh binh. Đoàn 200 cũng là nơi có sáng kiến phát động cán bộ, chiến sĩ, thương binh, bệnh binh tự giác xây dựng « điều lệ sản xuất », duy trì tốt nề nếp làm chủ và quản lý của quần chúng. Trong tình hình mới, Đoàn 200 quy định rõ: *Sản xuất không phải là biện pháp của công tác điều dưỡng, mà là một nhiệm vụ chính trị của đơn vị, là nghĩa vụ của mọi người.*

Sự giác ngộ ấy được thể hiện rõ trong các phong trào tự quản, phong trào thi đua nối tiếp nhau. Mọi người tự giác làm thêm giờ, nhận thêm việc. Cả thương binh, bệnh binh cũng tham gia đảm nhận những công việc phù hợp sức khỏe. Đoàn 200 coi việc động viên mọi người phát huy cao độ tinh thần làm chủ và việc hợp lý hóa công việc, kiêm nhiệm công tác, điều hành lao động khoa học là một thể hoàn chỉnh để thực hiện quyết tâm « tự làm ra mà ăn, tự xây lên mà ở, tự trồng cây thuốc chữa bệnh ». Bằng biện pháp hợp lý hóa công việc, kiêm nhiệm công tác (y tế, hộ lý, quản y, quản lý, quản nhu, nuôi quân, tiếp phẩm kiêm nhiệm cho nhau, cứ 5 người rút bớt một người ra lao động sản xuất), chuyển một số việc về đêm để dành thời gian ban ngày cho lao động đồng áng, Đoàn 200 đã dành thêm được hàng vạn ngày công lao động. Riêng 10 bếp nuôi quân, mỗi bếp rút bớt 3 người, đã có 10.800 ngày công một năm.

Trước âm mưu xâm lược của bọn phản động Trung-quốc, Đoàn 200 đã nhạy bén gắn nội dung chính trị của

nhệm vụ sản xuất với yêu cầu sản sàng đánh thắng quân thù. Ngay sau khi hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất cả năm, Đoàn 200 đã phát động mỗi người, cả thương binh, bệnh binh làm thêm 30 kg lương thực với chủ đề *« Vì Tổ quốc mau mạnh, đánh thắng giặc Trung-quốc xâm lược »*.

Thực tiễn ở Đoàn 200 cho thấy rằng, khi mọi người đã được phát động tư tưởng, giác ngộ sâu sắc nhệm vụ, thực hiện quyền làm chủ tập thể thì khả năng tiềm tàng được khai thác, sản phẩm và chất lượng sản xuất tăng lên nhanh chóng. Tháng 11 năm 1977, Đảng ủy Đoàn 200 đề ra tự túc 87 kg lương thực 1 năm đã thấy khó. Nhưng khi đưa về cho cơ sở thảo luận, xây dựng chỉ tiêu từ dưới lên, thì tất cả các đội đều nâng lên 200, 250 kg, nhiều đội quyết tâm phấn đấu 300 kg. Thực tế ấy càng củng cố quyết tâm cho ban lãnh đạo, và đảng ủy Đoàn 200 đã *« sửa lại »* dự thảo nghị quyết của mình lấy cái mốc 200 kg làm chỉ tiêu phấn đấu chính thức. Từ chỗ đề ra 87 kg đã thấy khó đến chỗ nâng lên 248 kg và thực tế lại đạt được 270 kg, nếu không có lòng tin, quyết tâm, sự giác ngộ sâu sắc và không phát động được quần chúng làm chủ, thì không dám đặt ra và không đạt được chỉ tiêu ấy.

Diện tích ít, vòng quay nhanh, năng suất cao, sản phẩm nhiều.

Tuy có cơ sở thuận lợi là mỗi đội thương binh, bệnh binh đều có 3 - 4 héc ta đất đai đồi núi quanh nhà, tiện cho việc canh tác, vận chuyển, nhưng so với yêu cầu, thì ruộng vẫn còn thiếu. Một nửa diện tích lại bạc màu, đang trong quá trình *« đã ong hóa »*. Sự hiểu biết về kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, cơ sở giống má và trang bị kỹ thuật đều thiếu. Trong tình hình như vậy, Đoàn 200 đã vừa học, vừa làm, học các nông trường, học các địa phương, nghe đâu có thầy hay, có cách làm tốt là mời người tới dạy, cử người đến học.

Nắm vững phương hướng chỉ đạo sản xuất là thâm canh, tăng năng suất, Đoàn 200 đã nêu quyết tâm phấn đấu: *« Diện tích ít, quay vòng nhanh, năng suất cao, sản phẩm nhiều »*. Trên cơ sở tính toán các chỉ tiêu cần đạt về bột, thịt, rau, Đoàn đã có những biện pháp cụ thể về sử dụng, bồi dưỡng đất, xác định các loại cây lương thực, thực phẩm thích hợp, định mức năng suất, phân bổ cơ cấu các loại cây trồng, quy định chặt chẽ các yêu cầu về phân bón, về các quy trình kỹ thuật. Qua mỗi vụ, mỗi đội sản xuất, cấp ủy và ban chỉ huy Đoàn đều có kiểm điểm, đánh giá rút kinh nghiệm. Để việc đánh giá chính xác, khách quan, tạo cho ai nấy đều thấy rõ mình, học tập được đơn vị bạn, Đoàn đã tổ chức cho các đảng ủy viên, cán bộ phụ trách các đơn vị xuống tận đội, ra đồng, xem xét kiểm tra tình hình thực tế. Đồng thời, Đoàn rất chú ý làm thí nghiệm, làm mẫu, từ mẫu nhân ra đại trà.

Sau khi cân đối lại đất đai thấy thiếu hẳn 1/2 diện tích cần có, một mặt Đoàn 200 phát động phong trào khai hoang rầm rộ, sỏi nôi, một mặt ra sức kiên trì phương hướng thâm canh, tăng vụ. Với cây lương thực, thực phẩm ngắn ngày, ở đất có độ dốc dưới 10 độ, Đoàn đặt mức cố gắng làm 3 vụ/năm. Riêng đối với rau, làm 4 vụ. Hệ số sử dụng đất đạt 2,2 lần. Các đội 253, 100, 150, 221, cơ quan chính trị, tham mưu và ban chỉ huy Đoàn đều đã thực hiện 3 vụ theo công thức phù hợp: ngô xuân + đậu tương hè + khoai tây đông; đậu tương xuân + khoai lang hè + ngô đông.

Để khắc phục tình trạng đất bị xói mòn lớn, bạc màu và đã ong hóa, biện pháp cải tạo đất được đặc biệt chú ý. Luân canh cây trồng hợp lý, chăm dứt tình trạng độc canh (trừ một ít diện tích trồng sắn) và thực hiện các quy trình chống xói mòn bằng khoanh vùng bậc thang, trồng cây làm bờ lô dựa

vừa được ăn quả, vừa chống xói mòn... là những biện pháp tích cực, có hiệu quả. Việc gieo trồng các loại cây họ đậu với 1/6 số diện tích luân canh để cải tạo đất đã trở thành tập quán. Di dời với luân canh, Đoàn đã tích cực áp dụng biện pháp xen canh và đã đạt được những kết quả tốt. Xen canh sắn và lạc vụ đông xuân. Đội 213 đạt năng suất bình quân 1 ha 16 tấn sắn và 1,57 tấn lạc. Đội 150 mượn đất giữa hai hàng cam của nông trường bạn làm đậu tương.

Bố trí và luân canh cây trồng hợp lý, khoa học là một biện pháp không kém phần quan trọng tạo ra vòng quay của đất. Căn cứ tính chất đất, đặc điểm thời tiết, tính thích ứng của mỗi loại giống và qua thực tiễn sản xuất, Đoàn 200 đã rút ra được những kết luận đúng cho việc ổn định tập đoàn cây trồng. Và qua nghiên cứu, Đoàn còn xác định được một số công thức luân canh phù hợp với điều kiện đất đai tại khu vực đồng quanh theo cơ cấu 3 vụ 1 năm như sau:

— Ngô lai 5 xuân + đậu tương hè thu + khoai lang đông.

— Đậu tương xuân + ngô hè thu + khoai tây đông.

— Lạc đậu xuân + khoai Hoàng long hè thu + ngô lai 6 đông.

Trong 3 vụ, Đoàn luôn luôn phần đầu có 1 vụ trồng cây họ đậu. Đối với đất có độ dốc lớn, Đoàn làm 2 vụ:

— Ngô lai 5 xuân + đậu tương V70 hè thu.

— Đậu tương V70 xuân + ngô trắng hè thu.

Làm ba vụ là một quá trình phấn đấu quyết liệt. Đất ít được nghỉ. Người ít được nghỉ. Thời gian gieo trồng là mệnh lệnh chiến đấu. Yêu cầu chấp hành quy trình kỹ thuật hết sức nghiêm ngặt. Ở đây, Đoàn 200 đã rất chú ý xây dựng ý thức say sưa, kiên định và tinh thần làm chủ. Bằng mọi cách, Đoàn kiên quyết phấn đấu đạt bằng được ý định này.

Năm ngoài, tháng 9 lụt lớn, tháng 10 vẫn còn mưa to. Đàng lẽ đỗ tương DH4 phải gieo trồng từ tháng 9, nhưng đến 15 tháng 10 mới làm được. Như vậy thời gian thu hoạch sẽ chậm lại. Vào cuối tháng giêng mới làm được vụ ngô xuân. Ngô sẽ trở vào lúc có gió Lào, Đoàn 200 liền linh hoạt chuyển ngay sang trồng xen ngô trước vụ thu hoạch đỗ tương một tháng, thu hoạch đỗ tương xong là tranh thủ làm cỏ, xới xáo ngay cho ngô, tưới luôn 2 lần phân bắc, bón thúc đạm urê theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhờ vậy, đã khắc phục có hiệu quả hiện tượng “chậm đuôi” trong thời vụ.

Một điều rất quan trọng nữa là Đoàn 200 rất chú ý giải quyết mối quan hệ nhân — quả giữa trồng trọt và chăn nuôi. Có ý kiến cho rằng: trong điều kiện lương thực còn thiếu thì khó thực hiện được chăn nuôi, chăn nuôi chỉ lỗ. Do đó thiếu quyết tâm, thiếu biện pháp giải quyết tích cực. Thực tiễn ở Đoàn 200 cũng như ở các đơn vị trong quân khu chỉ ra rất nghiêm túc rằng: nếu không giải quyết tốt vấn đề chăn nuôi, thì khó tạo ra được năng suất cao trong cây trồng, khó giải quyết được vấn đề lương thực một cách cơ bản. Qua thực tế, chúng tôi thấy rất rõ, mối quan hệ nhân — quả giữa trồng trọt và chăn nuôi được diễn đi, diễn lại trong một chu trình liên tục, tác động, hỗ trợ, thúc đẩy lẫn nhau một cách tích cực và có hiệu quả, là một cơ chế trong sản xuất nông nghiệp. Chăn nuôi tốt — lương thực nhiều — lương thực nhiều — chăn nuôi tốt — chăn nuôi càng tốt lương thực càng tăng... Ngược lại, nếu không giải quyết tốt mối quan hệ này thì không thể nào thoát khỏi vòng luân quanh: chăn nuôi yếu — lương thực thiếu — lương thực thiếu — chăn nuôi yếu.

Đoàn 200 đã quy định cụ thể các biện pháp, chỉ tiêu về hệ số dòn rạc,

lá, tỷ lệ thành phẩm, phân hoại cho mỗi con trâu, bò, lợn, xem đó là một loại vật tư quan trọng của kế hoạch sản xuất. Bình quân mỗi năm một con trâu cho 3.75 tấn phân hoại, 1 đàn trâu 40 con cho 150 tấn phân hoại, 1 đàn lợn 300 con ở các bếp cho 396 tấn, đàn bò 70 con cho 126 tấn. Bò lợn tăng, phân bón tăng, dẫn đến năng suất lương thực tăng.

Chịu khó học tập, chấp hành nghiêm túc các quy trình kỹ thuật, các biện pháp liên hoàn.

Làm nông nghiệp mà chỉ mới có một cán bộ trung cấp về trồng cây ngắn ngày. Đoàn 200 đã thấy rõ chỗ yếu của mình. Nên quyết tâm học tập để tự nâng cao trình độ hiểu biết. Tất cả cán bộ, chiến sĩ đều được học tập về kỹ thuật một số cây trồng cần thiết như ngô, lạc, sắn, khoai lang, đỗ tương. Những cán bộ, chiến sĩ ở các đội sản xuất tập trung được bồi dưỡng kỹ hơn để có thể đảm nhận được vai trò tổ trưởng sản xuất. Nghe đâu có giống tốt, có cách làm hay, Đoàn đều cử cán bộ tới đó học tập. Những giống tốt như đậu tương V 70, V 74, DH4, ngô lai 5.8, S1, sắn Nghĩa Bình, khoai tây, khoai lang Hoàng-long đã được mang về trồng nhằm nhanh chóng tạo ra một tập đoàn cây trồng ngắn ngày, có năng suất cao. Dĩ nhiên, đối với mỗi loại cây trồng, đoàn đều thí nghiệm chu đáo, có biện pháp thích hợp với điều kiện đất đai, thời tiết và rút ra kết luận cần thiết về các quy trình đối với từng loại cây, v.v.

Đoàn 200 đặt yêu cầu chủ động hoàn toàn về giống thành một trong những nội dung cơ bản của công tác chuẩn bị. Vì vậy, Đoàn chẳng những đủ dùng, mà còn cung cấp cho các đơn vị nhiều loại giống tốt. Riêng giống đỗ tương, Đoàn đã cung cấp cho các đơn vị bạn trong năm 1978 là 10 340 kg. Ngoài trại lợn tập trung cung cấp giống cho quân khu, Đoàn đã chú ý tạo đàn lợn nái, bò đàn,

bảo đảm có đủ giống nuôi thịt trong năm, đồng thời đó cũng là biện pháp liên hoàn tạo nguồn phân bón cho trồng trọt. Bình quân cứ 26 người có 1 lợn nái, 2.2 người có một lợn nuôi thịt, và trong năm cứ 3.3 người có 1 lợn mổ thịt từ 45 kg trở lên. Đội 203 nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh, cứ 22 người có 1 lợn nái, 1.2 người có 1 lợn nuôi thịt, bình quân 60 kg/1con.

Đoàn 200 coi việc chấp hành các quy trình kỹ thuật như chấp hành mệnh lệnh chiến đấu. Các cán bộ lãnh đạo, chỉ huy của Đoàn luôn luôn đi trước trong việc chấp hành và tạo mẫu năng suất. Cán bộ phân đúng quy trình, đủ số lượng, cán bộ chỉ huy làm trước. Cán bộ chứng minh cho kết luận về năng suất mỗi loại cây trồng, cán bộ Đoàn làm thử trước.

Tác phong gương mẫu, sát sao, ý thức kỷ luật nghiêm túc, rất coi trọng khoa học kỹ thuật nông nghiệp của cán bộ có tác dụng lớn trong việc giải quyết nhận thức, tư tưởng, tăng niềm tin và tạo ra phong trào hành động sôi nổi trong bộ đội. Phân bón là biện pháp hàng đầu của thâm canh, nhưng làm phân bón phải có tổ chức chặt chẽ mới có hiệu quả. Có lúc phân đủ tạ, đủ cân, nhưng nếu không hướng dẫn, kiểm tra cụ thể các khâu trong quy trình bón phân thì sẽ kém hiệu quả. Quy định «không có phân không được gieo trồng» và những chiến dịch làm phân có chỉ đạo chặt chẽ từ khâu chế biến, ủ tưới, xáo trộn, là những biện pháp rất tích cực của Đoàn 200. Phân chuồng dựa vào đàn trâu, bò, lợn và đi kiểm thêm: phân xanh và vôi thì phát động quần chúng tự làm. Mỗi chi đoàn có 1 lò vôi. Phân được trộn theo từng lớp, ủ thành đống, trát bùn, có ống thông hơi, cứ 7 ngày lại tưới 1 lần nước tiểu hoặc nước phân bắc qua ống cho ngấm vào phân. Tất cả các nguồn phân đều được quản lý chặt chẽ. Chế độ bón

phân được đưa vào cơ chế bắt buộc: mỗi héc ta lạc bón 6 tấn phân chuồng, 70kg sun-phát, 500kg lân, 100kg ka-li, mỗi héc ta sản bón 8 tấn phân chuồng, 80kg đạm u-rê, 200kg lân; mỗi héc ta khoai lang bón 15 tấn phân chuồng, 80kg đạm sun-phát, 150kg lân, 150kg ka-li.

Đoàn 200 cũng đã chú ý bỏ công sức vào việc nghiên cứu chọn giống, cất giữ giống và giáo dục cán bộ, chiến sĩ chọn giống một cách công phu, tỉ mỉ. Các loại hạt giống đều có thùng phuy, chum vại bảo quản kỹ, có trộn lá xoan phơi khô, trên mặt được phủ 1 lớp tro bếp, tránh được sâu mọt, tỷ lệ nảy mầm cao. Đoàn đã qua thực nghiệm chứng minh cho bộ đội thấy rõ: hom sản nếu lấy ở đoạn vừa phải, thân dày, ruột ít, thì cho năng suất cao hơn hẳn lấy ở đoạn quá non hoặc quá già. Dãy khoai lang nếu cắt ở đoạn thứ nhất, thứ 2 từ ngọn vào, năng suất tăng gấp 1,2 - 1,4 lần.

Bằng biện pháp chỉ đạo thâm canh liên hoàn, Đoàn 200 đã tạo ra được những năng suất mới khá tiêu biểu: ngô lai 5 tầng sản vụ đông xuân đạt hơn 2,8 tấn/ha, đỗ tương V70 1,8 tấn/ha, khoai lang 21 tấn/ha và khoai tây 18 - 20 tấn/ha.

Qua tính thử một vài loại cây trồng trong một vụ ở một số đội, Đoàn cũng đã rút ra được một số số liệu phục vụ cho việc tiếp tục nghiên cứu tăng năng suất hơn nữa trong thời gian tới.



Những chỉ tiêu mà Đoàn 200 đạt được vừa qua tuy ở trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn, nhưng chưa phải ở mức khó khăn dồn dập, gay gắt. Song điều quan trọng nhất là Đoàn đã vất vả, gian khổ để tìm ra được đáp số đúng của bài toán. Hiện nay, mục tiêu phấn đấu chung năm 1979

của các đơn vị bộ đội trong quân khu là tự túc bằng được 6 tháng lương thực (trừ một số đơn vị do điều kiện, hoàn cảnh cụ thể có thể tự túc 4 tháng). Ban thường vụ đảng ủy và Bộ tư lệnh quân khu đã hạ quyết tâm đến năm 1980 tiến tới tự túc hoàn toàn. Trong điều kiện hiện nay quân khu phải bảo đảm tốt cả 2 nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất, quyết tâm này có ý nghĩa về nhiều mặt, đòi hỏi sự giác ngộ rất sâu sắc, sự nỗ lực thật toàn diện của mọi người, mọi đơn vị; đồng thời cũng phải tiếp tục giải quyết những băn khoăn, lo lắng trong đó có cái lo lớn nhất là sản xuất đủ lương thực cho một tập thể nhỏ thì còn « xoay xở » được, chứ cho cả một quân khu thì rất khó.

Đúng là khó khăn, thử thách thì còn nhiều, nhưng bài học thực tiễn bao giờ cũng chứa đựng sức thuyết phục, cổ vũ lớn. Ngay từ những năm đánh Mỹ quyết liệt, các đơn vị trong quân khu đều đã thấy rõ giá trị của từng kg lương thực, thực phẩm. Nhiều đơn vị ở trong hoàn cảnh rất khó khăn, vẫn tự túc được một phần lương thực, thực phẩm, như các đoàn 161 pháo binh, đoàn Hoa Lư pháo cao xạ, vẫn có gạo, lợn, cá, chè, rau xanh sản xuất từ hậu cứ chuyển đến, bên trên địa vẫn có chuồng lợn, vườn rau... Đặc biệt, bài học của Đoàn 200 lại càng thêm sức hấp dẫn như một chiến công có tính mở đầu.

« Trăm nghe không bằng một thấy ». Một mô hình thực tế tương đối hoàn chỉnh đã xuất hiện. Bên cạnh đó, lại có thêm những điển hình khác như cơ quan quân sự huyện Hương-điện, Triệu-hải, thành phố Huế.... Đây là những cơ sở thực tế của lòng tin và quyết tâm. Trong dịp thăm quân khu 4 vừa qua, đồng chí Lê-Duẩn và đồng chí Phạm-Văn-Đồng đã ân cần dặn dò, nhắc nhở các lực lượng vũ trang quân khu 4 là: « Bộ đội không chỉ chiến

(Xem tiếp trang 43)

Điều hành lao động trên địa bàn huyện bảo đảm yêu cầu sản xuất và chiến đấu

LÊ-CHÂN-PHƯƠNG

TỔ chức lại sản xuất từ cơ sở theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa gắn chặt với xây dựng huyện nông - công nghiệp là « một vấn đề rất quan trọng trong toàn bộ công tác tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nông nghiệp ». Bởi vì: « Việc tổ chức lại sản xuất trong khuôn khổ một hợp tác xã chưa đủ để xóa bỏ triệt để tính chất phân tán, phung phí của sản xuất nhỏ, chưa tạo đủ điều kiện cần thiết để sản xuất của hợp tác xã có thể phát triển nhanh với năng suất lao động cao, hiệu quả kinh tế lớn.... Vì vậy, tổ chức lại sản xuất trong hợp tác xã theo hướng sản xuất lớn, biến hợp tác xã thành một tổ chức kinh tế thật sự xã hội chủ nghĩa, tất yếu phải đi liền với tổ chức sản xuất và quản lý trên phạm vi huyện » (1).

Vấn đề đặt ra là tổ chức và phân công ở huyện như thế nào? Nghị quyết số 33/CP, của Hội đồng Chính phủ đã chỉ rõ: « Tổ chức và phân công lại lao động trên địa bàn huyện, bao gồm lao động của các hợp tác xã, các cơ sở quốc doanh và lao động trong các thành phần kinh tế khác; tích cực và

chủ động dùng mọi hình thức tổ chức, mọi phương pháp quản lý và điều hành lao động để bảo đảm tận dụng tốt nhất các nguồn lao động trong huyện, kết hợp với việc chủ động tận dụng mọi đất đai và tài nguyên khác trên địa bàn huyện ».

Điều hành lao động trên địa bàn huyện là tổ chức, phân công lại lao động trên phạm vi toàn huyện nhằm sử dụng hợp lý nguồn tiềm năng lao động dồi dào, sẵn có, gắn việc tổ chức lao động với tổ chức lại sản xuất.

Điều hành lao động như vậy phải dựa trên phương hướng kinh tế đã được xác định theo quy hoạch, kế hoạch, trong đó quy hoạch lao động có vị trí hết sức quan trọng, phải được coi là cái gốc để thúc đẩy phân công, tổ chức lại lao động, tăng năng suất lao động xã hội trong toàn huyện.

Trong những năm qua, nhất là năm 1978, mức huy động lao động cho sản xuất và chiến đấu khá lớn. Trong khi đó, tỷ trọng lao động trong trồng trọt

(1) Lê-Duẩn: Về tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý nông nghiệp. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-Nội, 1974, trang 47 — 48.

tiếp tục giảm xuống, tỷ trọng lao động phân bố cho các ngành nghề và chăn nuôi tăng thêm. Nhiều địa phương vẫn bảo đảm sản xuất phát triển toàn diện, đẩy mạnh thâm canh tăng nhanh diện tích vụ đông, diện tích màu, bảo đảm lao động đề khắc phục hậu quả lũ lụt và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Ở đồng bằng miền Bắc đã và đang mở rộng phân công lao động theo công thức $4 + 1 + 2 + 3$ (40% lao động trồng trọt + 10% chăn nuôi + 20% ngành nghề và 30% xây dựng cơ bản) hoặc $5 + 1 + 2 + 2$, v.v. Một số huyện giảm lao động trồng trọt xuống trên dưới 50%; nâng tỷ trọng lao động của ngành nghề, thực hiện mục tiêu một lao động một héc-ta gieo trồng.

Đây là những chuyển biến tích cực, những mặt tiến bộ rõ nét trong quản lý lao động góp phần thúc đẩy sản xuất, tăng năng suất lao động trong nông nghiệp. Những huyện làm thử của trung ương và địa phương đã tiến hành kế hoạch hóa lao động, căn đối lao động từ cơ sở đến địa bàn huyện để khai thác mạnh mẽ hai nguồn tiềm năng to lớn: lao động và đất đai. Với hình thức tổ chức lực lượng lao động chuyên môn, các đội công trình do huyện trực tiếp quản lý đã trở thành một lực lượng cơ động mạnh, giúp cho huyện có thể chủ động điều hành lao động theo kế hoạch tới từng vùng, từng cụm để bảo đảm thời vụ và thực hiện dứt điểm các công trình thủy lợi, khai hoang, cải tạo đất, xây dựng cơ bản (sân kho, trạm, trại). Việc điều hành lao động trên địa bàn huyện của huyện Thiệu-yên (Thanh-hóa) giúp hợp tác xã Quý-lộc trong 53 ngày thực hiện việc di dân, chuyển 1600 hộ xã viên về khu dân cư mới, giải phóng gần 500 ha bãi trồng ngô, đồng thời vẫn bảo đảm thời vụ gieo cấy tốt nhất và thu hoạch một vụ đông xuân thắng lợi hơn nhiều năm trước. Huyện Thiệu-yên đã điều hành 20 000 lao động khai phá trên

900 ha đất hoang hóa, trong 15 ngày đã đưa vào sản xuất. Huyện Hải-hậu (Hà-nam-ninh đã điều hành lao động bảo đảm tốt «thi» và «thực», đẩy mạnh và mở rộng thâm canh tăng năng suất, tăng sản lượng lương thực, vượt thời gian kế hoạch sản xuất; đồng thời khéo kết hợp vào thời điểm hợp lý huy động trên 30 000 lao động trong ba ngày, nạo vét, mở rộng công trình sông Mực với trên 14 000m² đất, bảo đảm thời vụ mà không hề ảnh hưởng đến đời sống của xã viên và các mặt hoạt động sản xuất khác của hợp tác xã.

Qua điều hành lao động trên địa bàn huyện của các huyện nói trên, việc tổ chức lại lao động từ cơ sở hợp tác xã đến huyện đã được xúc tiến mạnh mẽ, *trình độ quản lý cũng như trình độ một mặt của xã viên và cán bộ cơ sở được nâng lên*. Từ đó đã xuất hiện nhiều hợp tác xã tiên tiến, vừa giỏi trồng trọt, chăn nuôi, vừa khôi phục, mở mang được các nghề truyền thống và các ngành, nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, cải thiện được đời sống cho xã viên, đồng thời hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước về các mặt lao động, lương thực, thực phẩm, hàng xuất khẩu. Điều nổi bật ở các hợp tác xã tiên tiến này là việc tổ chức lao động hợp lý theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đã trở thành phương hướng và nội dung quan trọng của công tác quản lý và được thực hiện nghiêm túc. Vì vậy, đã tạo cơ sở để điều hành lao động, kịp thời phục vụ nhiệm vụ sản xuất trong bất kỳ tình huống nào, dù là lũ lụt, hạn hán kéo dài. Tiêu biểu cho các đơn vị tiên tiến đó là các hợp tác xã Vũ-thắng (Thái-bình), Định-công (Thanh-hóa): liên tiếp được mùa và ngày càng thể hiện rõ nền nếp quản lý mới tiến bộ.

Trong các nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của các hợp tác xã nói trên, có phần hỗ trợ tích cực của huyện về mặt điều hành lao động nhằm bảo đảm

thời vụ gieo cấy, thu hoạch, mở mang ngành nghề, thu hút kịp thời lực lượng lao động của hợp tác xã dồi dào để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trên địa bàn huyện. Rõ ràng, việc điều hành lao động trên địa bàn huyện kết hợp với tổ chức lại lao động ở cơ sở bước đầu đã phát huy được khả năng của đất đai và tài nguyên thiên nhiên để mở rộng sản xuất và xây dựng, đẩy mạnh quá trình tái sản xuất mở rộng và phân bố, tổ chức lại lao động ở huyện, góp phần vào việc phân công mới lao động trên phạm vi toàn tỉnh và cả nước. Điều đó chứng minh rằng huyện là địa bàn quản lý thích hợp vì chẳng những nó có cơ sở vật chất, tài nguyên dồi dào, phong phú, mà còn có đầy đủ điều kiện để tổ chức, quản lý và sử dụng, bồi dưỡng hợp lý mọi nguồn lao động sẵn có để xây dựng thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp.

Điều hành lao động trên địa bàn huyện là vấn đề mới : từ thực tiễn chúng ta có thể rút ra một số kinh nghiệm bước đầu.

1 — Việc điều hành lao động có nội dung hoàn chỉnh và được tổ chức thực hiện trên cơ sở tổ chức lại sản xuất hợp lý ở hợp tác xã kết hợp với xây dựng huyện nông — công nghiệp. Nó bao gồm phân bố, tổ chức, sử dụng và bồi dưỡng sức lao động để không ngừng nâng cao năng suất lao động. Nó phải bảo đảm phương hướng tổ chức lao động chuyên môn hóa tới từng khâu, từng ngành trong từng hợp tác xã nông nghiệp và hướng vào phục vụ nhiệm vụ cơ bản là sản xuất nông nghiệp, đồng thời xây dựng cơ sở vật chất để tái sản xuất mở rộng, trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện, sát với khả năng đặc điểm của từng vùng. Nó gắn chặt việc tổ chức lao động với điều kiện tổ chức sản xuất, từng bước tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật của huyện. Do đó, về thực chất, điều hành lao động là một công tác tổ chức

để thực hiện sự phân công lại lao động trên địa bàn huyện, nhưng không tách huyện khỏi cơ sở, mà gắn bó mật thiết huyện với cơ sở thành một thể thống nhất ; đồng thời gắn huyện với tỉnh và cả nước, vì tổ chức, phân công lại lao động trên địa bàn huyện là nhân tố quan trọng thúc đẩy phân công lao động trong cả nước, bảo đảm xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng.

Cần đặc biệt chú ý đến các quy luật của sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ cao và được vận dụng trong điều kiện lao động chủ yếu là thủ công. Khi điều hành lao động, cần coi trọng những biện pháp tổ chức lao động tiến bộ đem lại năng suất cao và tiết kiệm nhiều sức lao động. Phải tuân theo những nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, quan tâm bồi dưỡng đi đôi với sử dụng để tái sản xuất sức lao động ; phải kết hợp với nguyên tắc, chế độ phân cấp để phát huy vai trò chủ động của huyện. Không thể điều hành lao động theo kiểu « chiến dịch » ồ ạt, mà cần phát huy tốt nhất vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Phát huy chức năng và trách nhiệm của huyện, trong đó coi trọng sự kết hợp đồng bộ, phát huy vai trò và trách nhiệm của các ngành chức năng, các bộ môn quản lý trong huyện nhằm sử dụng lao động tiết kiệm và hợp lý.

Chỉ có trên cơ sở cân đối lao động một cách vững chắc mới có thể làm chủ được sức lao động để điều hành hợp lý đem lại hiệu quả thiết thực. Mọi kế hoạch điều hành thiếu căn cứ vững chắc, được thực hiện một cách mệnh lệnh, gò ép nhất định dẫn tới lãng phí lao động và tiền của của nhân dân cũng như của tập thể và Nhà nước.

2 — Việc điều hành lao động phải xuất phát từ quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất, xây dựng huyện, phải đặt trên cơ sở gắn chặt nhiệm vụ xây dựng trước mắt với phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật lâu dài và

kết hợp kinh tế với quốc phòng. Phải trên cơ sở cân đối lao động và tổ chức lao động từ cơ sở mà xây dựng kế hoạch điều hành lao động cho từng vụ, từng công trình, trong từng thời điểm phù hợp với tình hình của huyện. Kế hoạch đó phải sử dụng hợp lý nhất mọi nguồn, mọi khả năng lao động, trong đó phải tạo thêm công việc làm để tăng thêm thời gian lao động vào sản xuất trước mắt, đồng thời điều động lao động đi xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết trên địa bàn huyện, như các công trình thủy lợi, khai hoang, lấp biển và những công trình phúc lợi, văn hóa tại địa phương huyện hoặc các công trình của tỉnh.

Muốn điều hành có kết quả tốt, trước hết phải phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nhất là khi thi công các công trình Nhà nước và nhân dân cùng làm trên địa bàn huyện. Giữ vững nguyên tắc tổ chức lao động theo hướng chuyên môn hóa, tập trung hóa cao: chú trọng bồi dưỡng kỹ năng lao động nhất là đối với lực lượng trẻ, đi đôi với giải quyết nghiêm chỉnh các chính sách, chế độ để khuyến khích cải tiến tổ chức lao động, nâng cao năng suất lao động. Tận dụng lực lượng lao động tập trung do huyện quản lý với các đội chuyên của hợp tác xã như đội thủy lợi chủ lực, đội xây dựng cơ bản, đội lao động nghĩa vụ... để thực hiện phân công hiệp tác lao động chặt chẽ từ hợp tác xã đến huyện, giúp cho huyện chủ động bố trí, sử dụng lao động, bảo đảm tốt các yêu cầu phát triển kinh tế, tăng cường tiềm lực quốc phòng và nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân. Tránh khuynh hướng huy động quá mức lực lượng lao động từ hợp tác xã lên để huyện trực tiếp quản lý, sử dụng mà không chú ý đầy đủ đến tổ chức lao động ở cơ sở, để ảnh hưởng đến thời vụ sản xuất. Trên thực tế, cách điều hành này không thể duy trì lâu dài và cũng không thể

tiến hành thường xuyên; trước mắt nó làm cho bộ máy của huyện thêm công kênh và gây ra lãng phí lao động nghiêm trọng.

Hiện nay ở nhiều nơi đang có hình thức, biện pháp điều hành lao động thích hợp, lấy các đội chuyên của hợp tác xã làm nòng cốt. Trên cơ sở củng cố các đội sản xuất, việc tổ chức hợp lý các đội chuyên môn của hợp tác xã như đội thủy lợi, đội xây dựng cơ bản và các đội chuyên khác, kết hợp với tổ chức các đội lao động tập trung của huyện, sẽ tạo ra một cơ cấu lao động chuyên môn hóa cơ động, gắn huyện với cơ sở.

Như ta đã biết, điều hành lao động có nhiều nội dung gắn bó mật thiết với phương hướng phát triển toàn diện của huyện nông - công nghiệp. Vì thế không thể cân đũa thì huy động đến đây, điều lao động từ chỗ này đi chỗ khác mà không có sự chuẩn bị mọi mặt. Phải dựa vào kế hoạch, vào đặc điểm thời vụ sản xuất nông nghiệp để có kế hoạch điều động hợp lý nhằm bảo đảm thời vụ sản xuất và giải quyết dứt điểm một số công trình lớn ở huyện.

Một vấn đề quản lý có ý nghĩa thiết thực là gắn việc điều hành lao động với nhiệm vụ thiết kế, thi công, với công tác chuẩn bị mặt bằng, điều kiện sản xuất, trình độ quản lý thi công, quản lý lao động từng lúc, từng nơi để điều hành đến đâu, sử dụng, quản lý tốt đến đó. Huyện nắm chắc nhiệm vụ phát triển kinh tế, quốc phòng và tình hình lao động của mỗi vùng, mỗi hợp tác xã để bảo đảm kế hoạch sản xuất của cơ sở, đồng thời cũng bảo đảm yêu cầu của huyện trong khi điều hành lao động. Cần chú ý làm tốt việc chấn chỉnh và đưa vào nề nếp công tác tổ chức quản lý lao động trên các công trường thủy lợi và xây dựng cơ bản hiện nay. Đặc biệt phải có định mức lao động, cân đối với tổ chức sản xuất mà tổ chức, huy động lao động lên công trường,

Thực hiện làm theo định mức, hưởng theo sản phẩm làm ra; nghiêm thu kịp thời và chặt chẽ; bồi dưỡng hiện vật đối với người lao động, chống bớt xén, tham ô.. Làm tốt quản lý lao động ở công trường đi đôi với tổ chức tốt lao động ở các hợp tác xã, tránh để lãng phí sức lao động và giảm bớt số ngày công đóng góp của tập thể và xã viên. Bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ và trình độ kỹ thuật cho lực lượng lao động nông cốt. Xây dựng và thực hiện các quy chế quản lý tiền bộ và mạnh dạn phân công, phân cấp cụ thể giữa huyện và cơ sở để mọi việc được tiến hành chặt chẽ, ăn khớp.

3 - *Vận dụng tốt nguyên tắc Nhà nước và dân cùng làm trong khi điều hành lao động trên địa bàn huyện.* Đây là vấn đề có quan hệ tới nhiều chế độ, chính sách. Chúng ta đã có những kinh nghiệm về mặt này. Để làm tốt việc này, cần phải xuất phát từ nguyên tắc gắn chặt lợi ích của cả Nhà nước, tập thể với lợi ích của nhân dân, đồng thời cũng phải đứng trên quan điểm động viên tổ chức sử dụng đi đôi với bồi dưỡng lao động. Cần coi trọng vai trò làm chủ tập thể, ý thức tự nguyện tự giác của nhân dân, và phải thể hiện tinh thần đó trong các chính sách, biện pháp tổ chức, quản lý, có kiểm tra nghiêm ngặt, không mệnh lệnh, gò ép. Đi đúng đường lối quần chúng, lắng nghe sức dân và khả năng thực tế của Nhà nước để xác định quy mô, hình thức và phương pháp huy động, tổ chức, sử dụng sao cho hợp lý, đạt hiệu quả kinh tế cao. Đây vừa là mối quan hệ Nhà nước với nhân dân về kinh tế, vừa là quyền làm chủ về lao động của nhân dân và vai trò quản lý của Nhà nước, cần thực hiện đúng đắn. Trong điều hành lao động, mối quan hệ giữa chính quyền cấp huyện với tập thể và nhân dân là rất khăng khít. Hết sức tránh gây ra lãng phí do huy động quá mức, và

cũng đề phòng tham ô, bớt xén của dân. Người lao động phải đóng góp công sức thỏa đáng vào công việc chung, đồng thời các cơ quan chức năng phải bảo đảm đầy đủ các quyền lợi vật chất, tinh thần, nhất là các tiêu chuẩn, định lượng mà Nhà nước quy định cho dân. Chống khuynh hướng bình quân trong phân phối, đãi ngộ, đề khuyến khích thỏa đáng người làm nhiều, làm tốt. Việc vận dụng chế độ, chính sách, còn phải dựa trên tinh thần « lấy ngắn nuôi dài », bảo đảm bồi dưỡng trước mắt để đầy mạnh nhiệm vụ sản xuất lên từng bước cao hơn trên cơ sở động viên mọi người làm tốt nghĩa vụ, nâng cao chất lượng và hiệu quả lao động từng ngày, để hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch. Từ thực tế vừa qua, cần xây dựng chế độ nghĩa vụ lao động, xác định ngày công lao động « công ích » ở địa phương; và nghiên cứu xây dựng quỹ tiền và quỹ lương thực theo sự điều hành lao động trên địa bàn huyện, đồng thời xây dựng các chế độ động viên nhân, tài, vật lực khác... để cho sự chỉ đạo thực hiện được thống nhất và chặt chẽ.

4 - *Việc điều hành lao động đòi hỏi phải có những điều kiện về chế độ, chính sách cũng như về tổ chức thực hiện.*

Dựa theo phương hướng xây dựng huyện đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, việc làm quy hoạch và kế hoạch lao động là điều kiện trước tiên có tính quyết định, đồng thời cũng là biện pháp quan trọng để vạch ra phương hướng điều hành cụ thể nhằm phục vụ kế hoạch chung.

Trong quy hoạch tổng thể và kế hoạch sản xuất chung đó, phải coi trọng quy hoạch, kế hoạch lao động. *Làm tốt quy hoạch lao động là đã tạo ra cơ sở để bố trí hợp lý lao động và tiết kiệm lao động, vật tư, tiền vốn.* Từ nhận thức đó, trong việc tăng cường chỉ đạo công tác quản lý lao động,

cần gắn việc tổ chức lao động với việc tổ chức sản xuất, xác định rõ người quản lý sản xuất kinh doanh phải quản lý lao động. Trên cơ sở đó, làm tốt chức năng quản lý của chính quyền cấp huyện. Mặt khác cần phải có biện pháp giải quyết tốt trang bị công cụ và chăm lo điều kiện làm việc và bảo đảm an toàn lao động cho người lao động, nhất là lao động nữ đang chiếm tỷ trọng lớn. Phải có kế hoạch bảo vệ sức khỏe và cải thiện điều kiện lao động cho chị em, đồng thời tổ chức tốt việc nuôi dạy con cái và các mặt sinh hoạt để mọi người vừa có thể tập trung sức lực vào lao động sản xuất, vừa có thì giờ lo việc gia đình một cách hợp lý, phù hợp với đặc điểm tình hình lao động nông thôn.

Từng địa phương nghiên cứu và vận dụng linh hoạt các chính sách, chế độ đã có dưới sự chỉ đạo thống nhất của trung ương nhằm phát huy tác dụng tích cực và làm phong phú thêm các chế độ, chính sách; đề phục vụ thật tốt việc mở rộng cuộc vận động tổ chức lại sản xuất cấp huyện.

Một yếu tố quan trọng nữa là tạo cho được phong trào lao động sản xuất sôi nổi trong quần chúng. Làm tốt công tác giáo dục con người mới xã hội chủ nghĩa, nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và tự hào dân tộc của người lao động, làm cho mọi người tích cực thực hiện nghĩa vụ và quyền lao động nhằm đầy mạnh sản xuất xây dựng kinh tế, và sẵn sàng làm tốt nghĩa vụ quân sự. Làm sao để mọi người sẵn sàng đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì tổ chức cần.

5 - *Điều hành lao động bảo đảm yêu cầu sản xuất và chiến đấu.*

Tình hình và nhiệm vụ mới hiện nay đặt ra trước chúng ta một vấn đề cực kỳ quan trọng là phân bố, tổ chức, động viên lực lượng lao động to lớn của toàn dân, bảo đảm đánh

bại mọi âm mưu, hành động xâm lược của bọn bành trướng và bá quyền Bắc-kinh trong mọi tình huống, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống.

Hơn lúc nào hết, huyện có vị trí cực kỳ quan trọng: vừa là cứ điểm xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa là pháo đài của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Do đó phải phát huy vai trò chủ động can đối và tổ chức lao động của huyện để làm tốt nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu; củng cố quản lý điều hành lao động của cấp huyện phải dành ưu tiên cho chiến đấu; đồng thời vẫn phải bố trí lao động hợp lý để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, trước hết là sản xuất lương thực, tích cực phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và công nghiệp địa phương, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng, bảo đảm hậu cần tại chỗ và nguồn hàng xuất khẩu.

Đề thực hiện nhiệm vụ sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, mọi người lao động, mỗi đơn vị phải thật sự làm chủ lao động, mà nội dung chủ yếu là quản lý tốt lao động, sử dụng lao động một cách tiết kiệm để đạt hiệu suất và năng suất cao. Cần xem xét lại quy hoạch lao động, nắm chắc kế hoạch lao động, can đối lao động toàn diện trên địa bàn huyện. Điều cơ bản là phải bảo đảm cho mỗi người công dân đều làm tròn nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ lao động. Thực hiện nhanh, gọn, tốt nhiệm vụ xây dựng, củng cố các lực lượng vũ trang địa phương, tập luyện quân sự... phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, đồng thời tổ chức tốt lao động, bảo đảm kế hoạch sản xuất của hợp tác xã, xí nghiệp, kết hợp chặt chẽ sản xuất với chiến đấu; kinh tế với quốc phòng.

Việc điều hành lao động trên địa bàn huyện phải đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Nó phải bao gồm nội dung sản xuất và chiến đấu. Trước mắt, củng cố ngay các

đội lao động nghĩa vụ, đội xây dựng cơ bản, đội vận tải... của hợp tác xã để thực hiện phân công lao động đi xây dựng công sự, xây dựng làng chiến đấu; tổ chức những lực lượng cơ động của địa phương xây dựng phòng tuyến, phục vụ chiến đấu, tham gia chiến đấu ở tuyến đầu...

Trong khi rút lao động cho chiến đấu, cần kịp thời chấn chỉnh, sắp xếp lại các đội lao động cơ bản của hợp tác xã, các tổ sản xuất của xí nghiệp. Kết hợp thật tốt việc tổ chức dân quân tự vệ ở cơ sở với việc tổ chức lực lượng quân sự thường trực của huyện. Tìm những hình thức, phương pháp tổ chức thích hợp nhằm bảo đảm sự điều hành lao động nhịp nhàng giữa sản xuất và chiến đấu ngay trong từng đơn vị, đề phát huy tốt nhất sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa hai mặt đó trong mọi hoàn cảnh, kể cả khi có chiến sự. Về cơ cấu lao động, cần duy trì lực lượng lao động kỹ thuật, lao động quản lý nghiệp vụ cần thiết cho phát triển sản xuất, xây dựng kinh tế trên địa bàn huyện. Trong tình hình mới với những nhiệm vụ mới, có nhiều vấn đề mới nảy sinh về chính sách, chế độ lao động cần được nghiên cứu, chỉ đạo thực hiện cho thích hợp trên từng tuyến, từng vùng. Trước tiên cần phải tổ chức quản lý chặt chẽ việc động viên lao động thời chiến, tránh huy động ồ ạt. Trên công trường, trên chiến trường, quản lý và sử dụng lao động với năng suất, hiệu suất cao phải được coi là kỷ luật nghiêm ngặt nhằm dùng ít người nhưng được nhiều việc; bảo đảm phương châm động viên đi đôi với bồi

dưỡng, bảo vệ sức dân. Do đó, cần tăng cường các biện pháp quản lý lao động từ cơ sở, nắm chắc công tác xây dựng và thực hiện định mức, nghiệm thu, thực hiện đúng đắn nguyên tắc phân phối theo lao động, thưởng phạt nghiêm minh, đồng thời tổ chức tốt việc tương trợ trong nhân dân.

Đặc biệt chú ý đến chính sách sử dụng, bồi dưỡng lao động nữ. Cải tiến tổ chức gửi trẻ, tổ chức tốt việc phân phối những nhu yếu phẩm.

Chúng ta cần tăng cường chỉ đạo công tác quản lý lao động, gắn việc tổ chức lao động sản xuất với việc xây dựng lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, kịp thời rút kinh nghiệm, đề xuất ý kiến với các cơ quan có trách nhiệm nhằm giải quyết nhanh chóng các yêu cầu mới về bổ sung sửa đổi chính sách và chỉ đạo chung.

Sức cổ vũ của...

(Tiếp theo trang 36)

dấu giỏi nhất, mà còn có thể sản xuất tốt nhất, năng suất cao nhất, nêu gương cả trên mặt trận sản xuất nông nghiệp". "Làm đề ăn, không làm đề triền lằm". "Mỗi lao động trong bộ đội có thể sản xuất nuôi mình và nuôi thêm, một hai người nữa". Các đơn vị bộ đội quân khu 4 nguyện ra sức thực hiện thắng lợi lời căn dặn của đồng chí Tổng bí thư và đồng chí Thủ tướng kính mến.

NHỮNG NGƯỜI RA ĐI



Ôt số người bỏ đất nước ra đi: họ là ai, trách nhiệm việc này do ai, nên giải quyết vấn đề này như thế nào?

Năm 1975, vào những ngày cuối cùng chiến dịch của ta giải phóng Sài-gòn, Mỹ đã tổ chức cho khoảng 15 vạn người Việt-nam ra đi, phần lớn là những tướng tá, viên chức cao cấp của ngụy quyền, và một số người hoảng hốt bị lôi cuốn vào cuộc phiêu lưu ấy. Rồi sau đó, trong những năm 1975 – 1978, lả rải ra đi một số người vì không thích nghi được hoàn cảnh khó khăn: điều này cũng dễ hiểu, vì trong nhiều năm nếu tính cả viện trợ quân sự và kinh tế thì miền Nam nhận của Mỹ trung bình mỗi năm 2 tỷ đô-la nuôi sống mấy triệu người. Nay có một số người không chuyển được nghề, từ làm quan, làm lính, đi buôn, chuyển thành nông dân công nhân, cho nên tìm đường ra đi. Rồi đến 1978 – 1979, ra đi lại chính là người Hoa, một phần do các nhà cầm quyền Bắc-kinh xúi giục, một phần vì chính sách gây chiến của Bắc-kinh đối với Việt-nam đặt họ vào một tình thế rất khó xử. Người Hoa ở gần biên giới thì đi thẳng về Trung-quốc, người Hoa ở miền Nam thì tìm cách chạy sang các nước Đông Nam châu Á.

Không cầnuyên bác lắm cũng hiểu rõ từ đầu mà có tình trạng gay go của nước ta, khiến cho một số người khó sống: ai đã đem quân, đem bom đạn tàn phá Việt-nam từ 1939 đến nay, tức trong 40 năm tròn. Xin nhắc lại: Nhật, Pháp, Mỹ, Trung-quốc, và không quên các chư hầu của Mỹ là Úc, Thái-lan, Phi-lip-pin, Nam Triều-tiên, và cũng không quên năm 1945 chính quân Anh chiếm đóng Sài-gòn đã mở cửa cho quân đội Pháp trở lại Đông-dương.

Như vậy là chính những kẻ đã gây ra thảm kịch này lại đang la ó nhiều nhất, tỏ vẻ thương xót những người ra đi nhất, và chính danh thủ phạm là Mỹ lại là người lớn tiếng nhất. Thủ phạm thứ hai và trực tiếp làm cho một

triệu rưỡi người Hoa ở Việt-nam ngày nay phải ăn ở không yên cũng lại là người ngày ngày đổ lỗi cho Việt-nam.

Sự câu kết giữa đế quốc và phản động Bắc-kinh đã thể hiện rõ rệt trong nhiều vấn đề khác, nay lại càng lộ liễu trong chiến dịch chống Việt-nam lần này. Họ nắm tay nhau tập trung sức bới nhọ nước ta để làm gì vậy ?

Những giới hiểu chiến trong phe đế quốc vẫn rất hần học về Điện-biên-phủ, về chiến dịch Hồ-Chí-Minh : trong lúc các đế quốc đã kéo được một số nước nghèo vào trong hệ thống kinh tế thực dân mới của họ, thì Việt-nam lại kiên quyết không để cho họ buộc trông vào cò, nêu một tấm gương về độc lập tự chủ cho cả thế giới thứ ba. Muốn uy hiếp thế giới thứ ba này, phải làm cho Việt-nam điều đứng.

Đế quốc cũng rất muốn làm suy yếu hệ thống xã hội chủ nghĩa, kẻ thù lịch sử số một của họ ; họ nghĩ rằng Việt-nam chính là khâu yếu trong hệ thống này, nay Bắc-kinh sẵn sàng cung cấp linh danh thuê cho họ, cho nên phải nắm lấy thời cơ.

Việt-nam lại là cái then khóa cửa Đông Nam châu Á trên con đường bành trướng của phản động Bắc-kinh ; từ nhiều năm nay Bắc-kinh đã làm tất cả những gì để Việt-nam suy yếu, buộc phải phục tùng. Chiến tranh xâm lược tháng 2-1979 cho họ thấy đánh vào Việt-nam không phải chuyện dễ, nhân dân Trung-quốc cũng không phải đồng tình với nhà cầm quyền Bắc-kinh, cho nên tiến hành một cuộc xâm lược thứ hai cũng không dễ dàng gì. Nhưng hần học thì chưa nguôi, tham vọng vẫn còn sùng sục, cái mộng đem « đại quân » làm rõ Việt-nam, nói theo kiểu các triều đại xưa, họ còn nuôi giữ. Chiến dịch tuyên truyền của họ tạo ra không khí chiến tranh nguội, chuẩn bị cho dư luận dần dần chấp nhận chiến tranh nóng thật sự.



Vấn đề thứ hai là khía cạnh nhân đạo, làm sao giảm nhẹ nỗi gian khổ cho những người ra đi. Chúng ta biết rõ trách nhiệm chính không phải ở họ, dù họ có bỏ đất nước chúng ta vẫn thông cảm nỗi dằn vặt của họ, ta vẫn xem họ là đồng bào. Vì vậy Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đã có một chính sách rõ ràng về việc này :

— Chính phủ không buộc ai ra đi, mà cũng không giữ ai lại. Ai muốn ra đi chỉ cần làm đơn chính thức với nhà chức trách.

— Chính phủ Việt-nam đã ký kết với Cao ủy phụ trách những người di cư của Liên hợp quốc, để trao danh sách những người đăng ký ra đi. Cao ủy sẽ tìm những nước nào chịu tiếp nhận, rồi tổ chức cho đi.

— Người ra đi vẫn tiếp tục được xem như là công dân của Việt-nam, ra ngoài vẫn được các sứ quán Việt-nam xem như công dân Việt-nam.

Từ trước đến nay, những tổ chức phản động các nước ngoài có một mạng lưới bí mật đưa người đi, gây nhiều khó khăn trong việc bảo đảm an ninh, ổn định kinh tế. Mạng lưới này một mặt làm tiền đối với những người buôn bán, mặt khác tìm cách lôi kéo một số trí thức; đến những nơi tập trung ở Đông Nam châu Á, các nước đế quốc như Mỹ, Pháp chỉ lựa đem về các trí thức có trình độ khoa học kỹ thuật cao, bỏ lại những người khác, bắt các nước Đông Nam Á gánh lấy hậu quả. Có một số cán bộ, nhân viên Nhà nước biến chất lợi dụng tổng tiền những người ra đi.

Tất cả những hoạt động tổ chức bí mật cho đi bất hợp pháp và lợi dụng những người ra đi đều bị nghiêm cấm.

Một hội nghị quốc tế để giúp đỡ Việt-nam và Cao ủy của Liên hợp quốc thực hiện tốt những điều đã ký kết sẽ làm cho tình hình bớt căng thẳng, làm cho những người ra đi bớt đau khổ, và các nước Đông Nam châu Á nhẹ gánh. Chúng ta kiên quyết chống âm mưu dùng thâm kích của những người ra đi làm một chiến dịch chính trị vu khống Việt-nam, chuẩn bị chiến tranh.

Thượng nghị sĩ Mỹ Mác Ga-von đã có lần nói: Mỹ đã gây ra ở Việt-nam những vết thương ghê gớm về vật chất và con người. Mỹ có nhiệm vụ đóng góp giúp Việt-nam hàn gắn những vết thương ấy. Đó là một sự ràng buộc về chính trị và cả về đạo lý.

Chắc chắn những người Mỹ nào có chút tự trọng cũng phải đồng ý với ông Mác Ga-von. Nhất là Chính phủ Mỹ, do tổng thống Ních-xon thay mặt, ngày 1-2-1973 đã có công hàm gửi cho Chính phủ Việt-nam hứa giúp 3,25 tỷ đô-la, và nói rõ, giúp không có điều kiện chính trị nào cả, để hàn gắn vết thương chiến tranh. 3,25 tỷ, so với tàn phá ghê gớm do bom đạn Mỹ gây ra chưa phải là nhiều, nhưng đường đường Chính phủ một nước như Mỹ không thể nuốt trôi lời cam kết như một tên con buôn.

Đối với những tàn phá do chiến tranh gây ra, đối với những người Hoa ra đi, chính phủ Trung-quốc cũng phải nhận lấy trách nhiệm như Mỹ, về mặt uy tín chính trị cũng như về mặt đạo lý.

Chúng ta yêu cầu những người có lương tri trên thế giới:

— Hết sức giúp đỡ những người ra đi ổn định cuộc sống.

— Hết sức cảnh giác với âm mưu phá hoại và chuẩn bị chiến tranh của những giới hiếu chiến trong phe đế quốc cầu kết với Bắc-kinh.

— Đòi hỏi các chính phủ Mỹ, Trung-quốc và các nước đã gây ra chiến tranh ở Việt-nam tiếp nhận những người ra đi, không để các nước Đông Nam châu Á gánh lấy phần lớn nhất.

Tạp chí Cộng sản

VỀ CẢI TIẾN TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

TRƯỜNG-SƠN

QUẢN lý kinh tế nói chung và quản lý công nghiệp nói riêng là một trong những lĩnh vực đang có nhiều vấn đề cần được nghiên cứu cải tiến nhằm thực hiện một sự chuyển biến phù hợp với yêu cầu của giai đoạn mới. Dưới đây, chúng tôi trình bày một số suy nghĩ bước đầu về vấn đề cải tiến tổ chức và quản lý công nghiệp nhằm đóng góp vào sự nghiên cứu đó.

I

Để tiến hành cải tiến quản lý kinh tế nói chung và công nghiệp nói riêng theo nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các nghị quyết của Trung ương, vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách là phải xóa bỏ lối quản lý hành chính bao cấp, đưa quản lý kinh tế, quản lý công nghiệp đi vào quỹ đạo *sản xuất - kinh doanh xã hội chủ nghĩa*. Phương thức quản lý sản xuất - kinh doanh xã hội chủ nghĩa là phương thức làm ăn có trách nhiệm, có hiệu quả và chất lượng. Phương thức này yêu cầu phải vận dụng các quy luật kinh tế, các chính sách kinh

tế, thực hiện nguyên tắc lợi ích vật chất, bảo đảm kết hợp tối ưu lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể với lợi ích toàn xã hội, nhằm tạo ra và duy trì động lực của hoạt động kinh tế, làm cho mọi người lao động, mọi tổ chức kinh tế vì lợi ích của mình mà quan tâm đến lợi ích của toàn xã hội, tự giác lao động sáng tạo và sản xuất kinh doanh với hiệu quả kinh tế cao, nhằm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân. Phương thức quản lý sản xuất - kinh doanh xã hội chủ nghĩa là phương thức kết hợp sản xuất theo kế hoạch với sản xuất có kinh doanh, dùng kế hoạch để chỉ đạo kinh doanh và dùng kinh doanh để bổ sung cho kế hoạch. Phương thức đó yêu cầu phải quán triệt một số nguyên tắc cơ bản như: nguyên tắc hiệu quả kinh tế, nguyên tắc tự chủ về kinh tế, nguyên tắc chịu trách nhiệm vật chất, v.v.

1 - *Hiệu quả kinh tế* là nguyên tắc cao nhất, là yêu cầu cơ bản của quản lý sản xuất - kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nguyên tắc này yêu cầu mọi hoạt động kinh tế phải chi phí ít nhất, sinh lợi nhiều nhất, phục vụ tốt nhất. Nguyên tắc hiệu quả kinh tế thể hiện

trong mọi khâu của quá trình sản xuất mà quan trọng nhất là khâu đầu tư, làm sao đầu tư ít nhất, nhưng làm ra được sản phẩm nhiều nhất.

Nguyên tắc hiệu quả kinh tế nói ra thì đơn giản nhưng lâu nay do chưa quán triệt nên chúng ta đã làm ăn không tốt. Trong công nghiệp miền Bắc, 1 đồng tài sản cố định năm 1965 làm ra 1,3 đồng giá trị tổng sản lượng; đến năm 1975 chỉ làm ra 1,1đ, nguyên nhân chủ yếu là do đây chuyên sản xuất không cân đối, không đồng bộ và thiếu nguyên liệu; thế nhưng vừa qua chúng ta vẫn chưa coi trọng đầu tư chiều sâu và tập trung giải quyết vấn đề nguyên liệu để khắc phục nhược điểm này, trái lại vẫn còn thiên về đầu tư chiều rộng. Cũng trong công nghiệp miền Bắc, ở khu vực quốc doanh, 1 đồng tài sản cố định chỉ làm ra được hơn 1 đồng giá trị tổng sản lượng, trong khi đó khu vực hợp tác xã làm ra được 5 đồng, nhưng nhiều ngành, nhiều địa phương vẫn thích phát triển quốc doanh, không coi trọng việc sử dụng lực lượng hợp tác xã. Nói đến hiệu quả kinh tế không thể không nói đến năng suất và chất lượng, vì năng suất càng cao, chất lượng càng tốt thì hiệu quả càng lớn. Cho nên muốn bảo đảm hiệu quả kinh tế, cần tạo mọi điều kiện, nhất là sử dụng khoa học kỹ thuật để tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nguyên tắc hiệu quả kinh tế đòi hỏi tất cả các tổ chức sản xuất—kinh doanh phải bảo đảm kết quả hoạt động không những bù đắp được chi phí sản xuất mà còn phải có lãi để mở rộng sản xuất cho đơn vị mình và góp phần tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng bắt buộc những cơ sở nào không có lý do chính đáng mà bị lỗ thì không được bù lỗ và phải chịu thiệt.

2 — Nguyên tắc tự chủ về kinh tế.
Đề sản xuất — kinh doanh có hiệu

quả, cần thực hiện một nguyên tắc quan trọng khác là bảo đảm quyền tự chủ về kinh tế của các ngành sản xuất, các địa phương và cơ sở. Đây là nội dung chủ yếu của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, và là biện pháp quan trọng để bảo đảm sản xuất — kinh doanh. Quyền tự chủ này được thể hiện trong cả quá trình sản xuất — kinh doanh từ khâu chuẩn bị đầu tư đến khâu tiêu thụ sản phẩm, từ quyền kế hoạch hóa, đặt quan hệ kinh tế ngang, quan hệ với thị trường, xuất nhập khẩu, đến quyền quyết định về lao động, vật tư, tiền vốn và điều hành sản xuất — kinh doanh. Chẳng hạn về mặt sản xuất, trên cơ sở bảo đảm chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng và những sản phẩm chủ yếu, các cơ sở sản xuất có quyền đặt kế hoạch sản xuất các mặt hàng cụ thể và làm thêm các sản phẩm khác phù hợp với khả năng và nhu cầu. Về mặt nguyên liệu, các ngành sản xuất có quyền cùng với các ngành, các địa phương hữu quan thỏa thuận biện pháp và chính sách cụ thể nhằm tạo ra và bảo đảm nguồn nguyên liệu cho sản xuất, kể cả việc tổ chức thu mua hoặc điều chỉnh giá cả trên cơ sở bảo đảm lợi ích của cả hai bên. Về mặt tiêu thụ, trong trường hợp các cơ quan thương nghiệp và giá cả không nhận hết hàng, không kịp định giá đến mức trở ngại cho sản xuất thì ngành hoặc cơ sở sản xuất có quyền định giá tạm thời và tổ chức tiêu thụ để giải phóng kho tàng và tiền vốn, bảo đảm sản xuất được bình thường. Về mặt xuất nhập khẩu, dưới sự quản lý thống nhất của cơ quan ngoại thương về mặt hành chính — kinh tế, các ngành và cơ sở sản xuất được quyền quan hệ với nước ngoài để nhập kỹ thuật, nguyên liệu, bán hàng hóa, v.v., nhằm gắn sản xuất với thị trường, bảo đảm việc xuất nhập khẩu phù hợp với nhu cầu. Mặt khác, các cơ sở sản xuất còn được quyền sử dụng

một phần ngoại tệ thích đáng trong kim ngạch xuất khẩu của mình để nhập vật tư và nguyên liệu cần thiết.

Đối với các địa phương, quyền tự chủ về kinh tế được thể hiện ở chỗ, các địa phương có quyền quyết định các phương án kinh tế tối ưu, vận dụng các chính sách cụ thể, sử dụng các biện pháp cần thiết, kể cả việc hợp tác kinh tế - kỹ thuật, trao đổi nguyên liệu và hàng hóa giữa các địa phương sau khi hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, nhằm phát huy mọi khả năng sẵn có và tiềm tàng của địa phương để phục vụ sản xuất và cải thiện đời sống cho nhân dân địa phương.

3 - Nguyên tắc *trách nhiệm vật chất và lợi ích vật chất*. Muốn thực hiện nguyên tắc hiệu quả kinh tế, tất yếu phải thực hiện nguyên tắc trách nhiệm vật chất và lợi ích vật chất. Có thực hiện nguyên tắc này mới thúc đẩy và bắt buộc mọi người, mọi tổ chức kinh tế quan tâm đến hiệu quả kinh tế.

Nguyên tắc trách nhiệm vật chất yêu cầu mọi tổ chức kinh tế không những chịu trách nhiệm về tinh thần mà còn phải chịu trách nhiệm vật chất trước Nhà nước về mọi hoạt động kinh tế của mình. Nghĩa là đơn vị nào không quản lý tốt vật tư, lao động, tiền vốn trong việc sản xuất - kinh doanh, không hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất, nộp thuế, nộp lãi cho Nhà nước, trả nợ cho ngân hàng, không thực hiện nghiêm túc các hợp đồng kinh tế, v.v. thì sẽ lập tức bị ảnh hưởng đến lợi ích vật chất như không được cấp vốn, cấp lương, cho vay, hoặc phải bồi thường, thậm chí có trường hợp bị truy tố trước pháp luật. Nguyên tắc này cũng bắt buộc mọi cán bộ, công nhân phải chịu trách nhiệm vật chất trước đơn vị như không làm tròn nhiệm vụ thì không được trả lương, làm hư hỏng, mất mát của công thì phải bồi thường, thậm chí có khi bị cách chức hoặc buộc thôi việc.

Nguyên tắc chịu trách nhiệm vật chất phải đi đôi với khuyến khích bằng lợi ích vật chất, nghĩa là có phạt thì phải có thưởng. Nguyên tắc lợi ích vật chất yêu cầu phải bảo đảm lợi ích vật chất cho mọi người lao động, đồng thời, kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội, làm cho mọi người lao động vì lợi ích của mình mà quan tâm đến thành quả lao động.

II

Để thực hiện phương thức quản lý sản xuất - kinh doanh xã hội chủ nghĩa như trên, cần cải tiến một số mặt cụ thể trong hệ thống quản lý.

1 - *Cải tiến tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý*.

Trong tình hình công nghiệp hiện nay, việc cải tiến tổ chức sản xuất cần chú ý một số vấn đề sau đây:

Đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, việc tổ chức sản xuất và cải tạo xã hội chủ nghĩa cần linh hoạt, thiết thực. Tiêu chuẩn cao nhất không phải là đưa hết, đưa nhanh vào tập thể, mà là ở chỗ có phát triển sản xuất hay không. Do đó, cần tùy theo đặc điểm, tính chất của từng ngành nghề mà vận dụng các hình thức tổ chức thích hợp: hợp tác xã, tổ, nhóm sản xuất, sản xuất thủ công cá thể, nghề phụ gia đình. Những ngành nghề và mặt hàng nào mà hợp tác xã thủ công nghiệp, hoặc thợ thủ công cá thể đã làm tốt, đáp ứng được yêu cầu hoặc có thể vươn lên đáp ứng được yêu cầu thì nên khuyến khích cá thể và giúp đỡ các hợp tác xã tiến hành sản xuất, không cần thiết phải đưa cá thể vào tập thể, hoặc phát triển quốc doanh thay hợp tác xã.

Đối với công nghiệp, hướng tiến lên là sẽ tổ chức các xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp, công ty, tổng công ty... nhằm dần dần thực hiện việc tập trung hóa, chuyên môn

hóa, hiệp tác hoa và hình thành các ngành kinh tế - kỹ thuật. Nhưng trước mắt vấn đề chính là phải tổ chức tốt sản xuất ở cơ sở, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất - kinh doanh của cơ sở: còn việc tổ chức các liên hiệp xí nghiệp thì cần xem xét kỹ, và chỉ tiến hành khi có yêu cầu thật sự và bảo đảm đem lại hiệu quả thiết thực.

Để gắn bó công nghiệp với nông nghiệp, tạo điều kiện hình thành cơ cấu công - nông nghiệp, đối với các ngành công nghiệp chế biến nông sản, cần nghiên cứu tổ chức các xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp như xí nghiệp liên hợp chè, xí nghiệp liên hợp đường, để gắn nguyên liệu với chế biến, kết hợp được lợi ích của hai bên.

Ngoài ra, đối với một số mặt hàng quan trọng như: cao su, tơ tằm, tôm, mực xuất khẩu, cần nghiên cứu tổ chức các công ty chuyên doanh phụ trách từ việc trồng trọt, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm, kể cả xuất khẩu. Các công ty này có đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn quyết định các vấn đề kinh tế - kỹ thuật của ngành nhằm bảo đảm sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao nhất.

Trên cơ sở tổ chức lại sản xuất mà điều chỉnh việc phân công, phân cấp giữa các ngành, giữa trung ương, địa phương và cơ sở một cách hợp lý.

Về tổ chức bộ máy quản lý, ở trung ương các ngành công nghiệp tổ chức thành hệ thống hai cấp: bộ - xí nghiệp, hoặc ba cấp: bộ - liên hiệp xí nghiệp - xí nghiệp.

Bộ hay Tổng cục là cơ quan quản lý hành chính - kinh tế; liên hiệp xí nghiệp hay công ty và các đơn vị kinh tế cơ sở như xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp đều là những tổ chức sản xuất - kinh doanh theo chế độ hạch toán kinh tế.

Ở tỉnh, thành phố, chưa nên tổ chức ra nhiều sở, nhiều cấp quản lý, và cũng chưa nên tổ chức các liên

hiệp xí nghiệp mà chỉ nên tổ chức một sở công nghiệp để quản lý trực tiếp các xí nghiệp thuộc sở và quản lý hành chính - kinh tế đối với các xí nghiệp thuộc các sở khác hoặc các huyện quản lý. Sở công nghiệp còn có trách nhiệm quản lý cả khu vực hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp về mặt quy hoạch, kế hoạch, kỹ thuật, nhưng vẫn cần có tổ chức liên hiệp xã riêng để làm chức năng của tổ chức kinh tế tập thể của những người lao động thủ công.

2 - Đổi mới công tác kế hoạch hóa.

Cần đổi mới cả nội dung và phương pháp kế hoạch hóa. Ngoài các vấn đề như kế hoạch phải thể hiện đường lối của Đảng, phải xuất phát chủ yếu từ lao động, đất đai, rừng, biển và các tư liệu sản xuất hiện có để khai thác hết tiềm lực, phải xây dựng từ cơ sở lên... cần chú ý một số điểm sau đây:

- Phải xây dựng kế hoạch thật sự cân đối. Kế hoạch trước hết phải cân đối giữa khả năng và yêu cầu theo hướng dựa vào khả năng, tạo ra khả năng và phát huy tối đa khả năng để đáp ứng yêu cầu, chứ không chạy theo yêu cầu, vì yêu cầu bao giờ cũng lớn hơn khả năng. Chẳng hạn hiện nay trong công nghiệp đang có hai khâu mất cân đối lớn: một là, mất cân đối giữa khả năng nguyên liệu với yêu cầu sản xuất; hai là, mất cân đối giữa khả năng sản xuất với yêu cầu tiêu dùng. Vậy một kế hoạch cân đối phải là kế hoạch chú trọng tạo ra nguồn nguyên liệu để bảo đảm sản xuất, chứ không phải nặng về xây dựng thêm nhà máy mới để đáp ứng yêu cầu, vì nếu xây dựng nhiều nhà máy mới mà không có nguyên liệu để sản xuất thì sẽ gây ra mất cân đối thêm và do đó nhu cầu cũng không đáp ứng được. Cũng như trong xây dựng cơ bản hiện nay đang có mất cân đối nghiêm trọng giữa yêu cầu xây dựng ngày càng nhiều với khả năng xây dựng rất có hạn. Trước tình hình đó, nếu kế hoạch xây dựng cơ bản không chú trọng đầy

đủ việc tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành xây dựng, mà nặng về ghi thêm danh mục công trình mới vào kế hoạch, thì chẳng những không thực hiện được kế hoạch mà còn gây ra mất cân đối và lãng phí lớn cho nền kinh tế. Ngoài ra kế hoạch còn phải chú ý bảo đảm cân đối giữa số lượng và chất lượng, tuyệt đối không được chạy theo số lượng và coi nhẹ chất lượng như lâu nay.

— Kết hợp kế hoạch với thị trường. lấy kế hoạch làm chủ đạo, đồng thời vận dụng quan hệ thị trường để bổ sung cho kế hoạch. Nền kinh tế của ta đang ở tình trạng sản xuất nhỏ, công tác kế hoạch hóa không thể bao quát và cân đối hết mọi khả năng, mọi nhu cầu, vì vậy, trong việc xây dựng kế hoạch, Nhà nước chỉ cần đối kế hoạch trong phạm vi cả nước trên một số mặt, một số khâu cơ bản nhất của nền kinh tế có khả năng cân đối được, còn thì để cho các ngành, các địa phương và các cơ sở sử dụng quan hệ thị trường để bổ sung việc lập kế hoạch. Có như vậy mới phát huy được tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo của quần chúng, mới phát hiện được mọi khả năng tiềm tàng của nền kinh tế, đáp ứng nhạy bén các nhu cầu muôn màu, muôn vẻ của nhân dân.

— Phấn đấu xây dựng sớm các quy hoạch và kế hoạch dài hạn. Có kế hoạch dài hạn mới tạo ra được lối suy nghĩ và làm ăn dài hạn, mới có cơ sở đề tổ chức sản xuất kinh doanh. Có kế hoạch dài hạn mới khắc phục được các mặt mất cân đối lớn, mới tiến hành hợp tác quốc tế có hiệu quả, mới xây dựng được quy hoạch đào tạo cán bộ, công nhân, vì kế hoạch hằng năm không thể gánh nổi các việc đó. Kế hoạch dài hạn đối với công nghiệp lại càng cần thiết vì có những công trình công nghiệp lớn từ chuẩn bị đến hoàn thành phải mất hàng chục năm. Lâu nay kế hoạch hằng năm không thực hiện tốt một phần là do thiếu kế hoạch dài hạn,

vì có nhiều việc không thể đề ra và hoàn thành trong một thời gian ngắn được. Cần khẳng định mặc dù nền kinh tế của ta còn nhiều mặt mất cân đối, công tác điều tra cơ bản chưa làm đầy đủ, nhưng ta vẫn có những cơ sở cần thiết để dự đoán và lập phương án kế hoạch dài hạn được. Kế hoạch dài hạn không yêu cầu phải cân đối chặt chẽ mà chỉ cần xác định cho được mục tiêu phải đạt, các bước phải đi và những việc chính phải làm để đạt được mục tiêu đó, rồi đến kế hoạch trung hạn và hằng năm mới cân đối cụ thể.

Ngay từ bây giờ, chúng ta cần tiên hành xây dựng quy hoạch kế hoạch phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu từ nay đến năm 2000, đồng thời xây dựng sớm kế hoạch 5 năm 1981 — 1985 và kế hoạch năm 1980.

3 — Cải tiến các chính sách và chế độ quản lý.

Chính sách và chế độ quản lý của ta hiện nay nói chung còn nhiều chỗ bất hợp lý gây trở ngại cho sản xuất. Vì vậy, cần phải soát xét lại để có sự thay đổi, cải tiến cần thiết. Tinh thần chung mà các chính sách phải quán triệt là khuyến khích mạnh việc phát triển sản xuất, mở rộng quyền chủ động của các ngành, các địa phương và cơ sở trong sản xuất—kinh doanh, làm thế nào cho sản xuất “bung ra” để có nhiều hàng hóa cho xã hội: cần kết hợp đúng đắn ba mặt: lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội, chú ý thích đáng lợi ích của người sản xuất, nhất là người sản xuất nguyên liệu.

Về nguyên liệu và vật tư. Đề tạo nên nguồn nguyên liệu nông sản cho công nghiệp, một mặt, cần nắm vững phương hướng phát triển nông nghiệp toàn diện của Đảng, nghĩa là phải tập trung vào sản xuất lương thực, nhưng không phải bắt mọi nơi phải tự túc lương thực một cách máy móc. Trái lại, đối với những vùng thích hợp và

đã quy hoạch trồng cây công nghiệp thì phải dứt khoát dành cho cây công nghiệp, bảo đảm cung cấp đủ lương thực và đầu tư đồng bộ để xây dựng cho được một số vùng cây công nghiệp tập trung chuyên canh, thâm canh có năng suất cây trồng cao và sản lượng hàng hóa lớn. Chẳng hạn đối với huyện Tân-phú (Đồng-nai) có khả năng và tập quán trồng đỗ tương thì nên cung cấp đủ lương thực để cho vùng này sản xuất đỗ tương cung cấp cho nhu cầu chung, không nên bắt buộc tự túc lương thực.

Mặt khác, cần nghiên cứu thực hiện chính sách ổn định mức thu mua nông sản từ 3 đến 5 năm, để cho các hợp tác xã nông nghiệp chủ động bố trí kế hoạch sản xuất và hằng năm sau khi bán đủ mức ổn định, nông dân có thể bán thêm phần còn lại cho Nhà nước theo giá thỏa thuận. Ngoài ra, cần nghiên cứu phân phối lại tích lũy giữa hai khâu nguyên liệu và chế biến cho hợp lý như tăng thêm nguyên liệu một cách thỏa đáng, chứ không phải làm nhỏ giọt như lâu nay, hoặc bán lại cho người làm ra nguyên liệu một tỷ lệ sản phẩm nhất định để khuyến khích sản xuất.

Chúng ta đang thiếu thịt, và nhân dân ta có tập quán ăn da, nhưng vì da không có giá trị dinh dưỡng, do đó về lâu dài không nên coi da là thực phẩm mà chỉ là nguyên liệu, từ đó mà chú ý bảo quản da trong quá trình chăn nuôi và có các chính sách thích hợp như không tính trọng lượng da vào tiêu chuẩn cung cấp thịt, định giá thu mua da cho hợp lý, hoặc thu thuế sát sinh bằng da nhằm tận thu da trâu bò và tiến tới thu mua được 70 — 80% da lợn đưa vào công nghiệp thuộc da.

Đối với lâm sản, hải sản, cũng cần có những cải tiến cần thiết trong chính sách nhằm khuyến khích các hợp tác xã và ngư dân, sơn tràng khai thác đều đặn cấp cho Nhà nước.

Đối với phế liệu phế phẩm, trừ một số đặc biệt do Nhà nước quy định, còn nói chung nên giao cho cơ sở và các địa phương toàn quyền quyết định trong việc sử dụng, nhường bán, thu mua với phương thức thuận tiện và giá cả thỏa thuận, không có một sự ràng buộc nào cả, miễn là tận thu, tận dụng được, không để ứ đọng, lãng phí.

Ngoài ra, cần cải tiến phương thức thu mua, cung cấp nguyên liệu vật tư theo hướng để cho cơ sở sản xuất trực tiếp liên hệ với nguồn cung ứng vật tư, kể cả vật tư nhập khẩu như nhà máy chế trực tiếp thu mua chế của nông trường và hợp tác xã, nhà máy dệt cùng với ngoại thương nhập bông của nước ngoài và tiến tới « thương mại hóa » vật tư... nhằm gắn sản xuất với thị trường, hạn chế tình trạng vật tư ứ đọng vì không hợp quy cách.

Về chính sách đầu tư và tín dụng.
Cần cải tiến chính sách đầu tư theo hướng kết hợp đúng đắn đầu tư chiều sâu với đầu tư chiều rộng và trong tình hình hiện nay, cần hết sức coi trọng đầu tư chiều sâu. Đầu tư chiều sâu trước hết là đầu tư để đồng bộ hóa và cân đối các dây chuyền sản xuất nhằm tận dụng công suất thiết bị máy móc hiện có; đầu tư để phát triển và tạo ra nguồn nguyên liệu cho công nghiệp; đầu tư vào khâu cơ khí sản xuất phụ tùng và sửa chữa, v.v. Ngoài ra, theo kinh nghiệm của nhiều nước, đầu tư chiều sâu có hiệu quả nhất là đầu tư vào khâu nghiên cứu và đào tạo, vì có đầu tư vào nghiên cứu mới rút ra được kết luận phải làm gì và làm thế nào cho đúng, cho tốt, tránh đi đường vòng; và có đào tạo mới bảo đảm có những người thực hiện đúng và tốt những kết quả nghiên cứu.

Về đầu tư chiều rộng, cần đặc biệt chú ý đầu tư cho các ngành giao thông vận tải, năng lượng, vật liệu xây dựng

và cơ khí, vì các ngành này hiện nay mới đáp ứng được 70 - 80% nhu cầu.

Cùng với việc cải tiến chính sách đầu tư, cần đổi mới phương thức đầu tư, bảo đảm cho các ngành, các cơ sở sản xuất thật sự làm chủ về đầu tư và chịu trách nhiệm vật chất về hiệu quả đầu tư. Chẳng hạn Nhà nước có thể giao cho các bộ công nghiệp quản lý vốn đầu tư toàn ngành trong một kế hoạch 5 năm để bộ chủ động nghiên cứu tính toán nên xây dựng công trình nào trước, công trình nào sau, và đầu tư cho trung ương hay địa phương là hợp lý. Thực hiện rộng rãi việc đầu tư qua tín dụng nhằm thúc đẩy việc xây dựng và đưa nhanh công trình vào sử dụng.

Ngoài ra, cần nghiên cứu bổ sung luật đầu tư nhằm thu hút mạnh vốn đầu tư của nước ngoài để khai thác và sử dụng hợp lý khả năng tài nguyên và lao động sẵn có của ta.

Về chính sách khuyến khích sản xuất. Cần khuyến khích cải tiến mặt hàng và làm nhiều mặt hàng mới. Khi giao kế hoạch sản xuất, cần giao cả chỉ tiêu cải tiến mặt hàng và làm thêm mặt hàng mới cho xí nghiệp và bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật tư, thiết bị, lao động để thực hiện. Đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật và trang bị các phương tiện kỹ thuật cần thiết cho việc nghiên cứu và chế thử mặt hàng mới. Xét duyệt kịp thời giá cả mặt hàng mới. Đối với mặt hàng cải tiến, nếu giá thành rẻ hơn mặt hàng cũ thì để cho xí nghiệp được hưởng thêm lãi một thời gian nhất định.

Cần có chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng sản phẩm. Đầu tư trang bị các phương tiện nghiên cứu, kiểm nghiệm chất lượng nguyên liệu và thành phẩm. Tiến hành đăng ký nhãn hiệu và có chế độ bảo hành sản phẩm đối với các mặt hàng cần thiết. Mở rộng chênh lệch giá giữa hàng tốt và hàng xấu để thúc đẩy cơ

sở làm nhiều hàng tốt, hàng không đủ tiêu chuẩn thì nhất thiết phải hạ giá. Khi xét hoàn thành kế hoạch phải coi trọng chỉ tiêu về chất lượng.

Có chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất phụ tùng, phục vụ sửa chữa, làm các mặt hàng khó, tốn công nhiều, như cải tiến cách tính giá trị tổng sản lượng hoặc thay đổi giá cố định để các cơ sở này khỏi bị thiệt vì quy mô nhỏ, giá trị ít.

Về chính sách giá cả, tiêu thụ và tài chính. Cần nghiên cứu điều chỉnh giá một số mặt hàng cần thiết nhằm phục vụ tốt sản xuất, đời sống, xuất khẩu và tích lũy. Tiến tới chấm dứt tình trạng bù lỗ và trợ giá không hợp lý. Cần sớm thống nhất giá hàng công nghiệp trong cả nước. Đối với một số mặt hàng khan hiếm không thuộc nhu cầu cơ bản, không thể thỏa mãn cho mọi người, nên bỏ việc bán theo giá cung cấp mà bán với giá cao để điều chỉnh cung cầu và tăng tích lũy cho ngân sách. Nên phân cấp rộng rãi cho các ngành sản xuất và các địa phương quyết định giá để bảo đảm sản xuất phát triển và hạn chế tình trạng hàng hóa ứ đọng. Giá hàng giữa các địa phương có thể khác nhau tùy theo điều kiện sản xuất của từng địa phương miễn là tiêu thụ được.

Việc tiêu thụ hàng hóa nói chung phải qua thương nghiệp, nhưng cần giảm khâu trung gian để cho hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng bằng con đường ngắn nhất. Ngoài ra, các cơ sở sản xuất được tiêu thụ với giá cả thỏa thuận những mặt hàng không do Nhà nước quản lý và cung ứng vật tư và những mặt hàng sản xuất từ phế liệu, phế phẩm, v.v. Việc tiêu thụ hàng hóa của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp cần tùy theo tính chất từng mặt hàng và mức độ cung cấp nguyên liệu của Nhà nước mà chia làm ba loại: loại tiêu thụ toàn bộ qua thương nghiệp; loại tiêu thụ một phần qua thương nghiệp và loại tự sản tự tiêu.

Thực hiện chính sách các xí nghiệp trung ương phải đóng góp một phần tích lũy vào ngân sách địa phương, nhất là các địa phương cung cấp nguyên liệu, và ngược lại các xí nghiệp địa phương cũng phải nộp một phần tích lũy vào ngân sách trung ương để gắn chặt trách nhiệm quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ. Cải tiến chế độ khấu hao nhằm thu hồi nhanh vốn đầu tư và định chế độ thu trên vốn sản xuất, nhất là vốn cố định nhằm bắt buộc xí nghiệp sử dụng tốt thiết bị máy móc, không để nằm chờ, ứ đọng.

Về chính sách xuất khẩu và nhập khẩu. Nhanh chóng xây dựng một số vùng nguyên liệu tập trung chuyên phục vụ cho xuất khẩu như cao su, cà phê, chè, thuốc lá, dừa, chuối, lạc, đồ tương, dứa, tơ tằm. Đồng thời, dành ngoại tệ để nhập bổ sung một số nguyên liệu cần thiết; ưu tiên dành nguyên liệu tốt, nguyên liệu hiếm cho sản xuất hàng xuất khẩu. Nguyên liệu dành cho sản xuất hàng xuất khẩu được tính doanh số và hưởng các quyền lợi như đối với hàng xuất khẩu.

Cần đầu tư thích đáng để trang bị kỹ thuật hoặc đổi mới kỹ thuật cho các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu. Trong trường hợp cần thiết nên xây dựng một số xưởng hoặc phân xưởng chuyên sản xuất hàng xuất khẩu. Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật mới, đào tạo công nhân lành nghề nhằm sản xuất được những mặt hàng đủ tiêu chuẩn xuất khẩu, và không để tình trạng vì thiếu bao bì mà hàng không xuất khẩu được hoặc giảm giá trị.

Có chính sách khuyến khích mạnh mẽ làm hàng xuất khẩu. Chính sách giá cả phải bảo đảm làm hàng xuất khẩu có lợi hơn làm hàng để tiêu thụ trong nước. Đối với những mặt hàng xuất khẩu, có thể thu được ngoại tệ mạnh thì cần điều chỉnh giá cả để đẩy mạnh sản xuất. Từng bước thực hiện chính sách lấy xuất bù nhập; địa

phương nào, ngành nào, cơ sở nào xuất được nhiều thì nhập nhiều, xuất ít thì nhập ít. Giải quyết đúng đắn quan hệ giữa nội tiêu và ngoại tiêu theo hướng ưu tiên dành hàng tốt, hàng quý cho xuất khẩu.

Phân công rõ ràng và kết hợp chặt chẽ giữa các ngành sản xuất hàng xuất khẩu với cơ quan ngoại thương. Dưới sự quản lý của cơ quan ngoại thương, một mặt, các ngành sản xuất được quan hệ với thị trường nước ngoài để nghiên cứu nhu cầu, tìm hiểu thị hiếu, học tập kinh nghiệm nhằm sản xuất được các mặt hàng phù hợp với yêu cầu; mặt khác, ngành ngoại thương được trực tiếp theo dõi, xem xét sản xuất, phát hiện và góp những ý kiến cần thiết nhằm bảo đảm thực hiện tốt hợp đồng.

Đi đôi với khuyến khích xuất khẩu, cần hết sức tiết kiệm trong nhập khẩu. Với khả năng ngoại tệ có hạn, nên soát lại cơ cấu nhập khẩu theo hướng ưu tiên cho việc nhập nguyên liệu, nhiên liệu và phụ tùng. Ngoài ra, cần phần đầu lập sớm kế hoạch sản xuất hằng năm và dài hạn để có cơ sở ký hợp đồng dài hạn với một số nước làm cho việc nhập khẩu nguyên liệu, máy móc ngày càng chủ động hơn.

Về chính sách đối với công nghiệp địa phương và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Để bảo đảm cho công nghiệp địa phương phát triển, một vấn đề rất quan trọng là phải phân cấp rõ ràng, hợp lý giữa trung ương và địa phương trên cơ sở bảo đảm quyền tự chủ về kinh tế của các địa phương. Nói chung, trung ương chỉ nên thống nhất quản lý đối với một số mặt hàng chính phục vụ cho nhu cầu cả nước và xuất khẩu. Còn nên giao cho địa phương chịu trách nhiệm chính về đời sống của nhân dân địa phương, được quyền tổ chức sản xuất và lưu thông thuận tiện những mặt hàng thông thường bằng nguyên liệu trong nước, trong địa phương, và cả

quyền định giá các mặt hàng sản xuất và tiêu dùng trong địa phương.

Cải tiến công tác kế hoạch hóa và chế độ gia công đặt hàng đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Nhà nước chỉ nên giao kế hoạch đối với một số mặt hàng chính có liên quan đến toàn bộ nền kinh tế, còn nói chung nên để cho các hợp tác xã trực tiếp quan hệ với thị trường để đặt kế hoạch sản xuất cho linh hoạt và phù hợp. Đối với những mặt hàng không cần gia công thì nên chuyển sang chế độ bán nguyên liệu, mua thành phẩm. Những mặt hàng còn cần gia công thì phải cải tiến chế độ gia công và điều chỉnh một số giá gia công còn quá thấp nhằm phát huy tinh thần chủ động sáng tạo của các hợp tác xã.

Điều chỉnh, bổ sung một số chính sách đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Cho vay tín dụng là chính, đồng thời Nhà nước cũng đầu tư qua ngân sách để xây dựng một số cơ sở sản xuất hoặc đổi mới kỹ thuật mà các hợp tác xã không đủ sức làm. Nhà nước có kế hoạch bán cho hợp tác xã một số thiết bị sản xuất và phương tiện vận tải cần thiết; cung cấp một số nhu yếu phẩm bảo đảm đời sống bình thường của thợ thủ công và gia đình họ, v.v.

Về chính sách tiền lương, tiền thưởng. Cần từng bước cải tiến và tiến tới cải cách cơ bản chế độ tiền lương theo hướng thực hiện triệt để nguyên tắc phân phối theo lao động.

Trước mắt, nghiên cứu điều chỉnh quan hệ tiền lương giữa các ngành nghề, các khu vực nhằm thu hút lao động vào các ngành nghề và các khu vực hoạt động và sinh hoạt có nhiều khó khăn như địa chất, khai thác lâm sản, xây dựng cơ bản, các khu mỏ, công nghiệp miền núi, v.v. Trong công nghiệp nhẹ, có những ngành nghề lao động vất vả và có nhiều phụ

nữ làm như ngành dệt, cần phải có mức lương thích đáng. Mở rộng diện trả lương theo sản phẩm, theo khối lượng gắn với định mức thời gian và chất lượng để thúc đẩy mọi người lao động vì lợi ích của mình gắn với lợi ích tập thể mà đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Thực hiện chế độ lương thâm niên để khuyến khích cán bộ công nhân trau dồi nghề nghiệp và gắn bó với xí nghiệp, v.v.

Đối với lao động gián tiếp, cần gắn việc quản lý quỹ tiền lương với quản lý biên chế. Có thể với biên chế và quỹ lương đã quy định, nếu đơn vị nào tăng biên chế thì phải giảm lương bình quân và ngược lại. Nghiên cứu cải cách chế độ tiền lương theo hướng gắn tiền lương với sản xuất và công việc. Chẳng hạn, trong cơ cấu tiền lương nên chia làm hai phần: phần lương cơ bản trả theo ngành nghề và nghiệp vụ công tác như công nhân bậc 2 thì lương bao nhiêu, kỹ sư bậc 1 thì lương bao nhiêu; phần lương biến động trả theo chức vụ và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất. Phần lương này có thể bằng 20 - 30% lương cơ bản. Như vậy một kỹ sư khi được đề bạt làm trưởng phòng hoặc vụ trưởng thì lĩnh thêm lương chức vụ bao nhiêu và khi không làm tròn nhiệm vụ hoặc không giữ chức vụ đó nữa thì chỉ được hưởng một phần hoặc không được hưởng phần lương đó. Đối với công nhân sản xuất, khi hoàn thành nhiệm vụ ở mức trung bình thì chỉ được hưởng lương cơ bản và khi hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất thì được hưởng thêm phần lương biến động mấy phần trăm tùy theo tỷ lệ vượt mức.

Cần quy định lại và thực hiện rộng rãi các chế độ tiền thưởng, như thưởng tiết kiệm nguyên liệu, thưởng chất lượng, thưởng tăng năng suất... để khuyến khích công nhân làm tốt các công việc này.

PHÁT HUY SỨC MẠNH TẠI CHỖ, XÂY DỰNG PHẠO ĐÀI HUYỆN

VŨ-ĐỨC-THÁI



UẦN và dân các tỉnh biên giới phía Bắc nước ta đã phát huy sức mạnh tổng hợp tại chỗ, đánh trả kịp thời, có hiệu lực, làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược vừa qua của bọn bành trướng Bắc-kinh. Nó chứng minh rằng xây dựng chủ nghĩa xã hội phải gắn liền với việc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đó là quy luật tồn tại và phát triển của đất nước ta. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng chỉ rõ: « Bảo đảm cho đất nước luôn luôn sẵn sàng và đủ sức đập tan bọn xâm lược... phải chú ý đẩy đủ hiện đại hóa lực lượng quốc phòng và khả năng phòng thủ đất nước... Nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng là nhiệm vụ của toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống

chuyên chinh vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng... ».

Từ thực tiễn của quá trình phát triển cách mạng, chúng ta càng nhận thức đầy đủ hơn về chủ trương tăng cường cấp huyện, lấy huyện làm địa bàn tổ chức lại sản xuất, tiến hành ba cuộc cách mạng ở nông thôn, kết hợp kinh tế và quốc phòng, từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế - nông - công nghiệp, xây dựng huyện thành pháo đài vững mạnh, phát huy sức mạnh chiến đấu tại chỗ để chiến thắng kẻ thù trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Huyện là một khâu quan trọng phát huy sức mạnh tổng hợp tại chỗ để triển khai việc tổ chức phòng thủ, kết hợp sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Đó là một nội dung quan trọng của việc xây dựng huyện vững mạnh toàn diện.

SỨC MẠNH TẠI CHỖ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRONG CUỘC CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Qua cuộc chiến đấu ở biên giới phía bắc vừa rồi, chúng ta nhận thức sâu sắc về âm mưu thâm độc của kẻ thù và có thêm kinh nghiệm tiến hành

cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới. Khác với cuộc chiến tranh giải phóng trước đây, trong cuộc chiến tranh

bảo vệ Tổ quốc, chúng ta phải giữ vững chắc đất, bảo vệ vững chắc vùng biên giới, hải đảo, vùng đất, vùng trời, vùng biển. Chỉ có thể mới bảo vệ được chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Vì vậy, nhiệm vụ chiến đấu là phải bám trụ, kiên cường tiêu diệt địch, đồng thời phải bảo vệ được dân, bảo vệ sản xuất.

Trong cuộc chiến tranh này, nhân dân ta với tư thế của người làm chủ toàn bộ đất nước, chiến đấu chống kẻ thù tiên quân từ ngoài biên giới nước ta đánh vào. Với truyền thống cả nước chung sức đánh giặc, nhân dân ta ở các địa phương đã có đầy đủ điều kiện phát huy quyền làm chủ tập thể, tăng cường sức mạnh tại chỗ, cùng với sức mạnh tiến công của các binh đoàn cơ động, tạo thành sức mạnh tổng hợp để chiến thắng quân địch.

Sức mạnh tại chỗ trên địa bàn huyện trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, được xây dựng trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tăng cường tiềm lực tại chỗ, triển khai việc phòng thủ, xây dựng hệ thống quân sự ở huyện, tạo thành sức mạnh tổng hợp tại chỗ để kịp thời đánh trả địch, giữ vững chủ quyền, góp phần bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Năm 1968, theo dõi cuộc diễn tập bảo vệ thành phố Nam-định, đồng chí Lê-Đuẩn đã nói: « Không có gì nhanh bằng người ở ngay tại chỗ đã được triển khai, làm chủ tại chỗ mà đánh ». Chỉ có sức mạnh tổng hợp tại chỗ trên địa bàn huyện mới có đầy đủ điều kiện để phát huy ưu thế của ba thứ quân, đủ sức mạnh và kịp thời đánh địch, mới có khả năng phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản và tiếp thu sự chỉ viên của toàn quốc.

Trong cuộc chiến tranh xâm lược vừa qua, bọn phản động Bắc-kinh đã huy động trên nửa triệu quân và lực lượng dân binh tiến công trên toàn

tuyến biên giới hơn một nghìn ki-lô-mét. Chúng đã vấp phải lực lượng vũ trang nhân dân tại chỗ của ta đánh trả mãnh liệt ngay từ đầu, làm cho các binh đoàn chủ lực của chúng bị thiệt hại nặng, bước tiến quân của chúng bị chặn lại. Lực lượng vũ trang tại chỗ của ta đã đánh trả kịp thời, làm thất bại chiến thuật chui luồn phía sau của các sư đoàn sơn cước và các đơn vị biệt kích, thám báo của địch, đánh thắng ngay từ trận đầu, chiến đấu liên tục, đánh phá việc vận chuyển tiếp tế sau lưng địch, góp phần quan trọng đánh tan quân địch ngay từ tuyến đầu của Tổ quốc. Huyện X ở Lạng-sơn đã nêu khẩu hiệu « dân quân bám địch, dân bám đất, cán bộ bám dân », đề phát động và hướng dẫn mọi hành động chiến đấu tại chỗ của quần chúng.

Sức mạnh tại chỗ trên địa bàn huyện trước hết là sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản mà Đảng là hạt nhân lãnh đạo, phát động phong trào toàn dân đánh giặc, phát động quần chúng kiên cường chiến đấu. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng đã phát triển mạnh mẽ ngay từ ngày đầu của cuộc chiến đấu. Bên cạnh những hành động anh dũng giết giặc trên chiến trường, còn biết bao những biểu hiện đẹp đẽ về tinh thần làm chủ tập thể tại chỗ, chung sức chung lòng, kiên quyết chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Ý thức làm chủ tập thể của nhân dân, ý chí bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước đã được thể hiện cụ thể trong chiến đấu ngay tại xí nghiệp, làng bản, khu phố.

Sức mạnh mới trên địa bàn huyện bắt nguồn từ thành quả của ba cuộc cách mạng, từ cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân, từ sự trưởng thành của các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản.

Phát huy thế mạnh tại chỗ trên địa bàn huyện là làm cho các huyện trên

mỗi miền đất nước đều phát huy được đầy đủ vai trò và khả năng của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do điều kiện địa lý tự nhiên của đất nước ta dài và hẹp, phần lớn các huyện đều nằm trên địa bàn trọng yếu, giữ vị trí then chốt đối với công cuộc bảo vệ Tổ quốc, là địa bàn tập kết luyện quân của các binh đoàn chiến lược. Hệ thống giao thông thủy bộ ngày càng phát triển đã liên kết các huyện với nhau, tạo những điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế, và thể liên hoàn trong việc tổ chức phòng thủ.

Các huyện đồng bằng, vùng trọng điểm lúa, đã đi vào phân công theo ngành nghề, từng bước hình thành cơ cấu nông — công nghiệp. Vùng đô thị, nơi có mật độ dân số đông, tập trung đông đảo giai cấp công nhân. Sự liên kết hai vùng nông thôn và thành thị đang tạo ra những điều kiện thuận lợi để phát triển tiềm lực kinh tế và quốc phòng, cung cấp nhân, tài, vật lực cho mọi miền đất nước.

Các huyện ven biển và hải đảo phát triển kinh tế theo phương hướng xây dựng thành các đơn vị kinh tế nông — ngư — công nghiệp, đẩy mạnh công cuộc khai thác nghề biển với hệ thống giao thông vận chuyển đang được mở rộng, các phương tiện đánh bắt, chế biến hải sản ngày càng được cải tiến. Đó là những điều kiện thuận lợi cho các huyện ven biển và hải đảo phát huy thế mạnh tại chỗ, làm chủ biển gần, đánh địch từ xa, biến mỗi hòn đảo thành một chiến hạm giữ vững vị trí tiền tiêu của Tổ quốc.

Các huyện trung du là những vùng

tiếp giáp giữa đồng bằng và rừng núi. Nơi đây, với hệ thống nông trường quốc doanh, vùng cây công nghiệp đang được phát triển, những xí nghiệp, thị trấn đang được xây dựng, là địa bàn cơ động bảo vệ vùng đồng bằng, đô thị và tăng cường sức mạnh cho các huyện miền núi.

Các huyện miền núi thường là nơi tiếp giáp với vùng biên giới ngày càng có vị trí xung yếu trong việc xây dựng kinh tế, củng cố quốc phòng. Đánh giá về thế mạnh của rừng núi trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Ăng-ghe-nơ đã viết: « Ngay cả những nhà quân sự cũng thường kể đến hàng tá tên gọi những con đường mòn ở miền núi và khe núi, nơi mà một nhóm người có thể dễ dàng chống lại một cách có kết quả hàng nghìn binh lính khác, tốt nhất... Thành ra lần nào cũng vậy, khi những đội quân ít cơ động này tiến quân vào những vùng khó đi lại thì chắc chắn họ bị kẹt trong đó, còn những người dân... được trang bị nhẹ có đầy đủ khả năng chuyển sang những hành động tiến công vận động khéo léo hơn, bao vây và cuối cùng chiến thắng đối phương của mình » (1).

Các huyện đều có những đặc điểm về địa lý, tài nguyên, mật độ phân bố dân cư và trình độ phát triển kinh tế khác nhau. Nhưng do quá trình đấu tranh cách mạng đã gắn liền lịch sử phát triển về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội giữa các miền với nhau trong cộng đồng của đất nước, và với thành quả cách mạng đã đạt được, ưu thế chiến đấu tại chỗ của huyện ngày càng tăng, sức mạnh tổng hợp trên địa bàn huyện ngày càng phát triển.

TRIỂN KHAI TỔ CHỨC PHÒNG THỦ, XÂY DỰNG PHẠO ĐÀI HUYỆN

Tổ chức phòng thủ trên địa bàn huyện là: triển khai công việc chiến đấu, chuẩn bị chiến trường theo phương án tác chiến đã được cấp tỉnh thông qua, xây dựng các cụm

chiến đấu và cơ sở hậu cần, bảo đảm nâng cao chất lượng chiến đấu

(1) Mác — Ăng-ghe-nơ: *Tồn tập*, tập 12, (tiếng Nga) trang 111 — 112.

của lực lượng vũ trang và trình độ sẵn sàng chiến đấu của toàn dân.

Trong dịp tổng kết đợt diễn tập tác chiến ở các huyện phía nam tỉnh Thanh-hóa, đồng chí Văn-Tiến-Dũng đã phát biểu: « Tác chiến tại chỗ bảo vệ từng khu vực là một trong những phương thức cơ bản để chuẩn bị và tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của toàn bộ lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang nhân dân, phát huy sức mạnh tinh thần vật chất một cách kịp thời, đầy đủ nhất... Hình thức tổ chức tác chiến tại chỗ bảo vệ từng khu vực là tổ chức chiến đấu cơ bản của các lực lượng địa phương trên một khu vực nhất định... Không có chuẩn bị ở từng khu vực cho thật vững, thật mạnh, thật sẵn sàng thì sẽ hạn chế hiệu lực tác chiến của các lực lượng cơ động tập trung ». Pháo đài huyện là một mô hình về sức mạnh chiến đấu tại chỗ, là một bộ phận trên một mặt trận, đảm nhiệm một khu vực chiến đấu của tỉnh, được sự phối hợp chiến đấu của bộ đội tỉnh và các binh đoàn chủ lực.

Vấn đề tổ chức phòng thủ, triển khai công tác xây dựng cụm chiến đấu ở huyện có những điểm khác với việc tổ chức phòng ngự của các đơn vị tập trung ở chỗ:

Huyện phải nghiên cứu, bố trí thế trận chiến đấu của toàn dân, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt, triển khai hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản cho phù hợp với chức năng của mỗi ngành, mỗi cấp.

Kết hợp chặt chẽ tiêu diệt sinh lực địch với bảo vệ sản xuất, bảo vệ tính mạng tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước, giữ gìn tiềm lực của địa phương, điều chỉnh phương án kinh tế cho phù hợp với thời chiến. Chiến đấu là yêu cầu cấp thiết, trọng yếu bậc nhất, nhưng nhiệm vụ sản xuất, bảo đảm mọi mặt đời sống

của nhân dân là nhiệm vụ cơ bản thường xuyên. Ngay trong tình huống chiến đấu quyết liệt, vấn đề bảo đảm sản xuất và chăm lo đời sống của nhân dân trong chiến tranh thường đặt ra những yêu cầu cấp thiết phải khẩn trương giải quyết.

Nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện là phát huy tác dụng và sử dụng hợp lý những cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có để tăng cường sức mạnh tổng hợp, tạo thành ưu thế tại chỗ để đánh địch với hiệu suất cao, là tổ chức lực lượng gọn với chất lượng tốt, hình thành các cụm chiến đấu mạnh, trận địa vững chắc, thế bố trí hiểm hóc; là lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, chỉ huy thống nhất, có hiệu lực.

Trong chỉ đạo tác chiến, phải phát huy sức mạnh của quần chúng, làm chủ tại chỗ, làm chủ chiến trường để tiêu diệt địch, biết tạo thành ưu thế lấy ít diệt nhiều, đánh địch trên thế mạnh, kết hợp chiến đấu tập trung và phân tán, chiến đấu độc lập và hợp đồng binh chủng, kết hợp lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động, kết hợp tiêu diệt địch với bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân ở mọi nơi, mọi lúc, táo bạo, bí mật, bất ngờ, tiến công mãnh liệt, bám trụ kiên cường, chiến đấu liên tục trong thế cụm điểm tựa liên hoàn, tạo thành thế bao vây, tiến công rộng khắp của toàn dân giành đi giết lại giữ vững từng tấc đất. Phát huy quyền chủ động kịp thời đánh kẻ địch từ xa đến gần bờ ngõ. Làm cho mỗi cụm chiến đấu là một cái bẫy giương sẵn, địch càng lao vào càng bị diệt.

Cụm chiến đấu là một hình thức vũ trang của toàndân chiến đấu tại chỗ, liên kết các đơn vị cơ sở hợp thành một cơ cấu thống nhất để triển khai việc tổ chức phòng thủ, làm chủ chiến trường. Nó là một thành phần của pháo đài huyện, kết hợp với cụm kinh tế, kỹ thuật, vùng dân cư để phát huy sức mạnh tổng hợp tại chỗ đánh địch.

thắng địch trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Sức mạnh đánh địch tại chỗ của ta là lực lượng toàn dân được tổ chức lại. Do đó các tổ chức chính quyền, các đoàn thể quần chúng, các ngành chuyên môn, các đơn vị kinh tế đều đặt dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng và ủy ban nhân dân, đều được giao nhiệm vụ đề phát huy khả năng tại chỗ, thực hiện chức năng của mình trong chiến đấu.

Mỗi tổ chức cần nắm vững yêu cầu tăng cường khả năng chiến đấu tại chỗ, kết hợp chặt chẽ các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, làm cho mọi lực lượng, mọi tổ chức phát huy sức mạnh của mình. Phải chuẩn bị những điều kiện cần thiết để bảo đảm chiến đấu liên tục. Cần làm cho mọi người nhận thức rõ việc phát huy tính độc lập trong chiến đấu của lực lượng tại chỗ là ưu thế của chiến tranh nhân dân.

Để thực hiện chủ trương vũ trang toàn dân, cần phải: nâng cao nhận thức về nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của toàn dân trong huyện; tổ chức giáo dục, phát huy những truyền thống tốt đẹp của nhân dân trong huyện, thống nhất phong trào thi đua quyết thắng trong sản xuất và chiến đấu, chấp hành nghiêm chỉnh Lệnh tổng động viên, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao và phổ cập kiến thức về quân sự trong toàn dân.

Việc tổ chức huy động lực lượng toàn dân để sẵn sàng đáp ứng được yêu cầu nhiều mặt trong thời chiến, phát huy được năng lực của từng người, từng lứa tuổi, từng ngành nghề, sử dụng được hợp lý nguồn nhân, tài, vật lực... phải được tiến hành từ thời bình, thông qua diễn tập động viên thứ, phối hợp chặt chẽ giữa công tác động viên lực lượng với việc động viên phương tiện vật chất kỹ thuật, nhất là sức kéo. Công tác xây

dựng lực lượng dự bị bảo đảm đủ số lượng và chất lượng cao phải dựa vào việc động viên tại chỗ một cách tương đối đồng bộ là chủ yếu.

Sức mạnh chiến đấu của dân quân, tự vệ đã có bước phát triển mới về chất. Nó gắn liền với sự phát triển của cơ sở vật chất kỹ thuật của các hợp tác xã, của các ngành công nghiệp, địa chất, giao thông vận tải, của các nông trường, lâm trường, với sự trang bị về vũ khí khí tài ngày càng hiện đại và phong phú. Sức mạnh của các đơn vị cơ sở trên địa bàn huyện còn được tăng cường do sự tiếp nhận những quân nhân được rèn luyện, thử thách trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cùng với lớp trẻ hiện nay hình thành ba thế hệ kế tiếp nhau, đã phát huy tác dụng mạnh mẽ trong chiến đấu.

Xây dựng lực lượng phải cân đối. Bộ đội địa phương huyện phải thật mạnh, nó là lực lượng cơ động, là quả dấm mạnh của địa phương. Dân quân tự vệ cần được tổ chức phù hợp với nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất, mỗi địa phương cần tổ chức những đơn vị tập trung và các đơn vị binh chủng như cao xạ, pháo binh, đặc công, công binh, hóa học, thông tin... Có như vậy mới bảo đảm tác chiến liên tục rộng khắp, làm cho quân địch ở nơi nào, khi nào cũng bị đánh. Trong hệ thống tổ chức lực lượng quân sự tại chỗ, cần chú ý đầy đủ tới bộ phận làm nhiệm vụ an ninh trong khu vực tác chiến, nhằm quét sạch và trấn áp bọn phản động, lưu manh tại chỗ, trừng trị bọn gián điệp phá hoại; phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng an ninh, lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng trong công tác này.

Sức mạnh chiến đấu của pháo đài huyện, hay của mỗi cụm chiến đấu được tạo nên trên cơ sở: tổ chức chỉ huy tốt; con người làm chủ tại chỗ — làm chủ binh khí, kỹ thuật; vũ khí trang bị mạnh, được bố trí thích hợp;

địa hình được cải tạo, hệ thống công trình chiến đấu được xây dựng tốt, phù hợp với cách đánh tại chỗ của toàn dân. Sức mạnh chiến đấu và sự vững chắc của pháo đài huyện trước hết phải được thể hiện trong việc xây dựng hệ thống công trình chiến đấu và hỏa lực. Hiệu lực đánh địch và bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân trong hai cuộc kháng chiến trước đây và cuộc chiến đấu trên tuyến biên giới phía bắc vừa qua cho thấy rõ tác dụng của hệ thống công trình chiến đấu và hỏa lực tại chỗ.

Lê-nin đã đánh giá vai trò của hệ thống hỏa lực như sau: « Trong thời đại sử dụng vũ khí bắn nhanh cỡ nòng nhỏ, trọng pháo cơ giới... thì chẳng có thể lực nào, chẳng có hình thức chiến đấu ở ại, tập trung đông người nào có thể đem lại ưu thế được... » (2) « Kỹ thuật quân sự hiện nay không giống như kỹ thuật quân sự vào giữa thế kỷ XIX nữa rồi. Lấy số đông người mà chọi lại đại bác thì thật là ngu xuẩn » (3).

Hệ thống công trình chiến đấu của pháo đài huyện là cấu trúc nhiều loại công sự trên địa bàn đã được quy hoạch. Hệ thống công trình đó bao gồm: hệ thống công sự, lũy chương ngại, khu phòng thủ kiên cố, khu căn cứ, mạng đường sá.

Hệ thống công sự thường có: hố cá nhân, hầm hầm ếch, hầm kéo, hầm chữ Y, các điểm hỏa lực tạo thành cụm điểm tựa của các đơn vị chiến đấu, liên kết với các loại công sự của làng xã, khu phố, xí nghiệp, tạo thành trận địa liên hoàn trong chiến đấu.

Trong khi xây dựng các công sự chiến đấu, cần lợi dụng địa hình và các công trình sẵn có để tổ chức các hỏa điểm bí mật, biết tận dụng nơi có đất tốt, xây dựng đường hầm kiên cố, tạo điều kiện cho từng phân đội nhỏ, chặn đánh địch đông, giành giật từng căn nhà, góc phố, bất ngờ tập kích vào sườn, vào phía sau lưng địch hay đánh

thẳng vào cơ quan đầu não, phá những binh khí kỹ thuật của địch. Trong cấu trúc công trình, cần chú ý việc bảo vệ nguồn nước, cất giấu lương thực, thuốc men, vũ khí đạn được dự trữ, bảo vệ thương binh.

Xây dựng lũy chương ngại là kết hợp địa hình thiên nhiên hiểm trở với hệ thống vật cản và các hỏa lực để ngăn chặn chia cắt, giam giữ và đánh địch. Tổ chức hệ thống vật cản, dựng lũy chương ngại phải phù hợp với phương án tác chiến, nhằm tạo thế bất ngờ, gây nhiều trở ngại khó khăn cho địch, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai chiến đấu của ta.

Khu phòng thủ kiên cố là hạt nhân của hệ thống trận địa, làm bàn đạp cho các lực lượng tiến công, là khu vực hiểm yếu, có nhiều loại công trình có kháng lực cao, có lũy chương ngại, hệ thống vận tải tốt, có mạng lưới hỏa lực được bố trí chặt, tạo nên thế liên hoàn hiểm hóc, tạo điều kiện cho ta dù binh lực ít cũng có thể giữ được trận địa, chiến đấu dài ngày với binh đoàn lớn của địch; địch khó đánh chiếm, khó phá vỡ. Các khu phòng thủ thường dựa vào các cao điểm, các trục đường giao thông, có thiết bị công sự kiên cố kết hợp với công trình dã chiến.

Khu căn cứ của huyện là địa bàn triển khai việc chỉ đạo, chỉ huy. Ở đó có các kho tàng, xí nghiệp, bệnh viện, khu vực tập kết các lực lượng cơ động. Khu này thường được xây dựng ở nơi có địa hình kín đáo, tiện cơ động.

Mạng đường sá bao gồm đường cho xe cơ giới, xe cải tiến, đường cho người đi (đường bộ, đường thủy, đường ngầm) bảo đảm thuận tiện, cơ động, kín đáo, an toàn, có các bến

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1965, tập 8, trang 52.

(3) *Trích Luận văn quân sự của Mác—Ăng-ghen—Lê-nin—Xta-lin*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà-nội, 1964, trang 26.

vượt, các bãi tập kết. Cần tận dụng hệ thống nương máng, ngòi, rạch, suối, khe.

Bố trí hệ thống hỏa lực là kết hợp nhiều loại binh khí kỹ thuật như hệ vũ khí bắn thẳng; cối, pháo; hệ công phá sát thương như thuốc nổ, bom mìn, thủy lôi...; hệ vũ khí tự tạo của nhân dân như giáo mác, hầm chông, cạm bẫy được bố trí thích hợp, sử dụng đúng tính năng, phù hợp với địa hình. Đó cũng là sự kết hợp các loại vũ khí trong cụm chiến đấu yểm trợ cho nhau nhằm giam chân địch, gây sát thương lớn, tiêu diệt gọn quân địch.

Theo kinh nghiệm chiến đấu của các huyện ở tuyến biên giới vừa qua, cấu trúc các hệ thống hỏa lực - công binh - căn cứ hậu cần được tổ chức theo một kế hoạch thống nhất, nhằm phát huy sức mạnh, tổng hợp của

chiến tranh nhân dân, tạo thành ưu thế tại chỗ đánh thắng địch. Đây là những địa bàn đứng chân vững chắc của ba thứ quân để ngăn chặn, chia cắt, cô lập, giam giữ quân địch. Đây là sự vận dụng những hiểu biết, tài năng quân sự và trí thông minh sáng tạo của toàn dân, không ngừng cải tiến và hoàn thiện những biện pháp kỹ thuật quân sự để bảo đảm yêu cầu chiến đấu.

Kinh nghiệm của các huyện Hòa-an, Trà-linh (Cao-bảng), Mường-khuong (Hoàng-liên-sơn)... trong cuộc chiến đấu chống quân Trung-quốc xâm lược vừa qua cũng như kinh nghiệm của các huyện Củ-chi « đất thép thành đồng », Hòa-vang « vành đai diệt Mỹ »; Vĩnh-linh, Do-cam « đánh bại phòng tuyến điện tử », trong cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ trước đây là những kinh nghiệm điển hình về phát huy sức chiến đấu tại chỗ.

KẾT HỢP SẢN XUẤT VÀ CHIẾN ĐẤU, TĂNG CƯỜNG TIỀM LỰC CỦA HUYỆN

Việc kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng trên địa bàn huyện là một bộ phận trong toàn bộ công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân. Nó gắn liền với quá trình tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động trên địa bàn huyện.

Kết hợp sản xuất với chiến đấu ở huyện trước hết là sự kết hợp trong quy hoạch, kế hoạch, trên mọi mặt công tác nhằm làm cho hai mặt sản xuất và chuẩn bị chiến đấu tác động, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển. Triển khai những công việc trước mắt để tạo thành quả lâu dài, đi từ những vấn đề cơ bản để giải quyết những vấn đề cụ thể nhằm chủ động đối phó với mọi sự phát triển của tình hình. Mọi công tác chuẩn bị chiến

đấu cần tiến hành một cách cụ thể, thiết thực, khẩn trương nhưng phải có kế hoạch chính xác, có bước đi vững chắc.

Việc xây dựng cơ sở hậu cần của chiến tranh nhân dân ở địa phương đòi hỏi thật sự tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật tại chỗ, biết tập trung nhân, tài, vật lực để đáp ứng yêu cầu chiến đấu của các loại hình chiến dịch, nhất là chiến đấu hợp đồng binh chủng của các binh đoàn lớn. Cơ quan quân sự địa phương là người xây dựng kế hoạch kết hợp hậu cần quân đội và hậu cần nhân dân, tạo thành một hệ thống cơ sở hậu cần tại chỗ rộng khắp, làm cho khả năng cung cấp tại huyện ngày càng tăng, giảm bớt công việc vận chuyển từ xa đến.

Những huyện ở các khu vực tác

chiến trọng yếu thường là những huyện có vị trí quan trọng về kinh tế đã được quy hoạch theo vùng sản xuất tập trung chuyên canh lớn, khu kinh tế mới, khu công nghiệp tập trung. Những vùng này dễ trở thành trọng điểm đánh phá của địch. Huyện cần có kế hoạch bảo vệ tiềm lực kinh tế, bảo vệ sản xuất, nhất là bảo vệ khu vực sản xuất công nghiệp trong địa bàn của mình.

Trên địa bàn từng huyện, cần tổ chức tốt lực lượng vận tải hàng hóa kết hợp phục vụ chiến trường, bảo đảm nhiệm vụ vận chuyển ở các trọng điểm giao thông, trọng điểm tác chiến... Cần tập trung lực lượng kết hợp phương tiện thô sơ và phương tiện hiện đại làm nhiều loại cầu đường, bến vượt khác nhau để phục vụ chiến đấu một cách cơ động và nhanh chóng.

Kết hợp sản xuất và chuẩn bị chiến đấu ở cơ sở, trước hết là sự kết hợp ngay trong mỗi người lao động, làm cho mỗi người vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu, làm chủ vũ khí chiến đấu cũng như làm chủ công cụ lao động. Công nghiệp địa phương cần tạo ra những cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho yêu cầu chiến đấu tại chỗ, bảo đảm sửa chữa được các loại vũ khí, phương tiện kỹ thuật hiện đại. Việc hình thành một hệ thống xí nghiệp, kho tàng, trạm sửa chữa trên địa bàn huyện tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang địa phương giải quyết những khó khăn về kỹ thuật trong chiến đấu.

Trong quá trình tổ chức lại sản xuất, việc phát triển giao thông nông thôn kết hợp với phát triển các công trình thủy lợi, cải tạo đồng ruộng không những phục vụ cho việc phát triển kinh tế mà còn tạo ra một mạng lưới đường sá thuận tiện cho việc cơ động lực lượng vũ trang, cho việc triển khai binh khí kỹ thuật, tiếp tế lương thực, thực phẩm tại chỗ cho

chiến đấu. Việc tận dụng phương tiện vận tải nông thôn để vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm, thuốc men, cấp cứu thương binh có thể bảo đảm được phần lớn yêu cầu của chiến đấu tại chỗ. Việc bố trí hợp lý các bệnh viện, bệnh xá, các đội điều trị cơ động, việc kết hợp giữa quân y và dân y sẽ bảo đảm cứu chữa, điều trị kịp thời cả quân và dân tại chỗ và hạn chế tình trạng ứ tắc ở các tuyến trực tiếp chiến đấu. Việc huấn luyện phổ cập về 5 loại kỹ thuật cấp cứu cho dân quân, tự vệ, học sinh; đưa nội dung y học quân sự vào chương trình bồi túc và đào tạo ở các trường dân y đã tạo nên những bước phát triển mới về công tác y tế ở huyện.

Trong quá trình triển khai việc tổ chức phòng thủ, như xây dựng cụm chiến đấu, hệ thống hỏa lực — công trình hậu cần tại chỗ, nhiều địa phương đã huy động những cán bộ có trình độ chuyên môn kỹ thuật tham gia, dẫn đến việc kết hợp và bổ sung cho nhau giữa kiến thức quân sự và kiến thức chuyên môn của các ngành, như kết hợp kỹ thuật quân sự với các ngành khoa học kỹ thuật, kết hợp công binh với xây dựng cơ bản, thông tin quân sự với bưu điện, quân y với dân y, quân khí với cơ khí dân dụng...

Huyện là cấp trực tiếp chỉ đạo cơ sở, tổ chức sản xuất và chiến đấu tại chỗ, là địa bàn phân công lại lao động, là đơn vị cân đối lao động trong các ngành và tổ chức, huy động sức người, sức của theo kế hoạch của Nhà nước, điều chỉnh một bộ phận lực lượng lao động đi xây dựng các vùng kinh tế mới. Như vậy quá trình tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động trên địa bàn huyện sẽ tạo ra những khả năng bảo đảm tuyển sinh, tuyển dụng lao động, tuyển quân hằng năm, phân bổ lại lao động trên các vùng kinh tế, kết hợp kinh

(Xem tiếp trang 82)

SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG VÀ ĐƯỜNG LỐI GIƯƠNG CAO NGỌN CỜ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

VĂN · TẠO

ĐƯỜNG lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, như Đại hội lần thứ IV của Đảng ta đã chỉ rõ “là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử cách mạng Việt-nam từ khi có Đảng» (1).

Nhân dịp chuẩn bị kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng, chúng ta cùng nhau tìm hiểu mối liên hệ giữa sự ra đời của Đảng và đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

1 — Ba yếu tố cấu thành của Đảng — nguồn gốc của đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Như chúng ta đã biết, Đảng ta ra đời không phải chỉ do sự kết hợp giữa hai yếu tố là chủ nghĩa Mác — Lê-nin và phong trào công nhân như các đảng cộng sản anh em ở các nước tư bản sớm phát triển, mà là từ ba yếu tố:

« Chủ nghĩa Mác — Lê-nin kết hợp với phong trào công nhân và phong

trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng cộng sản Đông-dương vào đầu năm 1930 » (2).

Nét đặc sắc là các yếu tố đó, trên con đường đi tới gặp gỡ nhau, kết hợp với nhau, đều đã trải qua một quá trình phát triển vẻ vang.

1 — Trước hết là **phong trào yêu nước Việt-nam**. Phong trào yêu nước Việt-nam thời kỳ thành lập Đảng, cũng như các thời kỳ trước đó là một truyền thống hết sức quý báu của dân tộc ta trong suốt lịch sử 4000 năm đấu tranh dựng nước và giữ nước.

Lòng yêu nước nồng nàn — như Hồ Chủ tịch đã nhấn mạnh — “là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 183.

(2) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 768.

hiềm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước » (3).

Chủ nghĩa yêu nước Việt-nam sở dĩ có sức mạnh to lớn như vậy là vì nó kết tinh từ hai truyền thống quý báu của ông cha ta là truyền thống đấu tranh dân tộc và truyền thống đấu tranh dân chủ.

Về truyền thống đấu tranh dân tộc, không phải ngẫu nhiên mà ngày nay nhiều người trên thế giới, trong khi ca ngợi «dáng đứng Việt-nam», lại luôn luôn nhấn mạnh đến tính trường tồn của dân tộc Việt-nam do lòng yêu nước nồng nàn, chí khí quật cường và tinh thần làm chủ vận mệnh dân tộc cao cả của toàn dân mang lại.

Mở đầu trang sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta là chiến công đã được thần thoại hóa, thì vị hóa của một thiếu nhi làng Gióng. Bước vào chính sử thì các nữ anh hùng Bà Trưng, Bà Triệu lại tiêu biểu cho tinh thần «Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh» của cả dân tộc. Lịch sử còn cho thấy, xa xưa ở bên kia biên giới phía bắc Việt-nam có nhiều tộc Việt được mệnh danh là Bạch Việt (tức trăm tộc Việt) như Mân Việt (Phúc-kiến) Đông Việt (Triết-giang), Nam Việt (Quảng-dông, Quảng tây), Điền Việt (Vân-nam)... tất cả đều đã bị thôn tính và đồng hóa, danh hiệu bị xóa nhòa trên bản đồ thế giới. Nhưng Lạc Việt ta, mà nay là Việt-nam, thì vẫn hiển ngang tồn tại.

Không những chỉ tồn tại, dân tộc Việt-nam còn liên tục phát triển. Từ non một triệu dân hồi đầu Công nguyên lên non 10 triệu hồi thế kỷ X, XI và Lhoảng 50 triệu hiện nay. Không những chỉ trường tồn và phát triển, dân tộc Việt-nam còn góp phần tích cực vào kho tàng văn hóa chung của nhân loại, và bằng việc đánh thắng nhiều giặc ngoại xâm có tầm vóc thế giới, đã cứu vãn nhiều nền

văn minh ở Đông Nam Á khỏi bị tàn phá.

Nhưng nếu chỉ nói đến tinh thần đấu tranh dân tộc thì sẽ không thể cắt nghĩa được rõ ràng bước đường phát triển từ yêu cầu tự do dân tộc lên yêu cầu tự do dân chủ vô sản ở đầu thế kỷ này. Bởi vì chủ nghĩa yêu nước Việt-nam không phải là một thứ phi giai cấp, mà trong lòng yêu nước của mỗi người Việt-nam đều có chứa đựng tinh chất giai cấp sâu sắc.

Chủ nghĩa yêu nước của nhân dân Việt-nam trong lịch sử luôn luôn gắn bó chặt chẽ với tinh thần đấu tranh cho dân chủ. Đối với phong kiến ngoại tộc, khi nhân dân ta, mà chủ yếu là nông dân; đấu tranh giải phóng dân tộc thì cũng đồng thời là đấu tranh cho dân chủ, giành quyền sống. Còn đối với phong kiến dân tộc thì ngay trong đấu tranh giải phóng dân tộc, nông dân cũng đã đòi được một số quyền lợi dân chủ nhất định. Giai cấp phong kiến trong nước, khi cần động viên nhân dân chống ngoại xâm đã không thể không giảm bớt áp bức, bóc lột, cải thiện ít nhiều đời sống cho nhân dân. Trần-Hung-Đạo, khi khuyên vua Trần-Anh-Tôn về kế sách giữ nước, đã nhấn mạnh: «Lúc thường thì khoan sức cho dân làm kế sâu rễ bền gốc». Ngày nay, đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư của Đảng ta cũng đã khẳng định: «Xưa nay, một phong trào dân tộc thật sự bao giờ cũng chứa đựng một nội dung dân chủ nhất định» bởi vì bất cứ giai cấp nào muốn đấu tranh để giành lại chủ quyền dân tộc hoặc muốn «tự mình trở thành dân tộc», thì không thể không đồng thời thực hiện những yêu cầu dân chủ nào đó đối với quần chúng nhân dân, lực lượng quyết định thành bại của phong trào dân tộc » (1).

(3) Hồ-Chí-Minh: *Sách đã dẫn*, trang 366.

(4) Lê-Duẩn: *Dưới lá cờ vô sản của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 15.

Còn đấu tranh dân chủ của nông dân Việt-nam chống chế độ phong kiến dân tộc thì vô cùng mãnh liệt, mãnh liệt không kém đấu tranh chống ngoại xâm, chỉ có điều là số lần bùng lên to lớn như cuộc khởi nghĩa Tây-sơn không nhiều mà thường là âm ỉ bốc cháy. Nếu kể tổng số các cuộc đấu tranh của nông dân từ khi phong kiến dân tộc giành được độc lập (tức từ thế kỷ thứ X) đến ngày thực dân Pháp nắm toàn quyền thống trị (năm 1885), đã có khoảng hơn 500 cuộc, trong đó xét về đặc điểm, tính chất và vai trò lãnh đạo thì có tới khoảng 300 cuộc có thể coi là khởi nghĩa nông dân. Những cuộc khởi nghĩa này mang tính chất giai cấp rõ rệt. Chiến thắng Đống-đa lịch sử chính là thắng lợi của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc quyền làm một với cuộc đấu tranh giành tự do dân chủ của nông dân trong xã hội phong kiến.

Nông dân Việt-nam đã từng làm lung lay, đi tới lật đổ bao triều đại phong kiến thời nát, và có thể nói, chính họ đã quyết định sự tồn tại cũng như sự sụp đổ của phong kiến đương triều. « Đầy thuyền, lật thuyền cũng là dân » — Nguyễn-Trãi đã nói như vậy về vai trò làm chủ xã hội của nông dân trong thời kỳ phong kiến.

Chế độ phong kiến càng suy tàn thời nát thì nhịp độ khởi nghĩa của nông dân càng cao. Nếu trong 175 năm thống trị của nhà Trần chỉ có 15 cuộc khởi nghĩa của nông dân, thì trong 186 năm thống trị của Lê-Trịnh đã có 82 cuộc, và trong 83 năm thống trị của nhà Nguyễn (1802 — 1885) có tới 203 cuộc (5).

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta (1858), những cuộc khởi nghĩa nông dân thời Nguyễn vừa đánh vào bọn thực dân xâm lược, vừa đánh vào bọn phong kiến nhà Nguyễn, tay sai của chúng. Và dưới ngọn cờ lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân Việt-nam, ngọn lửa yêu nước bao gồm

cả yếu tố đấu tranh dân tộc và yếu tố đấu tranh dân chủ tỏa sáng mãnh liệt đã trở thành một chân lý bất diệt : « Không có gì quý hơn độc lập, tự do ».

Từ đó, chúng ta thấy rõ rằng khi chủ nghĩa yêu nước Việt-nam gặp chủ nghĩa Mác — Lê-nin thì nhân tố quyết định việc tiếp thu chủ nghĩa Mác — Lê-nin không phải chỉ là tinh thần đấu tranh dân tộc mà còn là tinh thần đấu tranh dân chủ (tất nhiên chưa phải là dân chủ vô sản). Hai yếu tố này quện chặt lấy nhau, nhanh chóng chuyển từ yêu cầu tự do dân chủ lên yêu cầu tự do dân chủ vô sản.

Cần nhấn mạnh rằng, trong cách mạng vô sản Nga, Lê-nin cũng đánh giá cao di sản đấu tranh dân chủ của nhân dân Nga mà chủ yếu là nông dân. Người kiên quyết bác bỏ những lời vu cáo, bịa đặt của những kẻ phản bội cho rằng những người cách mạng vô sản Nga đã từ bỏ « di sản », đã đoạn tuyệt với truyền thống dân chủ đã quán triệt tất cả những trào lưu tiến bộ của tư tưởng xã hội Nga. Chính Người đã quan tâm phát huy những truyền thống dân chủ của dân tộc Nga để đẩy mạnh cách mạng vô sản.

Chủ nghĩa yêu nước Việt-nam còn bao hàm *tinh thần đoàn kết, yêu thương, thủy chung, tình nghĩa* của cuộc sống cộng đồng Việt-nam.

Những yếu tố tâm lý và đạo lý đó của chủ nghĩa yêu nước Việt-nam cũng là những cái rất gần với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản. Nếu chủ nghĩa Mác gắn liền *đấu tranh với tình thương* thì tình yêu thương, đoàn kết và tinh thần đấu tranh bất khuất cho độc lập, tự do của nhân dân Việt-nam cũng là những yếu tố khiến cho nhân dân ta khi tìm phương cứu nước, đã nhanh chóng tiếp thu được chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

(5) Tư liệu sưu tập của phòng tư liệu — thư viện Viện Sử học Việt-nam.

2 - Phong trào công nhân.

Giai cấp công nhân Việt-nam sinh ra vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chậm hơn sự ra đời của giai cấp công nhân ở các nước tư bản sớm phát triển. Do đó giai cấp công nhân nước ta có những đặc trưng dân tộc và đặc trưng thời đại khác giai cấp công nhân nhiều nước.

Nói đến đặc trưng dân tộc của giai cấp công nhân Việt-nam, trước hết phải kể đến tính liên tục lịch sử của phong trào dân tộc và phong trào nông dân cũng như mối liên hệ máu thịt giữa hai giai cấp công nhân và nông dân.

Ở các nước mà quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa sớm phát triển, đô thị công nghiệp và thương mại sớm hình thành, công nhân có thể xuất thân từ lớp thị dân phá sản. Ở Việt-nam, một nước phong kiến lạc hậu, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dân tộc chậm phát triển, chủ nghĩa thực dân Pháp lại kìm hãm sự phát triển đó, khiến cho sự phân hóa hai đầu trong nông thôn diễn ra khó khăn. Bần cùng nhưng bế tắc, người nông dân Việt-nam chỉ còn biết bán sức lao động cho tư bản thực dân Pháp mà sống. Do đó đa số công nhân xuất thân từ nông dân mà ra. Theo điều tra của Sở thanh tra lao động thuộc địa ở Đông-dương năm 1926 về tình hình phu mộ ở 15 tỉnh Bắc-kỳ, thì trong số phu mộ được là 27 505 người, nông dân các tỉnh chiếm 27 463 người, tức 99,84%. Ở hai thành phố Hà-nội và Hải-phòng, số người đi phu chỉ có 42 người (Hà-nội : 4, Hải-phòng : 38), như vậy chỉ chiếm có 0,16% số người đi phu.

Do phần đông công nhân xuất thân từ nông dân, cho nên giai cấp công nhân Việt-nam có mối liên hệ máu thịt, chặt chẽ về nhiều mặt với nông dân. Điều đó làm tăng thêm sức mạnh của công nhân trong đấu tranh cách mạng.

Về đặc trưng thời đại, giai cấp công nhân Việt-nam ra đời ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, là sản phẩm không phải của chủ nghĩa tư bản dân

tộc như ở những nước tư bản phát triển mà là của chủ nghĩa tư bản thực dân đế quốc. Người công nhân, một cổ ba trùng áp bức, bóc lột : đế quốc, phong kiến và tư bản. Bản thân họ vừa là người dân mất nước, là nô lệ cho đế quốc, vừa là người lao động làm thuê, nô lệ cho tư bản. Ở họ, hận thù dân tộc quện với hận thù giai cấp, đấu tranh dân tộc quện với đấu tranh giai cấp. Có những cuộc đấu tranh đầu tiên của giai cấp công nhân Việt-nam, mà người ta khó có thể phân biệt được đó là đấu tranh giai cấp hay đấu tranh dân tộc, bởi vì hai tính chất đó đã gắn chặt với nhau. Ví dụ : Ngày 18 tháng 2 năm 1886 công nhân làm đoạn đường đèo Hải-vân đã giết chết tên chỉ huy công trường này là Bét-xông, mà theo điều tra của thực dân Pháp thì cuộc đấu tranh này có chịu ảnh hưởng của phong trào kháng Pháp dưới danh nghĩa Hàm-Nghị. Ngày 3-4-1892, trên công trường đường sắt Lạng-son, công nhân đã cùng nghĩa quân tập kích đội quân của tên đội Mô-ri-xơ trên đoạn đường từ suối Ghềnh đi Bắc-lệ. Trong số hai chiến sĩ yêu nước hy sinh, có một công nhân công trường đường sắt. Cuối năm 1892 đầu năm 1893, nghĩa quân Lãnh Pha hoạt động ở vùng mỏ Quảng-yên phối hợp với công nhân định chiếm lại vùng mỏ Đông-triều. Những cuộc đấu tranh vừa là của công nhân, vừa là của nông dân này có thể được coi là sự khởi đầu đẹp đẽ cho cuộc liên minh thân thánh giữa công nhân và nông dân trong quá trình cách mạng.

Trên bước đường phát triển cách mạng, giai cấp công nhân kế thừa và nâng cao những tinh hoa truyền thống đấu tranh của phong trào nông dân. Tính liên tục lịch sử của phong trào công nhân và phong trào nông dân cũng như mối liên hệ máu thịt giữa hai giai cấp đó chính là tiền đề thuận lợi cho giai cấp công nhân thực hiện được chỉ thị của Mác : « giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy

chính quyền, phải tự xây dựng thành một giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc » (6). « Tự mình trở thành một giai cấp dân tộc » trước hết là phải trở thành giai cấp lãnh đạo phong trào nông dân. « Tự mình trở thành dân tộc », trước hết là phải phát huy được những tinh hoa truyền thống của dân tộc để nâng phong trào dân tộc lên ngang tầm thời đại — thời đại cách mạng vô sản, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Rõ ràng với sự kết hợp chặt chẽ giữa phong trào yêu nước với phong trào công nhân dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đường của giai cấp công nhân Việt-nam đã thật sự « trở thành dân tộc ». Căn nhắc mạnh rằng giai cấp công nhân tuy có mối liên hệ máu thịt với giai cấp nông dân, nhưng khi đã « trở thành giai cấp dân tộc » thì không phải là hạ mình xuống theo lập trường nông dân mà trái lại, kiên quyết đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân để dìu dắt và lãnh đạo giai cấp nông dân và nhân dân lao động đi theo đường lối lãnh đạo của mình.

Phong trào công nhân Việt-nam từ chỗ hòa mình vào phong trào dân tộc, làm nòng cốt cho phong trào dân tộc, đã từng bước củng cố tính độc lập của mình, và giai cấp công nhân trở thành người lãnh đạo của phong trào. Công nhân vừa tham gia vào các phong trào đấu tranh dân tộc, vừa tích cực phát triển những hình thức đấu tranh riêng của mình, nhất là những cuộc bãi công với yêu sách về kinh tế, chính trị đè nén những năm 20 của thế kỷ này, đi tới những bước đột biến quan trọng. Các tổ chức tiền bối của đảng vô sản ra đời, bắt đầu là Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội thành lập năm 1925. Số lượng các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân cũng phát triển nhảy vọt: năm 1927 mới có 350 cuộc; năm 1928 có 1 900 cuộc; năm 1929 có 6 000 cuộc; năm 1930

lên tới 31 680 cuộc. Trong khi đó các tổ chức tiền bối của Đảng cũng nhanh chóng tạo điều kiện chín muồi cho sự ra đời một đảng cách mạng của giai cấp công nhân.

3 — **Chủ nghĩa Mác — Lê-nin.** Chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tinh hoa của thời đại, sản phẩm của phong trào công nhân quốc tế đã đến với phong trào công nhân Việt-nam trong thời điểm mà chủ nghĩa tư bản đã phát triển tới giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Chủ nghĩa Mác đến giai đoạn này có nét phát triển mới về chất, làm nảy sinh ra chủ nghĩa Lê-nin — chủ nghĩa Mác trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, với khẩu hiệu « Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại! ». Chủ nghĩa Lê-nin đã vạch ra cho các dân tộc thuộc địa, nửa thuộc địa con đường đi tới thắng lợi: dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, các dân tộc thuộc địa, nửa thuộc địa có thể hoàn thành triệt để cách mạng tư sản dân chủ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa Lê-nin đã đáp ứng được khát vọng cứu nước *triệt để* của các dân tộc thuộc địa trong thời đại đế quốc chủ nghĩa.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã được đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc tức Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính mến, tiếp thu một cách *trong sáng* và *trực tiếp* và được truyền bá nhanh chóng vào Việt-nam.

Như chúng ta đã biết, những năm sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào cộng sản quốc tế đã trải qua một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng. Trước sự tiến công của giai cấp tư sản và sự phản bội của các lãnh tụ cơ hội chủ nghĩa thuộc Quốc tế thứ II, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã bị chia rẽ, phân hóa đến cực độ. Hồ Chủ tịch, từ chủ nghĩa

(6) Mác và Ăng-ghe-n: *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 75.

yếu nước đi tới chủ nghĩa xã hội đã tránh được những mây mù, nọc độc của bọn cơ hội chủ nghĩa quốc tế thuộc đủ mọi loại tung ra lúc bấy giờ. Đường cứu nước của Người là một thực tiễn phản ánh đúng chân lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Người đã chiến thắng bọn xét lại thuộc Quốc tế thứ II ngay trên lĩnh vực các vấn đề về dân tộc và thuộc địa. Người đã vạch mặt bọn Mác-đô-nan, Văng-đéc-ven-dơ, Hen-đéc-xen, Bơ-lum... là bọn đã đồng lõa với chính sách đế quốc ở thuộc địa và chống lại công cuộc giải phóng của nhân dân thuộc địa. Người đấu tranh bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và nhấn mạnh: « công nhân ở chính quốc phải quan tâm đến vấn đề thuộc địa » (7). Người tuyên truyền quan điểm của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa ngay trong phong trào vô sản Tây Âu và hoạt động tích cực cho sự hình thành một mặt trận thống nhất giữa quần chúng nhân dân chính quốc và thuộc địa. Hồ Chủ tịch đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt-nam và từng bước tích cực chuẩn bị cho việc thành lập chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân Việt-nam.

Những chiến sĩ cách mạng Việt-nam từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lê-nin, đã như đại hạn gặp mưa. Do công lao to lớn của Hồ Chủ tịch, họ cũng tiếp thu được một cách trực tiếp và trong sáng chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho nên chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã nhanh chóng kết hợp chặt chẽ với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Đó chính là *nguồn gốc nảy sinh ra đường lối kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ngay từ khi Đảng ta mới ra đời.*

II - Sự ra đời của Đảng và thắng lợi của đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Sự gặp gỡ giữa ba yếu tố: Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phong trào

công nhân, phong trào yêu nước Việt-nam đã đưa đến một sự bùng nổ cách mạng vĩ đại.

Tháng 3 năm 1929, những người tích cực trong Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Bắc-kỳ đã họp hội nghị thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt-nam.

Tháng 5 năm 1929, Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội họp Đại hội đại biểu toàn quốc. Đoàn đại biểu Bắc-kỳ tích cực đề nghị thành lập ngay Đảng cộng sản.

Tháng 6 năm 1929, Đồng-dương cộng sản đảng thành lập ở Bắc-kỳ.

Tháng 10 năm 1929, An-nam cộng sản đảng thành lập ở Nam-kỳ.

Đầu tháng 1 năm 1930, Đồng-dương cộng sản liên đoàn ra đời ở Trung-kỳ.

Giai cấp công nhân ở một nước mà có ba chính đảng, là một điều trái với nguyên lý về tổ chức chính đảng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Sự hợp nhất ba chính đảng tiên bối này thành Đảng cộng sản Việt-nam vừa là tuân thủ một cách nghiêm túc những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vừa là phát huy tinh hoa truyền thống về chủ nghĩa yêu nước, tinh đoàn kết, thống nhất của phong trào dân tộc và phong trào công nhân Việt-nam.

Với ba yếu tố: Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước, được kết hợp chặt chẽ với nhau một cách khoa học, ngày 3 tháng 2 năm 1930, đảng của giai cấp công nhân Việt-nam ra đời.

Là sản phẩm của sự cấu thành ba yếu tố ấy và nhờ thiên tài cách mạng của Hồ Chủ tịch, đảng của giai cấp công nhân Việt-nam ngay từ khi ra đời, đã có đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với yêu cầu phát triển của cách mạng Việt-nam và của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

(7) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 12.

Nét độc đáo trong đường lối lãnh đạo của Đảng ta là đã kết hợp ngay từ đầu ngọn cờ độc lập dân tộc với ngọn cờ xã hội chủ nghĩa.

Chính cương đầu tiên của Đảng đã nêu rõ: « làm *tư sản dân quyền cách mạng* và *thô địa cách mạng* để đi tới *xã hội cộng sản* ». Về chính trị, mục đích là.

a) « Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.

b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.

c) Dựng ra chính phủ *cộng nông binh*.

d) Tổ chức ra quân đội công nông » (8).

Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 của Đảng lại nêu cụ thể hơn là cách mạng Việt-nam « sẽ nhờ vô sản giai cấp chuyên chính các nước giúp sức cho mà phát triển bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa » (9).

Đồng chí Lê-Duẩn đã khẳng định: « Đảng ta đã chủ trương *gắn liền ngọn cờ độc lập dân tộc với ngọn cờ xã hội chủ nghĩa* ngay trong Cương lĩnh đầu tiên của mình. Đó là đường lối chiến lược của Đảng ta. Đó là cội nguồn của thắng lợi của cách mạng Việt-nam trong 30 năm qua » (10).

Đường lối đó, ngay từ những ngày đầu lãnh đạo cách mạng, đã tác động mạnh mẽ tới cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, đồng thời góp phần tích cực vào phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Sự hình thành đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã phủ định mọi đường lối sai lầm của một số nhà cách mạng trước năm 1930, giải quyết đến tận gốc sự khủng hoảng về đường lối cách mạng ở Việt-nam đã diễn ra triển miên suốt từ đầu thế kỷ. Từ đó phong trào cách mạng Việt-nam bước hẳn sang một giai đoạn mới.

Một chính đảng cách mạng *thống nhất* của giai cấp công nhân đã lãnh đạo cả một phong trào dân tộc *thống*

nhất từ Bắc chí Nam. *Đồng minh phản đế* Đồng-dương — một hình thức mặt trận dân tộc thống nhất, bước đầu được hình thành. *Công hội, nông hội, tư vệ đỏ* được tổ chức nhằm thực hiện nhiệm vụ đấu tranh cho độc lập dân tộc dưới ngọn cờ vô sản. Hình thức *bãi công chính trị* có tính chất quần chúng rộng rãi vốn là hình thức đấu tranh của phong trào vô sản đã kết hợp chặt chẽ với hình thức đấu tranh *vũ trang nhân dân*, vốn là truyền thống của dân tộc, thành một sức mạnh mới có khả năng áp đảo kẻ thù. Chính quyền cách mạng đầu tiên được thành lập ở một số xã, thôn đã mang hình thức *xôviết công nông*... Cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc đã tìm thấy khả năng thắng lợi ở đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng, ở sự kết hợp chặt chẽ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Việc xác định đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng ta đã góp phần tích cực vào việc chiến thắng trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong Quốc tế thứ II.

Cách mạng Việt-nam đã bác bỏ thuyết « phi thực dân hóa » của bọn phản bội, tay sai đế quốc, và đã kiên quyết đấu tranh để giải phóng dân tộc khỏi ách đế quốc. Nhiệm vụ « đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và phong kiến » đã được Chính cương của Đảng nêu lên hàng đầu.

Cách mạng Việt-nam cũng không chờ khi nào chủ nghĩa tư bản « chín muồi » trên toàn thế giới mới xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam. Luận cương chính trị tháng 10-1930 của Đảng đã nêu rõ con đường lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn

(8) Văn kiện Đảng (từ 27-10-1929 đến 7-4-1935), Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1964, trang 13.

(9) Văn kiện đã dẫn, trang 49.

(10) Lược ghi bài nói của đồng chí Lê-Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đảng tại hội nghị cán bộ học tập nghị quyết của Bộ chính trị (tại thành phố Hồ-Chí-Minh, ngày 28-7-1976).

phát triển tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam không thể là « quả chín rụng xuống từ chủ nghĩa tư bản » như bọn cơ hội chủ nghĩa quan niệm.

Về *giai cấp lãnh đạo cách mạng* thì lúc đó, bọn cơ hội hữu khuynh men-sê-vích cứ khẳng khẳng cho rằng cách mạng tư sản dân chủ nhất thiết phải do *giai cấp tư sản lãnh đạo*. Công nhân chỉ là quân đồng minh của tư sản mà thôi. Như vậy thực tế là bọn chúng đã rơi vào lập trường chủ nghĩa đế quốc. Trong thời đại ngày nay, bất cứ *giai cấp tư sản dân tộc* nào cũng không thể lãnh đạo được một cuộc cách mạng tư sản dân chủ *triệt để*. Trong khi *giai cấp vô sản* đã có đầy đủ năng lực, điều kiện lãnh đạo cách mạng, mà nhường quyền lãnh đạo cho *giai cấp tư sản* tức là nhường trận địa cách mạng cho kẻ thù, để sau khi giành thắng lợi chúng quay lại áp bức bóc lột mình. Cách mạng Việt-nam đã không đi theo con đường như thế.

Bọn *tơ-rốt-kít* «*tả khuynh*» đầu lưỡi lúc đó cho rằng chỉ có công nhân mới làm được cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chúng phủ nhận vai trò của nông dân, chủ trương lập chính phủ công nhân chứ không lập chính quyền công nông. Chúng chủ trương đánh cả vào phong kiến và tư hữu tài sản, coi nông dân là đối tượng của cách mạng. Vì coi nông dân là đối tượng của cách mạng vô sản và vì nông dân chiếm đa số trong dân cư cho nên bọn *tơ-rốt-kít* chủ trương: cách mạng vô sản không thể thắng lợi ở một nước riêng lẻ mà phải được giải quyết trên bình diện quốc tế. Những khẩu hiệu «*Liên Âu*», «*Liên Á*» của chúng ra đời từ đó.

Đường lối của Đảng ta, trái lại, coi nông dân là một trong những động lực chính của cách mạng, công nhân và nông dân đều là đội quân chủ lực của cách mạng; liên minh công nông là nền tảng của Nhà nước cách mạng dưới sự lãnh đạo của *giai cấp công*

nhân, là nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản như Lê-nin đã nói.

Đường lối của Đảng ta chủ trương hoàn thành triệt để cách mạng dân tộc dân chủ, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua *giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa*, thực tế đã chống lại và chiến thắng hoàn toàn đường lối sai lầm của bọn cơ hội chủ nghĩa đủ các màu sắc và đưa cách mạng Việt-nam không ngừng tiến lên giành thắng lợi.

Thực tiễn cách mạng Việt-nam trong ngót nửa thế kỷ nay chứng minh rằng sự thành lập Đảng ta từ ba yếu tố nói trên không có nghĩa là Đảng hạ thấp phong trào vô sản xuống trình độ dân tộc chủ nghĩa, mà trái lại, nâng chủ nghĩa yêu nước của dân tộc ta lên trình độ thời đại — trình độ yêu nước xã hội chủ nghĩa.

Đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không những đã phủ định mọi khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế ngay từ khi nó ra đời mà mỗi thắng lợi của nó lại bồi thêm những đòn nặng nề vào các bọn cơ hội chủ nghĩa.

Ngày nay, chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế, để hòng cứu vãn sự thất bại và nguy cơ sụp đổ của chúng, đã và đang tung ra những luận điệu phản động, những nọc độc mới như thuyết về «*ba thế giới*», «*bốn thế giới*», về «*mặt trận thế giới chống bá quyền*»... hòng làm chệch hướng và phá hoại cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân các nước.

Một mặt chúng ta vạch trần những âm mưu, thủ đoạn thâm độc của chúng, mặt khác chúng ta tiếp tục vững bước tiến theo đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta, giương cao hơn nữa ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, quyết đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta tiến lên giành những thắng lợi mới to lớn hơn nữa.

Điều hâu đội lòng công



TRONG thời gian gần đây, những người cầm quyền ở Bắc-kinh không ngừng kêu gọi nhân dân Trung-quốc « kiên trì 4 nguyên tắc về mặt tư tưởng và chính trị ». Bốn nguyên tắc mà họ nêu lên đó là: 1. Con đường xã hội chủ nghĩa; 2. Chuyên chính vô sản; 3. Đảng cộng sản lãnh đạo; 4. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Vì sao những người cầm quyền Bắc-kinh lại phải làm rùm beng về 4 nguyên tắc trên đây? Tạp chí « Hồng kỳ », cơ quan lý luận của Đảng cộng sản Trung-quốc, số 5 - 1979, đã nêu rõ lý do họ phải phát động chiến dịch tuyên truyền đó: Một mặt, trong Đảng cộng sản Trung-quốc có những người cho rằng việc thực hiện hàng loạt phương châm chính sách của Trung ương là « không phù hợp với chủ nghĩa Mác - Lê-nin ». Mặt khác, trong xã hội Trung-quốc có những người « hoài nghi 4 nguyên tắc cơ bản » này. Tờ « Nhân dân nhật báo » số ra ngày 17-6-1979 cũng thừa nhận rằng trong Đảng cộng sản Trung-quốc có những người, kể cả những cán bộ lãnh đạo « đã đánh giá những quyết định của Ban chấp hành trung ương là xét lại và hữu khuynh ».

Rõ ràng ban lãnh đạo Trung-quốc số dĩ phải thề thốt trung thành với

4 nguyên tắc trên đây chính là vì trong Đảng cộng sản Trung-quốc, trong nhân dân Trung-quốc có những người đã thấy rằng ban lãnh đạo Bắc-kinh phản bội những nguyên tắc cơ bản đó.

Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam do họ phát động đã bóc trần bộ mặt cách mạng giả hiệu của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc trước nhân dân Trung-quốc và những người cộng sản chân chính ở Trung-quốc. Trong khi ban lãnh đạo Bắc-kinh tuyên bố rằng họ đi theo con đường xã hội chủ nghĩa thì họ lại phát động cuộc tiến công ăn cướp chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, một nước mà nhân dân đã có một quá trình đấu tranh lâu dài rất anh dũng chống chủ nghĩa đế quốc để giành độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Họ nói họ đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, sao họ lại câu kết với đế quốc Mỹ để đánh phá Việt-nam, tại sao trước khi xâm lược Việt-nam họ lại phải đem kế hoạch tiến công Việt-nam qua Oa-xinh-tơn báo cáo với đế quốc Mỹ để đế quốc Mỹ chuẩn y và bàn kế hoạch phối hợp với họ?

Đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, sao họ lại dùng bọng tay sai Pôn Pốt - lêng Xa-ry để thực hiện

chính sách diệt chủng ở Cam-pu-chia, tiêu diệt ba triệu người ở Cam-pu-chia, dùng bọn Pôn Pốt – Iêng Xa-ry để tiến công xâm lược Việt-nam, tàn sát nhân dân Việt-nam?

Đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, sao họ lại hoạt động lật đổ ở Lào, dùng bọn phỉ Vàng Pao do C.I.A. Mỹ lập ra và các bọn phản động khác ở Lào để chống lại chính quyền dân chủ nhân dân Lào?

Đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, sao họ lại thực hiện chính sách thù địch chống Liên-xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, xứ sở của Lê-nin vĩ đại? Sao họ lại phá hoại nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô, mở chiến dịch tuyên truyền điên cuồng chống Cu-ba, cắt đứt quan hệ kinh tế và khoa học kỹ thuật với An-ba-ni, có thái độ thù địch với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa chân chính khác?

Đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, sao họ lại chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân các nước Ăng-gô-la, Mô-dam-bích, Ê-ti-ô-pi, Nam Y-ê-men, Ăp-ga-ni-stan? Sao họ lại giúp bọn đao phủ Pi-nô-chê chống nhân dân Chi-lê, giúp bọn Mô-bu-tu chống nhân dân Da-i-a, giúp bọn Nu-mê-ri chống nhân dân Xu-đăng?

Đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, sao họ lại chống phá phong trào công nhân và dân chủ ở các nước tư bản chủ nghĩa, chia rẽ và phá hoại các đảng cộng sản và công nhân ở các nước trên thế giới?

Đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, sao họ lại câu kết với chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác để chống phá ba dòng thác cách mạng trên thế giới? Sao họ tự cho họ là « NATO phương Đông » và mong muốn được làm hội viên của khối quân sự xâm lược Bắc Đại-tây-dương? Sao họ lại tìm mọi cách phá hoại hòa bình và kích động chiến tranh thế giới?

Đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, sao họ lại không ngừng thực hiện chính sách bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn?

Dưới sự kiểm soát của ban lãnh đạo Bắc-kinh hiện nay, nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa trên thực tế đã trở thành một khâu trong hệ thống thế giới của chủ nghĩa tư bản.

Trên thực tế, đã từ lâu Trung-quốc từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa.

Cách đây gần 30 năm, ngày 1-10-1919, nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa thành lập đánh dấu thắng lợi của cuộc *cách mạng dân chủ* ở Trung-quốc. Từ đó cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Trung-quốc bắt đầu. Cũng bắt đầu từ đó diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa một bên là con đường xã hội chủ nghĩa và một bên khác là con đường tư bản chủ nghĩa trên lục địa Trung-quốc. Trong mười năm đầu, con đường xã hội chủ nghĩa giành được ưu thế. Nhờ đó, những cải tạo xã hội chủ nghĩa đã được tiến hành trong công nghiệp và nông nghiệp; những cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội bước đầu được xây dựng; đời sống của công nhân và nông dân lao động bước đầu được cải thiện. Nhưng sau đó, con đường tư bản chủ nghĩa đã tổ chức cuộc phản kích và giành được ưu thế. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Trung-quốc (tức giai đoạn thứ hai của cách mạng Trung-quốc) đã thất bại. Cuộc « đại nhảy vọt » bất chấp quy luật kinh tế khách quan nhằm xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc đã làm cho nền kinh tế Trung-quốc sụp đổ và giáng một đòn rất mạnh vào đời sống của nhân dân Trung-quốc. Cuộc « Đại cách mạng văn hóa vô sản » là một cuộc đảo chính phản cách mạng, xóa bỏ Nhà nước cách mạng được lập ra ngày 1-10-1919, giải tán Đảng cộng sản và các đoàn thể quần chúng do Đảng lập ra. « Bốn hiện đại hóa » với sự giúp đỡ của

Mỹ, Nhật, Tây Đức và các đế quốc khác, nhằm xây dựng cơ sở quân sự, kinh tế, khoa học, kỹ thuật vững chắc hơn để thực hiện các kế hoạch bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn.

Bộ máy Nhà nước trên lục địa Trung-quốc hiện nay là bộ máy Nhà nước quan liêu quân phiệt của bọn theo chủ nghĩa dân tộc phản động. Suốt hai chục năm qua, bộ máy Nhà nước đó đã thực hiện đường lối và chính sách cực kỳ phản động về đối nội và đối ngoại. Ở trong nước, nó thẳng tay áp bức và bóc lột nhân dân. Về chính trị thì độc tài phát xít. Nhân dân không được hưởng chút tự do dân chủ nào. Hàng chục triệu người đã bị giết. Hàng chục triệu người khác quần quai trong các nhà tù. Các dân tộc thiểu số bị « đồng hóa », có dân tộc đang trên đường tiêu diệt như dân tộc Uy-gua ở Tân-cương. Về kinh tế thì ưu tiên phát triển các ngành sản xuất quân sự để chuẩn bị chiến tranh xâm lược. Đời sống nhân dân vì thế mà mỗi ngày một điều đứng. Về văn hóa thì thi hành chính sách ngu dân, đóng cửa các trường học, xóa bỏ di sản văn hóa dân tộc và nhân loại. Đối với nước ngoài, Nhà nước quan liêu quân phiệt đó câu kết với bọn đế quốc và liên tiếp phát động chiến tranh xâm lược chống các nước láng giềng: hết đánh Ấn-độ lại đánh Liên-xô rồi đánh Việt-nam. Nó đã chiếm đoạt hàng trăm nghìn ki-lô-mét vuông đất đai của Miên-điện, hàng chục nghìn ki-lô-mét vuông đất đai của Ấn-độ. Nó đã chiếm đoạt đảo Hoàng-sa của Việt-nam. Một Nhà nước như thế mà là Nhà nước chuyên chính vô sản ư? Không! Đó là Nhà nước độc tài phát xít của bọn theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn. Chính tạp chí « Hồng kỳ » số 5-1979 cũng đã thừa nhận rằng cái gọi là chuyên chính vô sản ở Trung-quốc là « cội nguồn của

muôn vạn tội ác ».

Ban lãnh đạo Bắc-kinh thường đem cái gọi là « sở hữu toàn dân » và « sở hữu tập thể » của Trung-quốc để chứng minh rằng Nhà nước của họ là Nhà nước chuyên chính vô sản và nước của họ là nước xã hội chủ nghĩa. Nhưng luận điệu gian dối đó không lừa bịp được ai. Sở hữu toàn dân là khu vực kinh tế của Nhà nước. Đã là kinh tế Nhà nước thì gắn chặt với bản chất của Nhà nước. Nhà nước ở lục địa Trung-quốc hiện nay là Nhà nước phản động của bọn theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn. Cái gọi là sở hữu toàn dân ở Trung-quốc hiện nay là khu vực kinh tế quốc doanh của Nhà nước phản động đó. Nó không có một chút gì là chủ nghĩa xã hội. Cái gọi là « sở hữu tập thể » — tức công xã nhân dân — ở Trung-quốc hiện nay cũng chỉ là tổ chức lao động cưỡng bức theo lối quân sự hóa đặt dưới sự kiểm soát của Nhà nước quan liêu quân phiệt. Tất cả sản phẩm thặng dư trong khu vực này đều bị tập trung vào trọng tay Nhà nước phản động để tăng cường lực lượng quân sự chuẩn bị chiến tranh xâm lược. Vì vậy, đó cũng không phải là khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải phát triển theo quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, đó là quy luật thỏa mãn ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và văn hóa không ngừng tăng lên của tất cả các thành viên trong xã hội. Lê-nin đã vạch rõ mục đích của chủ nghĩa xã hội là « tổ chức quá trình sản xuất xã hội có kế hoạch để bảo đảm phúc lợi và sự phát triển toàn diện của tất cả các thành viên trong xã hội » (1).

Nền kinh tế Trung-quốc chỉ nhằm phục vụ mục tiêu bành trướng và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, tập 24, trang 430.

động trong giới cầm quyền Trung-quốc. Nó không nhằm mục đích nâng cao không ngừng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động Trung-quốc. Vì thế, đó không phải là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa nền kinh tế Trung-quốc hiện nay gắn chặt với nền kinh tế của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới và là một bộ phận của hệ thống đó.

Mặc dù Đảng cộng sản Trung-quốc đã bị họ giải tán từ lâu, nhưng đề lừa bịp quần chúng, những người lãnh đạo ở Bắc-kinh luôn luôn vô ngực tự xưng là Đảng cộng sản. Tự xưng là Đảng cộng sản, nhưng cái gọi là «đảng» đó hoàn toàn không tuân theo những nguyên tắc xây dựng Đảng mà Mác và Lê-nin đã đề ra. Những nguyên tắc tư tưởng và nguyên tắc tổ chức của Đảng cộng sản đều bị xóa bỏ. Trong «Đảng» không hề có sinh hoạt dân chủ. Các đại biểu đi dự Đại hội Đảng đều do chỉ định. Đảng ủy các cấp cũng được thành lập theo lối chỉ định. Với quan điểm phản mác xít «tư nông súng súng ra Đảng», các tập đoàn khác nhau trong Đảng cộng sản Trung-quốc dùng bạo lực quân sự để tranh giành quyền lực và thanh toán lẫn nhau. Tập đoàn nào ngoi lên nắm được quyền lực thì tự xưng là «Đảng» và gọi tập đoàn bị lật đổ là «giai cấp tư sản ở trong Đảng». Trên thực tế, tất cả các tập đoàn thay nhau cầm quyền ở Bắc-kinh từ «Đại cách mạng văn hóa vô sản» đến nay đều là «giai cấp tư sản ở trong Đảng cộng sản» và không có tập đoàn nào trong số đó là Đảng cộng sản chân chính cả.

Những người lãnh đạo ở Bắc-kinh luôn mồm thề thốt rằng họ trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhưng hành động cụ thể của họ đã chứng tỏ rằng họ đã phản bội chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Sự thật đã chứng tỏ rằng họ là tập đoàn phản bội lớn nhất trong lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Họ không đứng trên lập trường của giai cấp công nhân mà

đứng trên lập trường chủ nghĩa dân tộc của giai cấp tư sản phản động. Họ phủ nhận sự mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản. Họ phủ nhận quy luật phát triển của xã hội loài người hiện nay là quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Họ cùng với chủ nghĩa đế quốc chống lại chủ nghĩa xã hội đề cửu văn chủ nghĩa tư bản thế giới. Họ thực hiện chủ nghĩa sô vanh nước lớn chống lại chủ nghĩa quốc tế vô sản. Họ theo đuổi giấc mộng bá chủ thế giới: họ mưu toan đem mô hình «chủ nghĩa xã hội kiểu Bắc-kinh» mà họ đã thực hiện ở nước «Cam-pu-chia dân chủ» dưới thời Pôn Pốt để áp đặt lên toàn thế giới. Thực tế đã chứng tỏ rằng họ là kẻ thù không đội trời chung của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Cái gọi là chủ nghĩa xã hội kiểu Bắc-kinh không hề có hại gì đối với chủ nghĩa tư bản cả. Chính bọn đế quốc phương Tây đã nói lên điều đó. Trong cuốn sách «Giữa hai thế kỷ» Bô-rê-din-xky, cố vấn an ninh của tổng thống Mỹ Ca-tô viết rằng: «mô hình chủ nghĩa cộng sản Trung-quốc» được xây dựng trên «sự đồng nhất có ý thức bản thân nó với những khát vọng dân tộc chủ nghĩa mù quáng nhất», rằng không nên xem cái «mô hình» không đe dọa gì nền tảng của chủ nghĩa tư bản này như «một kiểu mẫu của chủ nghĩa cộng sản giải quyết những vấn đề của thời đại ngày nay». Sự đánh giá này đặt nền tảng cho sự câu kết của đế quốc Mỹ với Trung-quốc.

Những người lãnh đạo ở Bắc-kinh tuyên bố rùm beng rằng họ kiên trì 4 nguyên tắc cơ bản, tức con đường xã hội chủ nghĩa, chuyên chính vô sản, Đảng cộng sản, chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nhưng trên thực tế họ đã phản bội 4 nguyên tắc đó. Sự thật chứng tỏ rằng họ đang đi theo con đường tư bản chủ nghĩa: họ đang

(Xem tiếp trang 82)

BẮC-KINH, HÔM QUA LÀ LỰC LƯỢNG HẬU BỊ, HÔM NAY LÀ ĐỒNG MINH CỦA CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC *

CUỘC tiến công phản
trác của Trung-
quốc vào Việt-nam là
một bằng chứng mới,
càng rõ ràng hơn,
chứng tỏ những kẻ thừa
kế Mao hết sức trơ tráo,
vô trách nhiệm đến
mức nào đối với vận
mệnh của thế giới,
chứng tỏ chúng chà đạp
lên luật pháp quốc tế
một cách ngang nhiên
đẩy tội ác như thế nào,
khi chúng tiến hành
cuộc bóc vũ trang để
thoả mãn những tham
vọng Đại Hán của
chúng. Ngay hôm nay,
bọn sô-vanh Bắc-kinh
đã chọn nước láng
giềng vẫn còn chưa kịp
hàn gấm xong những
vết thương chiến tranh
do bọn xâm lược Mỹ
gây ra, làm vật hy sinh
cho những tham vọng
quá quắt của chúng và
nếu không chặn bản
tay chúng lại, ngày mai,
chúng có thể đi xa hơn
nữa, có thể đẩy toàn
bộ hành tinh của chúng
ta xuống vực thẳm của
một cuộc chiến tranh
hủy diệt.

Không một người có
lương tri nào, không
một nước có chủ quyền
nào lại có thể thờ ơ
trước hành động xâm
lược của quân đội ma-
o-ít vào đất nước Việt-
nam đã chịu nhiều đau
thương, trước những
tội ác ghê tởm do chúng
gây ra. Chỉ có người mù
mới không nhìn thấy
những hậu quả dâm
máu đầu tiên của việc
chơi « con bài Trung-
quốc » chống lại các
dân tộc yêu chuộng hòa
bình, mà những kẻ điên
cuồng ủng hộ nó ở Oa-
sinh-ton, Tô-ky-ô,
Luân-đôn và các thủ
đô khác, chính là Brê-
đin-xki và những kẻ
tương tự như hắn, căm
thù sự tiến bộ xã hội
thật sự. Kiên quyết
giáng trả bọn xâm lược,
xả thân mình để ngăn
chặn bước tiến của bọn
bành trướng Trung-
quốc, nhân dân Việt-
nam yêu chuộng tự do
chẳng những đã làm
tròn nghĩa vụ dân tộc,
mà còn làm tròn nghĩa
vụ quốc tế một cách vẻ

vang. Bằng cuộc đấu
tranh tự hy sinh của
mình, nhân dân Việt-
nam đã cùng với những
người bạn, những đồng
minh trung thành góp
phần vào việc giải
quyết nhiệm vụ chung,
chín mươi của toàn thể
loài người - đó là chặn
tay bọn chính phục
« không gian sinh tồn »,
« các khu vực thịnh
vượng chung » mới
xuất hiện, chặn tay
những kẻ hiện nay về
thực chất đang đóng
vai trò đội quân xung
kích của những thế lực
phản động và xâm lược
quốc tế.

Ngày 2 tháng ba,
đồng chí Brê-giơ-nép
tuyên bố: «...Những
người căm quyền hiện
nay của Bắc-kinh đã
bộc lộ đầy đủ trước
toàn thể thế giới bản
chất xâm lược, quỹ
quyết của chính sách
bá quyền nước lớn do
họ thi hành. Bây giờ,

(*) Trích dịch bài bình luận
của Tạp chí *Người cộng sản*
(Liên-xô) số 4, tháng 3-1979.

tất cả mọi người đều thấy rằng chính sách đó đang là nguy cơ nghiêm trọng nhất đối với hòa bình trên toàn thế giới. Bây giờ, hơn lúc nào hết, người ta thấy rõ tất cả tính chất nguy hiểm của bất kỳ một hình thức tiếp tay nào cho chính sách đó ».

Cuộc tiến công lão xược, hoàn toàn vô cơ vào đất nước của đồng chí Hồ-Chi-Minh trùng hợp về thời gian với việc Đặng-Tiêu-Bình kết thúc hội đàm với những người cầm quyền ở Mỹ và Nhật. Nó buộc nhân dân thế giới phải nhìn nhận sự việc đang

diễn ra một cách bao quát hơn, phải hiểu rõ được những khía cạnh đối ngoại cơ bản của thực tế Trung-quốc để phân biệt được cái chủ yếu trong vô số những sự kiện xảy ra trong một, hai năm gần đây và rút ra được những kết luận phù hợp.

Chủ nghĩa phiêu lưu không giới hạn của những người theo Mao bộc lộ hết sức rõ rệt qua những hành động kẻ cướp hiện nay của Bắc-kinh: nếu ta mất cảnh giác, thì những hành động này có thể là màn đầu cho những

hành động tiếp theo, nguy hiểm hơn: điều đó buộc ta phải rút ra những kết luận phù hợp trong khi còn chưa muộn. Thái độ giấu giếm và công khai dùng từng chính sách đe dọa, bạo lực và độc tài mao-ít của những người hoạt động thiên cận, của những người đo tính toán ích kỷ sẵn sàng phớt lờ những bài học đáng buồn về sự « hòa giải » Mụy-ních, làm cho hơn 50 triệu người chết trong chiến tranh thế giới thứ hai, cũng buộc ta phải rút ra những kết luận thích đáng.



NHƯ nhiều lần đã nêu lên ở các đại hội Đảng cộng sản, ở các cuộc gặp gỡ các vị lãnh đạo nhiều đảng anh em của các nước xã hội chủ nghĩa, Bắc-kinh, trong khi tiến hành đường lối bá quyền nước lớn, ngang nhiên đi tới chỗ làm cho tình hình quốc tế trở nên căng thẳng, sử dụng đủ mọi thủ đoạn để phá hoại vị trí của khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa, của các lực lượng cách mạng, các lực lượng giải phóng hiện nay. Muốn với tới những kho tàng quân sự của khối NATO, những người cầm quyền Trung-quốc bằng đủ mọi cách quảng cáo thái độ thù địch của họ đối với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, bênh vực cuộc chạy đua vũ trang điên cuồng. Công khai khuyến khích chủ nghĩa phục thù, họ đòi phải xét lại những kết quả của chiến tranh thế giới thứ hai và của sự phát triển

trong thời kỳ sau chiến tranh. Chính sách này lại càng nguy hiểm ở chỗ nó đang được các giới phân động nhất ở các cường quốc đế quốc chủ nghĩa ủng hộ. Ban lãnh đạo Trung-quốc ngày nay đã không ngần ngại có những hành động bành trướng trực tiếp và xâm phạm toàn vẹn lãnh thổ của các nước láng giềng. Những vùng lãnh thổ của các nước láng giềng mà theo lời Mao, Bắc-kinh muốn « có được » vượt quá diện tích của bản thân Trung-quốc, điều đó cho thấy Bắc-kinh thêm muốn xâm chiếm đến mức nào.

Cần phải đặc biệt lưu ý rằng những hành động mới đây của Bắc-kinh trên trường quốc tế là sự tiếp tục một cách lộ gịch đường lối đối ngoại mà ban lãnh đạo Trung-quốc đã trình bày tại Đại hội lần thứ XI Đảng cộng sản Trung-quốc (tháng 8-1977) và tại Hội

ng nghị đại biểu nhân dân toàn quốc (tháng 2 — 3-1978). Tại các hội nghị và đại hội này, đường lối thù địch và nguy hiểm đối với chủ nghĩa xã hội và hòa bình được tuyên bố là quốc sách, còn chủ nghĩa Mao được ghi nhận là ngọn cờ chính trị tư tưởng của Đảng và Nhà nước. Đường lối đó tiếp tục quay sang phía hữu.

Trong lĩnh vực đối ngoại, vẫn như trước đây, Bắc-kinh đặt hy vọng vào sự tất yếu của chiến tranh thế giới, vào việc phá hoại sự hòa hoãn, vẫn đi theo đường lối nước lớn chống chủ nghĩa xã hội. Bắc-kinh tăng cường câu kết với các thế lực đế quốc và phản động, đồng lõa với chúng chống lại chủ nghĩa xã hội, phong trào cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Bọn đế quốc có thêm một đồng minh — đó là Trung-quốc ngày nay. Chủ nghĩa bài Xô của Bắc-kinh làm cho Trung-quốc trở thành người bạn đường rất hấp dẫn đối với các nước đế quốc. Sự hợp tác về kinh tế và quân sự ngày càng phát triển của các nước trong khối NATO với Trung-quốc là nhằm chống lại khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa và tất cả các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Đường lối « hiện đại hóa » đất nước có mục đích, dựa vào sự giúp đỡ của Mỹ, Nhật, Tây Đức và các cường quốc đế quốc chủ nghĩa khác, xây dựng một cơ sở quân sự, kinh tế và khoa học — kỹ thuật vững chắc hơn để thực hiện các kế hoạch bành trướng Đại Hán.

Sự đầy mạnh hoạt động của Bắc-kinh để thành lập một « mặt trận thống nhất » nào đó, sự liên kết công khai với các giới đế quốc hiếu chiến nhất và bọn phản động, sự quân sự hóa đất nước được đẩy mạnh, đang biến Trung-quốc thành nguồn gốc gây ra tình hình quốc tế căng thẳng và lò lửa chiến tranh.

Chính sách đối ngoại của những người cầm quyền Trung-quốc là nhằm đầy Mỹ và các nước trong khối NATO tới chỗ đụng độ « nóng » hoặc « lạnh »

với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chuyển khẩu hiệu chính trị về việc thành lập một « mặt trận thống nhất » sang bình diện hình thành một hệ thống các hiệp ước và hiệp định quốc tế chống lại cộng đồng xã hội chủ nghĩa

Trong hoạt động quốc tế của ban lãnh đạo Trung-quốc, đã có sự biến đổi về chất mang tính chất phân cách mạng. Ngày càng vượt ra khỏi ranh giới dân tộc, vấn đề Trung-quốc hiện nay đã trực tiếp đụng chạm tới những lợi ích căn bản của hòa bình và an ninh của các dân tộc, đe dọa hết thảy.

— *Đối với các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới*, điều này biểu hiện ở chỗ Trung-quốc ngày càng tăng cường đối lập công khai và trực tiếp với các nước xã hội chủ nghĩa, thậm chí âm mưu can thiệp vào công việc nội bộ của các nước đó và có hành động vũ trang.

— *Đối với chủ nghĩa tư bản thế giới*, điều này biểu hiện ở sự câu kết công khai của đường lối đối ngoại của Bắc-kinh với chiến lược chống cộng của giai cấp tư sản độc quyền, ở sự phối hợp hành động với những thế lực đế quốc và phản động đen tối nhất chống lại chủ nghĩa xã hội thế giới và phong trào giải phóng dân tộc, chống lại các nước đang phát triển theo chiều hướng xã hội chủ nghĩa, ở sự hợp tác toàn diện với bọn đế quốc để tăng cường tiềm lực kinh tế — quân sự của Trung-quốc.

— *Đối với các nước đang phát triển*, điều này biểu hiện ở sự giúp đỡ về kinh tế, chính trị và quân sự ngày càng tăng của Trung-quốc đối với các chế độ phản động, ở sự thiết lập và mở rộng các mối liên hệ với các chế độ đó, ở sự chi viện cho các thế lực phản động bên trong các nước này.

Chính sách hiện nay của Bắc-kinh, về mục đích và phương pháp, không khác gì mấy so với chính sách của các

cường quốc để quốc chủ nghĩa. Nếu một thời gian trước đây còn có thể chỉ nói tới ý đồ của những người cầm quyền Trung-quốc lợi dụng những mâu thuẫn giữa hai hệ thống thế giới vào những mục đích vụ lợi, thì ngày nay tình hình đã khác. Sự chuyển hướng từ đấu tranh về tư tưởng chống lại các nước xã hội chủ nghĩa sang đấu tranh về chính trị, kinh tế và thậm chí cả quân sự, sự phối hợp thực tế hành động với bọn đế quốc trên trường quốc tế đã chứng tỏ rằng về nội dung giai cấp của chính sách đối ngoại, Trung-quốc đã trở thành một khâu của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới.

Như vậy là xuất hiện một tình thế mới trong quan hệ quốc tế, khi những người lãnh đạo Trung-quốc tuy tuyên bố rằng nước họ là xã hội chủ nghĩa, nhưng trên thực tế lại tiến hành một chính sách bành trướng, thực dân mới, đế quốc chủ nghĩa, đồng lõa với thế giới tư bản.

ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI THẾ GIỚI

Bắc-kinh mở rộng mặt trận liên công các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tiến hành chính sách phân hóa các nước đó một cách linh vi hơn, không ngần ngại có những hành động bành trướng trực tiếp. Vì vậy vấn đề Trung-quốc trực tiếp đụng chạm tới lợi ích của tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, của toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới nói chung, ý nghĩa của nó trong cuộc đấu tranh của chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản ngày càng tăng.

Trong thời kỳ « cách mạng văn hóa », ban lãnh đạo Trung-quốc có một lập trường thù địch thực tế với tất cả các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, trừ An-ba-ni. Từ đầu những năm 70, Bắc-kinh bắt đầu phát triển dần dần quan hệ với từng nước xã hội chủ nghĩa theo trình tự

chọn lựa, và đến nay thái độ phân hóa đã trở thành nguyên tắc chủ yếu trong quan hệ của Trung-quốc với các nước xã hội chủ nghĩa.

Sau khi tuyên bố phe xã hội chủ nghĩa « không còn tồn tại », ban lãnh đạo Trung-quốc đối xử có phân hóa nhiều mặt với các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Thề theo « thuyết ba thế giới », họ chia rẽ các nước xã hội chủ nghĩa, phân chia các nước ấy theo các « thế giới » khác nhau. Ngay cả trong nhóm các nước xã hội chủ nghĩa bị xếp vào « thế giới » « thứ hai » và « thứ ba », họ cũng mưu toan phân hóa, điều ấy biểu hiện ở ý đồ tách nước này với nước khác, đối lập một nước với tất cả các nước khác, nhằm làm suy yếu các nước đó và buộc các nước đó phải phụ thuộc vào Trung-quốc.

Mục đích chủ yếu của sự phân hóa này là nhằm chia rẽ các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, đối lập các nước đó với Liên-xô, phá hoại sự phối hợp hành động của các nước và các đảng anh em.

Như báo chí nước ngoài đã đưa tin, mùa thu năm 1978, Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc đã thảo luận chuyên đề tăng cường chính sách phân hóa các nước trong hiệp ước Vác-sa-va. Vì vậy người ta thấy Trung-quốc đã đẩy mạnh hoạt động trong công tác tuyên truyền, ngoại giao và đặc biệt là trong việc tiếp xúc, trao đổi về kinh tế, khoa học — kỹ thuật, văn hóa, xã hội.

Trong công tác tuyên truyền, điều đó thể hiện ở chỗ Bắc-kinh lập trung công kích Liên-xô, bới công kích các nước xã hội chủ nghĩa khác, trừ Cu-ba, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và Cộng hòa nhân dân Mông-cô. Ban lãnh đạo Trung-quốc âm mưu lợi dụng bất kỳ một khó khăn nào, mà đôi khi các nước xã hội chủ nghĩa gặp phải, để phá hoại quan hệ của họ với

Liên-xô. Đồng thời sự phát triển các quan hệ chính trị và kinh tế — thương mại của một nước anh em nào đó với phương Tây đều được ca tụng là biểu hiện của khuynh hướng « độc lập » và « tự chủ ». Họ không ngừng âm mưu tác động tới dư luận xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa theo tinh thần chống Liên-xô, tinh thần dân tộc chủ nghĩa và đang tìm kiếm những con đường ảnh hưởng tới tâm trạng của giới trí thức và thanh niên.

Hoạt động ngoại giao của Trung-quốc được đẩy mạnh ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa, với một chiến thuật xảo quyệt hơn. Các đại diện của Bắc-kinh hiện nay đang làm ra vẻ tránh không áp đặt kinh nghiệm của mình, và thậm chí còn tỏ ra quan tâm tới việc « nghiên cứu » kinh nghiệm của các nước khác, nhưng đồng thời bằng mọi cách nhấn mạnh các đặc điểm dân tộc và những nét đặc thù của nước này hay nước khác. Song song với cái đó, Bắc-kinh lại thẳng thừng trả đũa một số nước xã hội chủ nghĩa khác. Một ví dụ rõ ràng là cuộc tiến công ăn cướp vào Việt-nam, những hành động phá hoại Cộng hòa nhân dân Mông-cô, Cu-ba và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Những người lãnh đạo Trung-quốc ngày càng trắng trợn ủng hộ các âm mưu của bọn phục thù Tây Đức đối với Cộng hòa dân chủ Đức. Họ nhai đi nhai lại luận điệu « vấn đề nước Đức chưa được giải quyết », tung ra những trò bịa đặt có tính chất khiêu khích khác. Tất cả những cái đó không phải là cái gì khác mà chính là sự xâm phạm trực tiếp tới những lợi ích căn bản của khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tới chủ quyền của Cộng hòa dân chủ Đức.

Bắc-kinh tỏ ra tăng cường các quan hệ kinh tế và khoa học — kỹ thuật với một số nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, nhằm làm cho các nước xã hội chủ nghĩa, trong lĩnh vực này, xuất phát trước hết từ những lợi ích

buôn bán nhất thời, chứ không tuân theo những tư tưởng chính trị có tính nguyên tắc. Trong khuynh hướng chung của Trung-quốc hướng về phương Tây, các nước xã hội chủ nghĩa dường như được họ dành cho vai trò người bạn hàng kinh tế — thương mại dự bị. Hơn nữa, ban lãnh đạo Trung-quốc mong muốn sao cho ngày càng có thêm nhiều nước ngừng chỉ trích chính sách của Bắc-kinh, không chống trả lại sự công kích của Bắc-kinh đối với Hội đồng tương trợ kinh tế và Hiệp ước Vác-sa-va, bỏ qua những lời cáo buộc vu khống của Bắc-kinh đối với Liên-xô, Việt-nam và Cu-ba.

Các đảng anh em hiểu rõ rằng, khi chủ động mở rộng quan hệ giữa các nước, giới chấp bu Trung-quốc trước hết theo đuổi mục đích chia rẽ của họ. Những bước đẩy mạnh quan hệ kinh tế — thương mại và khoa học — kỹ thuật của Trung-quốc với các nước xã hội chủ nghĩa, trong khi Bắc-kinh không phát triển các quan hệ đó với Liên-xô và càng tăng cường đường lối chống Liên-xô, rõ ràng là nhằm chứng tỏ hiệu lực của chính sách phân hóa.

Chính sách này là một phần của đường lối toàn cầu chống chủ nghĩa xã hội của Bắc-kinh. Nó phù hợp với chính sách của các tập đoàn ở phương Tây đang âm mưu làm sống lại tinh thần « chiến tranh lạnh ».

Nguyên tắc cơ bản của sự hợp tác của các nước xã hội chủ nghĩa nhằm bảo đảm thắng lợi trong công cuộc bảo vệ lợi ích chung, cũng như lợi ích và phẩm giá của từng nước anh em đã và vẫn là nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Việc đặt lợi ích chung lên hàng đầu, sự phối hợp các cố gắng đã cho phép các đảng anh em giành được nhiều thắng lợi trên trường quốc tế. Kinh nghiệm đấu tranh thắng lợi của Cu-ba trong việc chống lại sự bao vây của đế quốc, kinh nghiệm ủng hộ Việt-nam, Lào trong chiến tranh chống các bọn xâm

lược để quốc chủ nghĩa, kinh nghiệm chung sức đấu tranh nhiều năm để Cộng hòa dân chủ Đức được công nhận về mặt pháp lý quốc tế, việc tổ chức phong trào đoàn kết với Ăng-gô-la và Ê-ti-ô-pi, những cuộc đấu tranh chung về các vấn đề giải trừ quân bị, cấm dùng vũ khí nơ-tron v.v., tất cả những cái đó là một tấm gương sáng chói về tính hiệu quả cao của chính sách đối ngoại có phối hợp của các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Kinh nghiệm tích lũy được tạo ra khả năng đấu tranh thắng lợi chống chính sách phân hóa của Bắc-kinh đối với các nước xã hội chủ nghĩa.

Điểm nổi bật của chính sách đối ngoại hiện nay của Bắc-kinh trong quan hệ với các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là công khai đối chọi với một số nước ngày càng nhiều. Nếu cho đến gần đây Bắc-kinh tiến hành «cộng đầu tranh lấy nhọn chống nhọn» dưới dạng công khai, kể cả xung đột quân sự, chủ yếu chống Liên-xô, Cộng hòa nhân dân Mông-cô, thì hiện nay họ đi đến chỗ xâm lược Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, gây tình hình căng thẳng ở biên giới Lào, tung gián điệp vào lãnh thổ Lào, thực hiện một chiến dịch chính trị điển cường chống lại Cu-ba, cũng như cắt đứt quan hệ kinh tế và khoa học — kỹ thuật với An-ba-ni.

Những người cầm quyền Trung-quốc coi nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa hùng cường, thực hiện một chính sách độc lập đối với Bắc-kinh, nhằm phát triển tình hữu nghị và hợp tác với Liên-xô, với toàn bộ cộng đồng xã hội chủ nghĩa, là một trong những trở ngại chính trên con đường thực hiện những âm mưu bành trướng của họ ở Đông Nam Á. Vì vậy, họ đã và đang ra sức bằng đủ mọi cách gây khó khăn và kìm hãm công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, cô lập Việt-nam ở Đông-dương và Đông Nam Á.

Đồng thời với việc tiến công Việt-nam, họ còn đe dọa Lào và Cam-pu-chia, nơi mà lực lượng của chủ nghĩa xã hội và dân chủ đã giành được thắng lợi.

Coi Cu-ba là một vật chướng ngại nguy hiểm trên con đường thực hiện chủ nghĩa bá quyền của Trung-quốc trong khu vực giải phóng dân tộc, Bắc-kinh không ngần ngại xúi giục Oa-sinh-ton tiến hành một chính sách cứng rắn hơn đối với nước này. Những người lãnh đạo Trung-quốc âm mưu làm mất uy tín của Cu-ba trong việc Cu-ba viện trợ theo tinh thần quốc tế chủ nghĩa cho các dân tộc châu Phi và châu Mỹ la tinh, âm mưu cô lập và thậm chí gạt Cu-ba ra khỏi phong trào không liên kết. Họ cũng dùng một chiến thuật tương tự như vậy trong phong trào không liên kết đối với Việt-nam.

Đối với Mông-cô, những người cầm quyền Trung-quốc không từ bỏ các kế hoạch thôn tính. Song song với việc tiếp tục gây sức ép chiến lược — quân sự ở biên giới Mông-cô, họ đẩy mạnh các hoạt động biệt kích phá hoại.

Lập trường của các đảng anh em ở các nước xã hội chủ nghĩa trung thành với nghĩa vụ quốc tế của mình là đồng nhất. Các đảng anh em kháng định tình đoàn kết không gì lay chuyển nổi với nhân dân Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, Cu-ba và Mông-cô, đang kiên quyết bảo vệ quyền bất khả xâm phạm lãnh thổ, độc lập, quyền thực hiện chính sách cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước mình không có sự cản trở, đe dọa và gây sức ép từ bên ngoài.

Các đảng anh em đang thi hành những biện pháp thực tiễn để ủng hộ Việt-nam về chính trị và kinh tế. Cái đó thể hiện một phần ở việc hợp thức hóa quan hệ giữa các nước với Việt-nam về mặt hiệp ước — pháp lý

Hiệp ước hữu nghị và hợp tác ký kết giữa Liên-xô và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam tháng 11 năm 1978 đã có tiếng vang lớn trên thế giới. Đó là một văn kiện có tầm quan trọng lịch sử với đầy đủ ý nghĩa của nó. Những kẻ thù của Việt-nam, những kẻ đang hy vọng gây tình hình căng thẳng, chia rẽ khối cộng đồng xã hội chủ

nghĩa, dù muốn hay không, đều phải tính tới tính hiện thực của bản Hiệp ước đó, một bản hiệp ước phục vụ lợi ích của tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, củng cố lập trường quốc tế của các nước này. Các nước xã hội chủ nghĩa anh em đang ủng hộ Việt-nam, tăng cường giúp đỡ Việt-nam về chính trị, kinh tế và các mặt khác.

Phát huy sức mạnh tại chỗ...

(Tiếp theo trang 63)

tê với quốc phòng, sử dụng hợp lý các lực lượng lao động của cả nước và các địa phương.

Sức người, sức của tại chỗ rất lớn, nhân dân ta bao giờ cũng sẵn sàng đóng góp sức mình để xây dựng và chiến đấu thắng lợi. Cần xây dựng một kế hoạch thống nhất, tuân thủ những nguyên tắc sử dụng hợp lý, chính xác, tiết kiệm, kết hợp sử dụng và tích lũy, làm cho tiềm lực tại chỗ ngày càng tăng. Kết hợp sản xuất và chiến đấu nhằm bảo đảm cho chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu tốt, nhưng không vì thế mà làm cho sản xuất đình trệ hoặc kém phát triển.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ta nhân tố cơ bản quyết định thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng và chiến đấu trên địa bàn huyện. Kinh nghiệm vừa qua cho thấy, những huyện chiến đấu giỏi, tiêu diệt được nhiều quân Trung-quốc xâm lược, bảo vệ tốt tính mạng và tài sản của nhân dân là do sớm xác định chính xác nhiệm vụ chiến đấu của đảng bộ, khai thác được khả năng tiềm tàng, phát huy được sức mạnh tổng hợp của huyện, phát động được quần chúng để giải quyết một cách có hiệu quả các yêu cầu chiến đấu tại chỗ. Làm được như vậy, mỗi đơn

vị cơ sở và cả huyện sẽ trở thành pháo đài vững chắc chôn vùi quân Trung-quốc xâm lược, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Điều hâu đội lòng công

(Tiếp theo trang 75)

thực hiện nền độc tài phát xít của Nhà nước quan liêu quân phiệt phản động và hiếu chiến; họ đang áp đặt sự kiểm soát của tập đoàn phản động theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn; họ đã phản bội hoàn toàn chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Chủ nghĩa xã hội, chuyên chính vô sản, Đảng cộng sản, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đó là 4 chiếc lông công tuyệt đẹp. Con điều hâu ở Bắc-kinh đem 4 chiếc lông công đó buộc vào đuôi của nó để lừa bịp nhân dân Trung-quốc và nhân dân thế giới. Nhưng thủ đoạn gian dối đó không lừa bịp được ai.

Vậy có thơ rằng:

Điều hâu mà đội lông công,
Lừa người chẳng đáng, mình trông
lại mình:

Chao ôi! Dị tướng dị hình!
Công này chính hiệu Bắc-kinh:
công - điều.

TRẦN QUỐC TỬ

Y-Ê-MEN

TRÊN CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN CÁCH MẠNG

PHẠM-HUY-THÔNG



-Ê-MEN xưa là «Ả-rập hạnh phúc». Đó là đất nước của nữ hoàng truyền thuyết xứ Xa-ba và của nữ hoàng A-roa thật sự, từng danh lịch sử Ả-rập Hồi giáo, ngang thời nhà Lý ở nước ta, năm 25 tuổi thay chồng nắm quyền bính và từ đó 55 năm liên trị vì một nước Y-ê-men thống nhất, hùng cường và văn minh. Đó cũng là nơi có vịnh A-đen nổi tiếng, ở một vị trí địa lý xung yếu từ châu Âu sang Đông Phi và Nam Á, đã từng được gọi là cái «chốt» chắn ngang «cuồng hòng» của Biển Đỏ, lại có đảo Pê-rim án ngữ lối ra vào Biển Đỏ và đảo Xô-cô-tơ-ra kiểm soát đường từ Biển Ả-rập thông sang Ấn-độ-dương. Cho đến cách đây chưa đầy 20 năm còn tồn tại ở đây một hải cảng đồng thời cũng là một quân cảng đồ sộ, với tên gọi là A-đen, một pháo đài xung yếu trong hệ thống chiến lược thế giới của đế quốc Anh nhằm khống chế cả một vùng trời biển bao la.

Là một người làm công tác sử học, tôi đến thăm Y-ê-men không khỏi ít nhiều ngóng đợi vang bóng của những thời oanh liệt cũ. Dấu tích những ngày qua vẫn còn đây, ở viện bảo tàng khảo cổ học tại khu Ta-oa-hi, ở viện bảo tàng dân tộc học tại khu Crê-to, ở những thành quách và những

hồ nước bậc thang kiên cố thời trung cổ cheo leo trên đỉnh núi và sườn đồi, ở những khu dân nghèo với những túp lều ghép bằng những mảnh tôn, ván dấp diêm tòi tàn chưa thanh toán được hết, ở những hồ bom đạn của những ngày khởi nghĩa còn hằn nhiều vết tích ở khu phố đặc biệt, khu lao động mang tên-viên quan trưởng Ôt-man... thành phố A-đen quả là một bảo tàng sống.

Nhưng nổi nết ngày nay là một cuộc sống khác. Một cuộc sống quen thuộc, gần gũi Việt-nam chúng ta vô cùng, mặc dù cảnh vật và con người đều thật khác. Vì Y-ê-men đang tiến hành một cuộc đấu tranh cách mạng gay go và quyết liệt, nhằm thống nhất hai miền Nam Bắc của đất nước, trong khi song song phấn đấu bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Nam Y-ê-men tiến bộ — nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men.

300000 ki-lô-mét vuông, 1600000 dân. Diện tích Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men như thế là rộng gấp mười Cộng hòa Ả-rập Y-ê-men, tức Bắc Y-ê-men, nhưng số dân chỉ bằng một phần tư. Đất rộng nhưng phần lớn là sa mạc. Tuy nhiên lực lượng hai bên không phải là chênh nhau lắm. Ở cả hai bên, tới nay, đều chưa tìm thấy dấu mỏ. Nếu ở miền Bắc những ốc đảo Y-ê-men có mật độ số dân cao

hơn đã cho phép nảy nở, xưa kia, một nền văn minh nông nghiệp cổ điển, nay ngừng trệ, thì miền Nam đã tiếp xúc với phương Tây sớm hơn, bước vào cuộc sống văn minh hiện đại sâu sắc hơn. Mầm mống công nghiệp sản có thời thực dân Anh thống trị, nay đang được cải tạo và phát triển, càng làm lớn rộng ở A-đen và quanh A-đen hàng ngũ một giai cấp công nhân có giác ngộ khá cao.

Cách mạng dân tộc dân chủ nổ ra, đã lật đổ chế độ quân chủ Hồi giáo ngày 26-9-1962. Cách mạng càng được phát huy mạnh mẽ từ ngày 14-10-1963, sau khi A-đen đứng dậy, chia mũi nhọn đấu tranh vào thực dân Anh. Sáu vạn công nhân trong số 25 vạn dân ở A-đen làm nông cốt cho Mặt trận dân tộc thống nhất thành lập tháng 6 năm 1965, đã tiến hành đấu tranh anh dũng và đưa đến thắng lợi ngày 30-11-1967. Với thắng lợi này, chế độ dân chủ nhân dân được thiết lập ở miền Nam. Bốn đề quốc vẫn còn giữ lấy phần miền Bắc, để cai quản hơn, và chúng mong dùng chính quyền ở đây để ảnh hưởng đến miền Nam.

Ngay ở miền Nam, thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ cũng chưa có nghĩa là chính quyền đã thật sự về tay nhân dân. Những người cách mạng tích cực đã chủ trương phát động quần chúng rộng rãi, lôi cuốn nông dân liên kết với công nhân. Do đó, đã tiến đến «cuộc biến đổi» ngày 22-6-1969, gạt bỏ số người lãnh đạo cơ hội hữu khuynh lúc bấy giờ, mở đường cho những cải cách dân chủ mạnh mẽ. «Tổ chức chính trị thống nhất của Mặt trận dân tộc» đã lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi việc xây dựng và thực hiện kế hoạch ba năm chuyển tiếp, rồi kế hoạch năm năm đầu tiên, sẽ kết thúc cuối năm nay.

Giữa năm 1978, những lực lượng phản động quốc tế giả danh tiến bộ, liên kết với chủ nghĩa đế quốc hoành

hành ở khắp mọi nơi, bắt đầu xâm nhập Y-ê-men. Đến lượt những nhà cách mạng Y-ê-men phải thanh toán nhóm cơ hội «tả khuynh», muốn bắt tay những kẻ, trên trường quốc tế, phô trương danh nghĩa cách mạng nhưng lại chống Liên-xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa, chỗ dựa của cách mạng Y-ê-men! Tháng 11-1978, những người mác-xít chân chính Y-ê-men thấy đã đến lúc cần chính thức thành lập đảng cách mạng kiểu mới, dứt khoát lấy chủ nghĩa xã hội khoa học làm cơ sở lý luận. Mùa xuân năm nay, Đảng xã hội chủ nghĩa Y-ê-men ra đời, công bố tổ chức và hành động theo những phương châm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đã có sáng kiến tổ chức một cuộc «Hội thảo quốc tế về công tác tư tưởng cách mạng», mời những đảng anh em thân thiết và tin cậy nhất cử những nhà nghiên cứu đến thủ đô A-đen, cùng những nhà nghiên cứu hai miền Y-ê-men trao đổi ý kiến về cách mạng Y-ê-men.

Hội nghị đã hoàn toàn nhất trí với những quan điểm và mục tiêu phấn đấu của cách mạng Y-ê-men dưới sự lãnh đạo của Đảng xã hội chủ nghĩa Y-ê-men, như các đồng chí lãnh đạo và cán bộ của Đảng đã trình bày.



Điều cơ bản được khẳng định ở Hội nghị, là sự cần thiết phải có một đảng lãnh đạo sáng suốt và trung kiên, được vũ trang bằng hệ tư tưởng Mác - Lê-nin, nắm vững tình hình thế giới đang biến chuyển theo ba dòng thác cách mạng của thời đại, và có ý chí đưa dân tộc tiến lên con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đảng xã hội chủ nghĩa Y-ê-men đã được thành lập. Đảng lãnh đạo Nhà nước cách mạng ở Nam Y-ê-men. Trường Đảng, niềm hy vọng và ước mơ của nhân dân, được giới thiệu với khách nước ngoài với một nhiệt tình kỷ lự: hiện trụ sở và trường lớp, với một nhà

bảo tàng Lê-nin, được tạm đặt tại cung điện tiểu vương A-đen cũ, nhưng trường đang được khẩn trương xây dựng hiện đại và rộng lớn, với sự hào hứng cách mạng của đảng viên, cán bộ, công nhân, thanh niên, và với sự giúp đỡ tích cực của Liên-xô, và sẽ khánh thành vào dịp kỷ niệm một năm ngày thành lập Đảng.

Nhận thức thống nhất của những nhà nghiên cứu thuộc các đảng anh em dự Hội thảo ở A-đen là mọi thắng lợi của cách mạng Y-ê-men gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng xã hội chủ nghĩa Y-ê-men. Nhiệm vụ lịch sử hiện nay của nhân dân Y-ê-men là ra sức thực hiện đường lối cách mạng đã được Đảng đề ra, với *hai mục tiêu lớn: thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội*.

Đảng đã kết luận rõ ràng cuộc tranh luận về quan hệ giữa hai mục tiêu này. Đồng chí Áp-dun Phát-ta I-xmai, Tổng bí thư Đảng xã hội chủ nghĩa Y-ê-men và Chủ tịch Hội đồng cách mạng tối cao nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men, đã một lần nữa khẳng định rằng hai nhiệm vụ cách mạng đó không mâu thuẫn nhau, không chằng chéo cản trở nhau, mà trái lại hỗ trợ nhau. Không phải thống nhất rồi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội mà chính việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men sẽ tăng cường thực lực và nâng cao uy thế của cách mạng miền Nam, thúc đẩy sự nghiệp thống nhất Tổ quốc. Ngược lại, cũng chớ nghĩ rằng chỉ có hoàn thành được cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Nam rồi, thì mới thực hiện thống nhất đất nước. Càng sai nếu cho rằng thống nhất đất nước rồi, thì khó xây dựng được chủ nghĩa xã hội ở cả nước, hoặc có chủ nghĩa xã hội ở một miền, thì khó thực hiện thống nhất đất nước... « Giữa hai cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa, không có một vận lý trường thành nào ngăn cách ».

Cả hai miền đất nước đều chưa kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong tình hình ngày nay, với khoa học và kỹ thuật hiện đại, với sự giúp đỡ của các nước anh em, mỗi bộ phận của dân tộc và cả dân tộc, tuy còn lạc hậu, đều có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Miền là có đường lối đúng đắn. Miền là động viên được nhân dân. Miền là có chiến lược và sách lược thích hợp trong thế giới Ả-rập rất phức tạp hiện nay và trước những mưu đồ quá quắt của bọn đế quốc và của những tên tay sai phản động ở trong và ngoài nước.

Gắn liền hai mục tiêu phấn đấu của cách mạng Y-ê-men, Đảng xã hội chủ nghĩa Y-ê-men coi việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Nam Y-ê-men chính là động lực chủ yếu sẽ đưa sự nghiệp thống nhất cả nước đến thành công. Nhưng Đảng không chút coi nhẹ những yếu tố khác. Đảng chủ trương liên kết và phối hợp chặt chẽ với Mặt trận dân tộc dân chủ ở miền Bắc. Mặt trận này được thành lập trong lòng Cộng hòa Ả-rập Y-ê-men, thể hiện ý chí thống nhất và nguyện vọng đổi đời của nhân dân Bắc Y-ê-men, bấy lâu bị chia cắt và bị áp bức, bóc lột. Mặt trận giáo dục quân chúng rộng rãi trong tinh thần « độc lập, tiến bộ, thống nhất và hòa bình ». Mặt trận cũng tập hợp đồng đạo các tầng lớp quần chúng đấu tranh đòi chính quyền Bắc Y-ê-men phải chấp nhận và thực hiện những cải cách dân chủ đề ra trong cương lĩnh của Mặt trận (ở vùng đất này, kinh tế chậm tiến và tổ chức xã hội còn khá lạc hậu, như tàn tích của bộ lạc vẫn còn dai dẳng). Bản thân chính quyền Nam Y-ê-men cũng đòi chính quyền Bắc Y-ê-men phải thể theo nguyện vọng của dân tộc, xúc tiến việc thống nhất đất nước.

Điều quan trọng bậc nhất là phải cảnh giác trước muôn nghìn mưu ma chước quỷ của bọn đế quốc, cùng những đồng minh và tay sai của chúng. Bọn đế quốc vận dụng ở đây

chính sách cổ truyền «chia dê trị». chia Y-ê-men thành hai quốc gia, chúng còn xúi giục những nước Ả-rập láng giềng phản động như Ả-rập Xê-út và O-man, khuấy rối biên giới và can thiệp vào Nam Y-ê-men, gây mâu thuẫn giữa hai nước Y-ê-men. Chính trong những ngày tháng 6 năm 1969 ngay khi lực lượng tiến bộ Y-ê-men nắm chính quyền ở A-den, thì Nam Y-ê-men đã phải đương đầu với một cuộc can thiệp quân sự có tính chất nần gân, xâm lược, của Ả-rập Xê-út, có Mỹ tiếp sức. Từ đó, biên giới luôn luôn bị quấy nhiễu. Và gần đây, tháng 2 năm nay, ở ngay đường phân ranh giới giữa Nam và Bắc Y-ê-men, xảy ra những cuộc xung đột.

Quốc trưởng của Nam và Bắc Y-ê-men đã gặp nhau hội đàm, và tháng 4, hai bên thông báo sẽ cùng nhau bàn cách thống nhất trong vòng bốn tháng. Sự nghiệp thống nhất đất nước này, giằng co bấy lâu, để gì giải quyết ổn thỏa được trong vòng bốn tháng, bằng một cuộc nói chuyện! Đảng xã hội chủ nghĩa Y-ê-men và nhân dân Y-ê-men không có chút ảo tưởng nào về vấn đề này. Nhất là trong khi hai bên đang thương lượng, thì Mỹ hối hả tuồn rất nhiều vũ khí vào Bắc Y-ê-men bao gồm đại bác, xe tăng, máy bay chiến đấu trị giá 390 triệu đô-la trong một thời gian ngắn; đồng thời dốc sức trang bị cảng Hô-đây-đa ở Bắc Y-ê-men, vừa để tiếp nhận viện trợ của đế quốc, vừa để cạnh tranh và hạn chế việc phục hồi cảng A-den ở Nam Y-ê-men. Nhưng việc bàn bạc để thực hiện thống nhất vẫn được chấp nhận và tiếp tục được tiến hành. Ít ra nó cũng có tác dụng khẳng định rằng dân tộc Y-ê-men là một, nước Y-ê-men là một, việc thống nhất Y-ê-men do người Y-ê-men giải quyết, những người Ả-rập khác không được can thiệp vào, không phải là người Ả-rập thì càng không được can thiệp vào.

Đòn bẩy chủ yếu của sự nghiệp đấu

tranh thống nhất hai nhà nước Y-ê-men, chính là *công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men* đã bắt đầu từ khi dựng nước, nay được tiến hành kiên quyết dưới sự lãnh đạo của Đảng xã hội chủ nghĩa Y-ê-men.

Đảng đề ra đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa và từng bước xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời với việc tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ. Vừa hoàn thành cải cách ruộng đất, Y-ê-men dân chủ đã đi ngay vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp. Hàng trăm hợp tác xã nông nghiệp, chăn nuôi, đánh cá, cũng hàng chục nông trường quốc doanh đã được thành lập khắp nơi. Một chương trình thủy lợi hóa to lớn đã được phác họa, trước hết là đào giếng rất sâu. Diện tích trồng trọt cần được mở rộng, vì chính ở những vùng có đủ độ ẩm để làm nông nghiệp, hiện chưa đâu có được trung bình một phât đan (4200m²) mỗi đầu người, chưa đầu lương thực được, bảo đảm. Tuy nhiên, việc trồng cây ăn quả (chà là, chuối, đu đủ...) trồng cây thuốc lá, trồng cà phê, trồng bông, việc chăn nuôi cừu, dê, lạc đà, được đẩy mạnh. Hải sản (tôm, cua, cá, mực...) vốn từ lâu là một nguồn lợi lớn, nay được tích cực khai thác, hàng loạt những nhà máy đóng tàu thuyền đánh cá, làm đông lạnh, đồ hộp... đang được xây dựng, nhằm phục vụ yêu cầu này.

Đồng thời, hàng loạt nhà máy chế biến nông sản: dầu ăn, bia, thuốc lá... cũng được xây dựng và sắp hoàn thành. Công nghiệp nhẹ phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, được quan tâm nhiều. Khắp A-den, nhiều nhà máy được xây dựng rất khẩn trương, nhằm sớm đưa vào sản xuất, với sự giúp đỡ chủ yếu của các nước xã hội chủ nghĩa — giúp đỡ vốn, giúp đỡ kỹ thuật, giúp đỡ cả nhân công trong những trường hợp cần thiết. Có

những khoảng đất còn hoang vu đang được chuẩn bị để trở thành những khu nhà máy. Những nhà máy cơ khí, hóa chất, làm đồ nhựa, làm diêm... cỡ vừa, nhưng trang bị hiện đại, đang được thiết kế, thi công. Một nhà máy dệt lớn vừa được xây lắp xong, có tới 1500 công nhân, đang được mở rộng để nay mai có thể nâng tới 2000 công nhân. Riêng ngành công nghiệp có cơ sở lớn nhất của Anh trước đây, là công nghiệp lọc và chế biến dầu mỏ, thì hiện nay lại đang bị đình trệ, vì bọn đế quốc cản trở việc tiếp tế nguyên liệu, vật liệu. Như vậy không có nghĩa là ở Y-ê-men hoàn toàn chưa có điều kiện cho công nghiệp nặng bước đầu phát triển. Tài nguyên khoáng sản chưa được thăm dò kỹ, nhưng bô-xít đã bắt đầu được khai thác.

A-den, từ một cảng thuộc địa, một thành phố mà tư sản mại bản cùng dân nghèo vong bản đều sống bám vào đế quốc, phục vụ linh tráng và buôn đi bán lại linh tinh, nay đang trở thành một trung tâm sản xuất công nghiệp có bề thế. Mặc dù bọn đế quốc âm mưu bóp nghẹt cảng A-den, ngày nay cảng này vẫn rất quan trọng với tàu buôn cập bến, rời bến ngày đêm, chứ không phải là chiến hạm, tàu ngầm như trước nữa. Y-ê-men đang thành công trong việc phấn đấu nâng con số tàu bè ra vào cảng lên cao hơn nữa. Các ngành giao thông vận tải đường không và đường bộ cũng đang được mở mang.

Tổng bộ cơ sở kinh tế của bọn thực dân và tư sản trước kia nay đã được quốc hữu hóa. Nhà nước mới ra sức xây dựng nhiều nhà máy mới, nhiều trung tâm khoa học và kỹ thuật. Khu vực kinh tế quốc doanh nay đã đóng vai trò chủ đạo.

Cùng với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa và cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật được tiến hành đồng thời, đang làm thay đổi sâu sắc bộ mặt đất nước Nam Y-ê-men. Nạn mù

chữ đang được tích cực thanh toán. Nửa triệu học sinh ở các lứa tuổi khác nhau được cấp sách đến trường. Một số trường cao đẳng và đại học dạy bằng tiếng Ả-rập thay cho tiếng Anh. Tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học ngày càng trở thành tư tưởng chủ đạo trong đời sống chính trị và tinh thần của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men. Những nhà khoa học xã hội nghiên cứu và biểu dương văn hóa và lịch sử dân tộc; văn nghệ dân gian cũng như văn thơ cổ kim được sưu tầm, công bố, và chính Thủ tướng A-li Nát-xe Mô-ha-mét đã đề tựa khen ngợi tác phẩm nghiên cứu khảo cổ học đầu tiên của Y-ê-men, nói lên niềm tự hào của người Y-ê-men ngày nay đối với nền văn minh Nam Ả-rập ở thời các vương quốc cổ đại, ở thời hưng thịnh của Hồi giáo.

Đời sống còn thiếu thốn, khó khăn nhiều mặt, nhưng đang được cải thiện không ngừng. Trẻ em được đặc biệt chăm sóc. Người già cũng vậy. Một đạo luật về nhà cửa được ban hành, phân phối lại nhà ở cho cán bộ và nhân dân. Nhà nước đang cho xây thêm nhà mới nhằm thanh toán những xóm dân nghèo còn đang quá gieo neo. Nhân dân chữa bệnh đã không phải trả tiền thuốc cũng như tiền chữa bệnh. Nhiều bệnh viện to lớn và hiện đại đang được xây dựng, trong đó có những bệnh viện chuyên khoa như viện bảo vệ bà mẹ và trẻ em có đến 300 giường. Y-ê-men dân chủ cũng là nước Ả-rập đầu tiên có luật hôn nhân và gia đình tiến bộ, quy định chế độ gia đình một chồng một vợ. Người phụ nữ Y-ê-men hàng nghìn năm bị trói buộc trong lễ giáo phong kiến và đạo giáo, giờ đây đã được giải phóng, đang sánh vai cùng nam giới xây dựng đất nước. Cuộc sống có phẩm giá và ngày càng tươi đẹp của người dân Y-ê-men đang tiếp tục phát triển theo đà phát triển thắng lợi của cách mạng Y-ê-men.



Cách mạng Y-ê-men dưới sự lãnh đạo của Đảng xã hội chủ nghĩa Y-ê-men, là một cuộc cách mạng có tính giai cấp và tính nhân dân sâu sắc. Cách mạng Y-ê-men thể hiện rõ nét vấn đề phân biệt dứt khoát phải trái, bạn thù. Đảng xã hội chủ nghĩa Y-ê-men kiên quyết đi con đường của Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga, khiêm tốn và nghiêm túc rút kinh nghiệm hoạt động cách mạng của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đặc biệt biểu dương trước cán bộ và nhân dân gương đấu tranh của Việt-nam. Không phải ngẫu nhiên mà con đường chính đưa vào khu các đại sứ quán mang tên Bác Hồ : tiến trên con đường thẳng tắp, cây cỏ xanh tươi đó, khác hẳn những đường phố khác, người đi luôn luôn thấy trước mắt là cờ đỏ sao vàng của đại sứ quán ta đang phấp phới tung bay...

Cán bộ cũng như nhân dân, người trẻ, người già, đều thiết tha và trân trọng tìm hiểu kinh nghiệm của chúng ta, kinh nghiệm đấu tranh thống nhất Tổ quốc, kinh nghiệm tiến hành song song hai cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa, kinh nghiệm đương đầu với chủ nghĩa đế quốc. Với những tình cảm triu mến, thân mật và nhưn nhường, các bạn Y-ê-men, kể cả các đồng chí lãnh đạo, đều coi Việt-nam cũng là nước anh em thân thiết của mình... Trước tình hình bọn bành trướng Trung-quốc mưu toan xâm lược nước ta một lần nữa, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Y-ê-men đã chân thành nói rõ với chúng ta rằng, tuy xưa nay có quan hệ với Trung-quốc, nhưng Y-ê-men không thể làm ngơ không lên án nhà cầm quyền phản động Bắc-kinh tiến công xâm lược Việt-nam,

dù cho có vì thế mà quan hệ này phải xấu đi.

Đồng chí Áp-đun Phát-ta I-xmai, lãnh tụ tối cao Y-ê-men tiếp trưởng đoàn đại biểu nước ta đến dự cuộc trao đổi ý kiến về công tác tư tưởng cách mạng ở Y-ê-men, xúc động hoan nghênh Việt-nam đáp ứng lời mời của Y-ê-men, và nêu rõ : « Đảng, Chính phủ và nhân dân nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men đánh giá cao những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của Đảng cộng sản Việt-nam, coi đó là những kinh nghiệm thiết thực đối với cuộc đấu tranh hiện nay của nhân dân Y-ê-men, và là một sự đóng góp hết sức to lớn vào kho tàng kinh nghiệm cách mạng phong phú của các dân tộc trên thế giới. Đảng, Chính phủ và nhân dân nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men chúng tôi khâm phục những thắng lợi vĩ đại mà nhân dân Việt-nam đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và thống nhất đất nước. Đồng thời, chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với truyền thống cách mạng kiên cường của mình, nhất định nhân dân Việt-nam sẽ thắng trong cuộc chiến đấu hiện nay chống bọn Trung-quốc xâm lược. Trên cơ sở của mối quan hệ chiến đấu thân thiết giữa hai Đảng và hai Nhà nước chúng ta, chúng tôi đã và sẽ tiếp tục ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của các đồng chí ».

Với những lời nói đó vang động bên tai — những lời nói chí tình của người đại diện cho một dân tộc đang đứng vào hàng ngũ những dân tộc tiên phong trên thế giới —, tôi rời A-den ra về, tin chắc ở tương lai rực rỡ của cách mạng Y-ê-men.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ

№ 7—1979 г.

ПЕРЕДОВАЯ: Заботиться о количественном росте партии, укреплять и усовершенствовать ее организации. — Выступление тов. То Хью, главы вьетнамской делегации на конференции секретарей ЦК братских партий, состоявшейся в Берлине с 3 по 5 июля 1979 г. **ЛЕ КУАНГ ХОА.** — Вдохновляющая сила примера. **ЛЕ ТЯН ФЫОНГ.** — Регулировать трудовые резервы уезда с тем, чтобы удовлетворить его производственные и военные нужды. **КОММЕНТАРИИ:** — О тех, кто покинул родину. **ВУ ДЫК ТХАЙ.** — Развивая собственные силы, превратить уезд в крепость. **КОММЕНТАРИИ.** ★ **ЧАН КУОК ТУ.** — Ястребы под личиной павлина.

...

REVIEW OF COMMUNISM

№ 7 — 1979

Editorial — Pay due attention to developing the Party and perfecting and consolidating its organization. Speech by Comrade To Huu, head of the Vietnamese delegation to the Conference of Secretaries of Party Central Committees held in Berlin from 3 to 5 July 1979. **LÊ-QUANG-HOÀ** — The inspiration from an exemplar. **LÊ-CHÂN-PHƯƠNG** — Regulation of manpower in a district with a view to meeting the requirements of production and combat. **Commentaries** — Those who leave. **VŨ-ĐỨC-THÁI** — Develop on-the-spot forces, build the district into a fortress. **Commentaries** ★ **TRẦN-QUỐC-TU** — The hawk in borrowed plumes.

...

REVUE DU COMMUNISME

№ 7 — 1979

Éditorial — Veiller à augmenter l'effectif du Parti, à améliorer et renforcer ses organisations. Allocution du camarade To Huu, chef de la délégation vietnamienne à la conférence des Secrétaires du Parti, tenue à Berlin du 3 au 5 juillet 1979. **LÊ-QUANG-HOÀ** — Force de rayonnement d'un bon exemple. **LÊ-CHÂN-PHƯƠNG** — L'organisation du travail à l'échelle de district, garante de la production et du combat. **Commentaire** — Ceux qui partent. **VŨ-ĐỨC-THÁI** — Faire valoir les potentialités locales, édifier le district en une forteresse. **Commentaire** — Quand le faucon se pare du plumage du paon.

...

REVISTA DEL COMUNISMO

№ 7 — 1979

Editorial — Velar por el aumento de la militancia del Partido, consolidar y mejorar su organización. Informe del compañero To Huu, jefe de la delegación vietnamita en la Conferencia de Secretario del Comité Central del Partido reunida en Berlín del 3 al 5 de julio de 1979. **LÊ-QUANG-HOÀ** — El impacto exhortatorio de un modelo. **LÊ-CHÂN-PHƯƠNG** — Organizar la mano de obra en terreno del distrito en dirección las exigencias de la producción y el combate. **Comentario** — Los que toman la salida. **VŨ-ĐỨC-THÁI** — Convertir el distrito en un baluarte y poner en alto juego la fuerza de la localidad. **Comentario** ★ **TRẦN-QUỐC-TU** — Buitre con plumaje de pavo real.

...

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 7

1979

NĂM THỨ XXV (283)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dãy nói: 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG TẠI MIỀN NAM :

40, Trần - Cao - Vân, TP Hồ-Chí-Minh

Dãy nói: 20060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận – Chăm lo công tác phát triển Đảng và kiện toàn, củng cố tổ chức Đảng	1
Bài phát biểu của đồng chí Tô-Hữu, Trưởng đoàn Việt-nam ở Hội nghị các bí thư Trung ương Đảng họp tại Béc-lin từ ngày 3 đến 5-7-1979	12
LÊ-QUANG-HÒA – Sức cõ vũ của một điển hình	31
LÊ-CHÂN-PHƯƠNG – Điều hành lao động trên địa bàn huyện bảo đảm yêu cầu sản xuất và chiến đấu	37
Bình luận – Những người ra đi	44
TRƯỜNG-SƠN – Về cải tiến tổ chức và quản lý công nghiệp	47
VŨ-ĐỨC-THÁI – Phát huy sức mạnh tại chỗ, xây dựng pháo đài huyện	56
Nghiên cứu ★ VĂN-TẠO – Sự ra đời của Đảng và đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	64
Bình luận ★ TRẦN-QUỐC-TÚ – Điều hậu đội lòng công	72
★ – Bắc-kinh, hôm qua là lực lượng hậu bị, hôm nay là đồng minh của chủ nghĩa đề quốc	76
PHẠM-HUY-THÔNG – Y-ê-men trên con đường phát triển cách mạng	83

Sửa lại – Tạp chí Cộng sản, số 6-1979, trang 67, cột 2, dòng 21 xin đọc:
Ngay đối với những người bị bắt giữ, những người bị đưa ra xét xử trước tòa án, hoặc trước hội đồng kỷ luật vì bị coi là vi phạm pháp luật...

20211

Tìm đọc:

- Nguyên vọng thiết tha của nhân dân Việt-nam :
độc lập, tự do, hòa bình, hữu nghị
- Vấn đề biên giới giữa Việt-nam và Trung-quốc
- Thắng lợi oanh liệt và hào hùng của dân tộc ta
chống bọn Trung-quốc xâm lược
- Thất bại thảm hại của quân Trung-quốc xâm lược



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT